

Số: 25/BC-ĐHNT

Huế, ngày 29 tháng 6 năm 2026

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

Năm học: 2025-2026

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

- Tên cơ sở giáo dục:** Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế.
- Địa chỉ:** Số 10 Tô Ngọc Vân, Phường Đông Ba, TP. Huế
- Loại hình tổ chức:** Trường Đại học công lập
- Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục:**

a. Sứ mạng của trường Đại học Nghệ thuật

Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế có sứ mạng đào tạo, bồi dưỡng tài năng và nguồn nhân lực sáng tạo, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực mỹ thuật, đáp ứng nhu cầu phát triển văn hóa nghệ thuật của khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước theo hướng hội nhập quốc tế.

b. Tầm nhìn của trường Đại học Nghệ thuật

Đến năm 2030, Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế là trường đại học định hướng thực hành kết hợp nghiên cứu, là một trong những trường đại học chất lượng cao về đào tạo nguồn nhân lực chất lượng sáng tạo mỹ thuật hàng đầu và có tầm ảnh hưởng khu vực.

c. Giá trị cốt lõi: “Sáng tạo - Chất lượng - Hội nhập - Phát triển”

d. Triết lý giáo dục: “Ý tưởng - Sáng tạo - Khởi nghiệp”

e. Mục tiêu của trường Đại học Nghệ thuật

Mục tiêu chung:

Đến năm 2030, Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế là một trong những cơ sở đào tạo, bồi dưỡng tài năng và nguồn nhân lực sáng tạo chất lượng cao, một trung tâm thực hành - ứng dụng, nghiên cứu khoa học trong lĩnh vực mỹ thuật có uy tín, đạt chuẩn đảm bảo chất lượng giáo dục quốc gia và khu vực.

Mục tiêu cụ thể

Từ mục tiêu tổng quát, Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế xác định mục tiêu phát triển cụ thể đến năm 2030 như sau:

- Ổn định quy mô đào tạo khoảng 1.000 người học hệ đại học chính quy. Mở đào tạo sau đại học. Có ít nhất 2 chương trình đào tạo được kiểm định chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia.

- Bảo đảm trên 20% cán bộ giảng dạy có trình độ tiến sĩ; 90% cán bộ quản lý và cán bộ phục vụ được đào tạo chuẩn hóa chuyên môn, nghiệp vụ.

- 100% giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, tham gia triển lãm, hội thảo của khu vực, trong nước và quốc tế; 30% giảng viên hàng năm có bài nghiên cứu đăng trên các tạp chí chuyên ngành trong nước và quốc tế.

- 100% các Khoa chuyên môn có chương trình hợp tác, triển lãm quốc tế về mỹ thuật.

- Hoàn thiện hệ thống cơ sở vật chất đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu đào tạo, nghiên cứu và sáng tác trong lĩnh vực mỹ thuật theo hướng chuẩn hóa và phát triển bền vững.

Mục tiêu giáo dục và trách nhiệm xã hội

Mục tiêu giáo dục của Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế là đào tạo, bồi dưỡng tài năng và nguồn nhân lực sáng tạo có kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp giỏi; có phẩm chất, đạo đức, sức khoẻ tốt; yêu nghề, năng động, sáng tạo để đáp ứng nhu cầu phát triển văn hóa nghệ thuật của đất nước, chủ động hội nhập khu vực và quốc tế.

- Xây dựng môi trường giáo dục chuyên nghiệp và thân thiện hướng tới người học, lấy đảm bảo chất lượng làm nền tảng phát triển, đào tạo phù hợp với chuẩn đầu ra theo yêu cầu của xã hội.

- Thực hiện phương châm kết hợp đào tạo với nghiên cứu khoa học, lý thuyết gắn với thực hành: tạo điều kiện cho người học thực hành, thực tập và nghiên cứu khoa học nhằm phát triển kỹ năng nghề nghiệp, tư duy khoa học, năng lực sáng tạo.

- Phát triển thể chất và kỹ năng sống, tạo điều kiện cho người học tham gia sinh hoạt văn hóa tinh thần, sinh hoạt phục vụ cộng đồng.

- Gắn kết với địa phương qua việc triển khai ứng dụng các kết quả nghiên cứu, các hoạt động cộng đồng góp phần phát triển văn hóa nghệ thuật của khu vực miền Trung, Tây Nguyên và cả nước; hợp lực cùng hệ thống quản lý nhà nước các cấp, doanh nghiệp và cựu sinh viên xác định nhu cầu đào tạo, tìm môi trường thực tế nghề nghiệp và vị trí việc làm cho người học.

- Phát triển nhà trường theo hướng hội nhập quốc tế với các cơ sở đào tạo, nghiên cứu mỹ thuật chuyên sâu trong khu vực và trên thế giới, giao lưu, trao đổi học thuật và triển lãm mỹ thuật./.

4. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục

Trường Đại học Nghệ thuật - Đại học Huế ngày nay, tiền thân là Trường Cao đẳng mỹ thuật Huế, thành lập năm 1957 trực thuộc Viện đại học Huế cũ. Trường nằm ở một vùng đất có bề dày lịch sử, văn hóa, trước một di sản mỹ thuật với nhiều loại hình được gìn giữ qua nhiều thế hệ.

Sau năm 1975, trường Cao đẳng mỹ thuật Huế được Chính phủ nước Việt Nam dân chủ Cộng hòa (nay là nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam) tiếp quản. Đến năm 1976, trường Cao đẳng mỹ thuật Huế được Bộ Văn hóa ra quyết định tiếp nhận (Quyết định số 162/VH-QĐ ngày 29/11/1976) trực thuộc Bộ Văn hóa lãnh đạo. Bộ Văn hóa đã giao nhiệm vụ cho nhà trường tiếp tục đào tạo các bậc cao đẳng và trung học mỹ thuật.

Năm 1985, do yêu cầu sắp xếp lại mạng lưới các trường Văn hóa nghệ thuật trong toàn quốc, trường Âm nhạc Huế (thành lập năm 1962) được sát nhập vào trường Cao đẳng mỹ thuật Huế và Trường được đổi tên thành trường Cao đẳng Nghệ thuật Huế (theo quyết định số 73/VHTC - QĐ ngày 26/6/1985 của Bộ Văn hóa). Năm 1994, thực hiện nghị định 30/CP ngày 4/4/1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập ĐHH, trường

Cao đẳng Nghệ thuật Huế được đổi tên là trường Đại học Nghệ thuật - một trong những trường thành viên của ĐHH - trực thuộc Bộ GD&ĐT.

Hiện nay, Trường có 03 khoa: Mỹ thuật tạo hình (Ngành Hội họa, Ngành Điêu khắc); Sư phạm mỹ thuật (Ngành sư phạm mỹ thuật); Mỹ thuật ứng dụng (Ngành Thiết kế đồ họa, Ngành Thiết kế Thời Trang, Ngành Thiết kế Nội thất) và 04 phòng, tổ chức năng là: Phòng Tổ chức, Hành chính & CSVC, Phòng Đào tạo, BĐCL & CTSV, Phòng Khoa học công nghệ - Hợp tác quốc tế, Tổ Kế hoạch - Tài chính, với tổng số 72 CBVC-HĐLĐ (gồm 04 TS, 53 Th.S, 12 CN, CĐ 01, khác 02) và 678 SV chính quy.

II. ĐỘI NGŨ GIẢNG VIÊN, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Các chỉ số đánh giá về đội ngũ giảng viên toàn thời gian

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025-2026	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024-2025
1	Tỉ lệ người học quy đổi trên giảng viên	678/50.9	479/50.9
2	Tỉ lệ giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	50	50
3	Tỉ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ	4	3

2. Thống kê đội ngũ giảng viên toàn thời gian theo các lĩnh vực đào tạo

TT	Đội ngũ giảng viên	Số lượng	Trình độ			Chức danh	
			Đại học	Thạc sĩ	Tiến sĩ	PGS	GS
1	Giảng viên toàn thời gian	50					
	Sư phạm Mỹ thuật	10	0	9	1	0	0
	Thiết kế đồ họa	9	2	7	1	0	0
	Hội họa	10	0	9	1	0	0
	Thiết kế nội thất	8	0	7	1	0	0
	Điêu Khắc	4	0	4	0	0	0
	Thiết kế thời trang	7	1	6	1	0	0
2	Giảng viên cơ hữu trong độ tuổi lao động	50					
	Sư phạm Mỹ thuật	10	0	9	1	0	0
	Thiết kế đồ họa	9	2	7	1	0	0
	Hội họa	10	0	9	1	0	0
	Thiết kế nội thất	8	0	7	1	0	0
	Điêu Khắc	4	0	4	0	0	0
	Thiết kế thời trang	7	1	6	1	0	0

3. Thống kê đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên khối hành chính và hỗ trợ

TT	Chỉ số	Năm báo cáo 2025-2026	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024-2025
----	--------	-----------------------	---

1	Số cán bộ quản lý khối hành chính và hỗ trợ	2	5
2	Số nhân viên khối hành chính và hỗ trợ	20	18
3	Tỉ lệ cán bộ quản lý và nhân viên khối hành chính và hỗ trợ trên tổng số giảng viên toàn thời gian	30,56%	47%

III. CƠ SỞ VẬT CHẤT

1. Các chỉ số về đánh giá cơ sở vật chất

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Diện tích đất/ người học (m ²)	49,7m ² /SV-CBGV	29,9m ² /SV-CBGV
2	Diện tích sàn/ người học (m ²)	6,6 m ² /SV-CBGV	5,9 m ² /SV-CBGV
3	Tỉ lệ giảng viên có chỗ làm riêng biệt	80%	17%
4	Số đầu sách/ngành đào tạo	885/6	874/6
5	Số bản sách/người học	900/686	885/686
6	Tỉ lệ học phần sẵn sàng giảng dạy trực tuyến	70%	10%
7	Tốc độ Internet/1.000 người học(Mbps)	11Mbps	11Mbps

2. Diện tích đất và diện tích sàn xây dựng phục vụ đào tạo

TT	Địa điểm	Địa chỉ	Diện tích đất (m ²)	Diện tích sàn (m ²)
1	Trụ sở chính	10 Tô Ngọc Vân, Phường Phú Xuân, Thành phố Huế	20.470	12.849
Tổng cộng:			20.470	12.849

3. Các hạng mục cơ sở vật chất được đầu tư mới trong năm

TT	Hạng mục đầu tư	Địa điểm	Kinh phí (triệu đồng)
1	Xây mới tòa nhà		0
2	Sửa chữa, bảo dưỡng các phòng học tầng 3, nhà 3 tầng (nhà A)	10 Tô Ngọc Vân, phường Phú Xuân, TP Huế	950
3	Sửa chữa xưởng Thực hành đồ họa, xưởng Thực hành thời trang	10 Tô Ngọc Vân, phường Phú Xuân, TP Huế	950
4	Bổ sung thiết bị báo cháy, chữa cháy cho nhà Hành chính, nhà 3 tầng	10 Tô Ngọc Vân, phường Phú Xuân, TP Huế	950
5	Sửa chữa bàn ghế học tập	10 Tô Ngọc Vân, phường Phú Xuân, TP Huế	97

IV. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kiểm định cơ sở giáo dục: Nhà trường đã thực hiện kiểm định cơ sở giáo dục đang trong giai đoạn xét duyệt

-Tên tổ chức kiểm định (tên đầy đủ và tên viết tắt): Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục – Đại học Quốc gia Hà Nội (VNU-CEA)

-Tiêu chuẩn kiểm định được áp dụng: Theo thông tư 12/2017/TT-BGDĐT

-Mức độ đạt kiểm định:

-Thời gian hiệu lực: Từ ngày....tháng...năm...đến ngày ...tháng...năm...

2. Danh mục chương trình đào tạo được kiểm định

TT	Mã ngành	Tên ngành	Tên chương trình	Tên tổ chức kiểm định	Thời gian hiệu lực
1					

3.Thông tin về ngành, chương trình đào tạo

3.1.Danh mục ngành đang đào tạo, hoạt động

-Trình độ đại học

TT	Khoa Quản lý	Mã ngành	Tên ngành
1	Khoa Sư phạm mỹ thuật	7140222	Sư phạm Mỹ thuật
2	Khoa Mỹ thuật tạo hình	7210103	Ngành Hội họa
		7210105	Ngành Điêu khắc
3	Mỹ thuật ứng dụng	7210403	Ngành TK Đồ họa
		7210404	Ngành TK Thời trang
		7580108	Ngành TK Nội thất

3.2. Chương trình đào tạo tín chỉ

Ngành Hội họa (7210103)

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	1.Kỹ năng: Khỏi kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế: + Giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin vào cuộc sống và nghề nghiệp. + Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế. + Kỹ năng mềm: Biết và vận dụng được các kỹ năng: tự chủ, làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình, giao tiếp và đàm phán, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp. Khỏi kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học, kiến thức chuyên ngành (nếu có), kiến thức bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp (kiến thức đặc thù cốt lõi trực tiếp của ngành, thực tập, thực tế, luận văn...): - Trình bày được các kiến thức cơ bản về các thành tựu

nghệ thuật nổi bật trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới, bao gồm các tác giả và tác phẩm tiêu biểu, nêu được các xu hướng sáng tác mỹ thuật đương đại chủ yếu ở trong nước và khu vực;

- Hiểu và vận dụng các kiến thức về cơ sở tạo hình, bố cục, phương pháp sáng tác, lý luận và lịch sử nghệ thuật để thưởng thức và đánh giá các tác phẩm nghệ thuật;

- Nhận biết được đặc thù ngôn ngữ của các chất liệu hội họa (sơn dầu, sơn mài, lụa), mô tả được tính chất tiêu biểu của mỗi chất liệu và quy trình kỹ thuật cơ bản (bao gồm cả vật liệu và dụng cụ);

- Nêu được tầm quan trọng của dân tộc tính và cá tính trong sáng tác nghệ thuật, liên hệ được các vấn đề đó trong sáng tác của cá nhân;

- Về tin học chuyên ngành, có thể trình bày được nguyên tắc, quy trình truy xuất và xử lý các dạng hình ảnh tĩnh và động bằng các ứng dụng đồ họa vector và bitmap; xác định được tính năng một số các bộ công cụ cơ bản của các ứng dụng đó;

- Hiểu và sử dụng hiệu quả các yếu tố tạo hình trong sáng tác tác phẩm hội họa đáp ứng các chuẩn mực thẩm mỹ;

- Thông qua năng lực cảm thụ, sáng tạo và tưởng tượng, khái quát hóa được các nội dung, ý đồ, ý tưởng để chuyển hóa thành hình tượng nghệ thuật cụ thể và thể hiện thông qua tác phẩm hội họa;

- Vận dụng kỹ thuật các chất liệu hội họa và một số phương tiện tạo hình đương đại khác trong tác phẩm nghệ thuật để diễn tả được hình tượng nghệ thuật và ý tưởng;

- Có khả năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật số và ứng dụng tin học phục vụ sáng tác nghệ thuật tạo hình.

- Có thể thực hành và sáng tác nghệ thuật ở các cấp độ cá nhân và theo nhóm, trong các môi trường nghệ thuật khác nhau.

2. Về năng lực và trách nhiệm

- Tiếp thu các vấn đề nghệ thuật đương đại trong nước và khu vực một cách, cởi mở và năng động; sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới có chọn lọc;

- Trong hoạt động sáng tạo của bản thân thể hiện thái độ nhiệt tình, say mê;

- Thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong sáng tác nghệ thuật, bảo vệ các giá trị nghệ thuật của dân tộc và nhân loại, tôn trọng thành quả lao động nghệ thuật của người khác;

- Hiểu biết về văn hóa xã hội và thể hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua các hoạt động sáng tạo nghệ thuật của mình;

- Hiểu biết và tuân thủ đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước

- Hiểu và sử dụng hiệu quả các yếu tố tạo hình trong sáng tác tác phẩm hội họa đáp ứng các chuẩn mực thẩm mỹ;

- Thông qua năng lực cảm thụ, sáng tạo và tưởng tượng,

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ								
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	
I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG			26									
1	CTR1013	Triết học Mac Lenin	3	3								
2	CTR1022	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2							
3	CTR1032	Kinh tế chính trị Mac Lenin	2		2							
4	CTR1042	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2						
5	CTR1052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2					
6	DCU1082	Tin học đại cương	2	2								
7	DCU1092	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			2						
8	DCU2102	Mỹ học đại cương	2			2						
9	DCU1112	Ph.pháp Nghiên cứu khoa học	2				2					
		1.1. Ngoại ngữ										
		Anh văn (Chứng chỉ)	7	2	2	3						
		1.2. Giáo dục thể chất										
		Giáo dục thể chất (Chứng chỉ)										
		1.3. Giáo dục quốc phòng										
		Giáo dục QP (Chứng chỉ)										
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			14									
10	CSN2122	Giải phẫu tạo hình	2	2								
11	CSN2132	Định luật xa gần	2	2								
12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2								
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2								
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2							
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2						
16	CSN2162	Mỹ thuật học	2		2							
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			39									
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3								
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3							
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3						
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3					
21	HHO3182	Tin học ứng dụng ngành Hội họa	2		2							
22	CNG3243	Nguyên lý thị giác	3	3								
23	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	3		3							
24	HHO3243	Bố cục tạo hình	3			3						
25	HHO3252	Trực họa	2		2							
26	HHO3262	Ký họa	2			2						
27	HHO3272	Nghệ thuật không gian	2				2					
28	HHO3282	Thực tế 1	2				2					
29	HHO3292	Thực tế 2	2						2			
30	HHO3302	Đồ họa vẽ tay	2				2					
31	HHO3312	Nguyên lý sáng tác nghệ thuật tạo hình	2			2						
32	CNG2172	Mỹ học tạo hình	2		2							

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chí	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
		Anh văn (Chứng chỉ)	7	2	2	3							
		1.2. Giáo dục thể chất											
		Giáo dục thể chất (Chứng chỉ)											
		1.3. Giáo dục quốc phòng											
		Giáo dục QP (Chứng chỉ)											
	II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		14										
10	CSN2122	Giải phẫu tạo hình	2	2									
11	CSN2132	Định luật xa gần	2	2									
12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2									
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2									
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2								
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2							
16	CSN2162	Mỹ thuật học	2		2								
	III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		39										
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3									
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3								
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3							
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3						
21	HHO3182	Tin học ứng dụng ngành Hội họa	2		2								
22	CNG3243	Nguyên lý thị giác	3	3									
23	CNG3213	Cơ sở tạo hình	3		3								
24	HHO3243	Bố cục tạo hình	3			3							
25	HHO3252	Trực họa	2		2								
26	HHO3262	Ký họa	2			2							
27	HHO3272	Nghệ thuật không gian	2				2						
28	HHO3282	Thực tế 1	2				2						
29	HHO3292	Thực tế 2	2						2				
30	HHO3302	Đồ họa vẽ tay	2				2						
31	HHO3312	Nguyên lý sáng tác nghệ thuật tạo hình	2			2							
32	CNG2172	Mỹ học tạo hình	2		2								
	IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU		34										
33	HPT4333	Nhiếp ảnh tạo hình 1	3				3						
34	HPT4343	Nghệ thuật hình ảnh động 1	3				3						
35	HPT4353	Nghệ thuật Sắp đặt 1	3					3					
36	HPT4363	Nhiếp ảnh tạo hình 2	3					3					
37	HPT4373	Nghệ thuật hình ảnh động 2	3					3					
38	HPT4383	Nghệ thuật Sắp đặt 2	3					3					
39	HPT4394	Sáng tác Nhiếp ảnh tạo hình	4						4				
40	HPT4404	Sáng tác Nghệ thuật hình ảnh động	4						4				
41	HPT4414	Sáng tác Nghệ thuật Sắp đặt	4							4			

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chí	Học kỳ								
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	
42	HPT4424	Đồ án Tiên tốt nghiệp	4								4	
V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (4 tín chỉ)			4									
43	HPT5432	Kỹ thuật chất liệu Lụa	2								2	
44	HPT5442	Kỹ thuật chất liệu Sơn mài	2								2	
45	HPT5452	Kỹ thuật chất liệu Sơn dầu	2								2	
46	HHO5462	Kỹ thuật Đồ họa in nổi	2								2	
47	HHO5472	Kỹ thuật Đồ họa in chìm	2								2	
48	HHO5482	Kỹ thuật Đồ họa in phẳng	2								2	
49	HHO5492	Kỹ thuật Đồ họa in xuyên	2								2	
50	HPT5502	Sáng tác chất liệu hội họa	2								2	
51	HHO5512	Sáng tác Đồ họa tạo hình	2								2	
VI. THI TỐT NGHIỆP			10									
52	HPT6524	Khóa luận	4									4
53	HPT6536	Tác phẩm	6									6
Tổng cộng toàn khóa			127	2 1	2 2	2 1	1 9	1 2	1 0	1 2	1 2	1 0

Đối với các học phần chuyên môn, sau mỗi học phần đều có nhận xét đánh giá và chấm điểm. Thang chấm điểm được thực hiện theo quy chế đào tạo.

Ngành Điêu khắc (7210105)

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Tượng tròn, Phù điêu và xét tuyển môn Ngữ văn.
II.	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	1. Về kiến thức Khôi kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế: + Giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin vào cuộc sống và nghề nghiệp. + Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế.

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
		<p>+ Kỹ năng mềm: Biết và vận dụng được các kỹ năng: tự chủ, làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình, giao tiếp và đàm phán, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.</p> <p>Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học, kiến thức chuyên ngành (nếu có), kiến thức bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp (kiến thức đặc thù cốt lõi trực tiếp của ngành, thực tập, thực tế, luận văn...):</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trình bày được các kiến thức cơ bản về các thành tựu nghệ thuật nổi bật trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới, bao gồm các tác giả và tác phẩm tiêu biểu, nêu được các xu hướng sáng tác mỹ thuật đương đại chủ yếu ở trong nước và khu vực; - Hiểu và vận dụng các kiến thức về cơ sở tạo hình, bố cục, phương pháp sáng tác, lý luận và lịch sử nghệ thuật để thưởng thức và đánh giá các tác phẩm nghệ thuật; - Nhận biết được đặc thù ngôn ngữ của các chất liệu Điêu khắc (kim loại, gỗ, đá...), mô tả được tính chất tiêu biểu của mỗi chất liệu và quy trình kỹ thuật cơ bản (bao gồm cả vật liệu và dụng cụ chuyên biệt của ngành điêu khắc). Nêu được tầm quan trọng của dân tộc tính và cá tính trong sáng tác nghệ thuật, liên hệ được các vấn đề đó trong sáng tác của cá nhân; - Về tin học chuyên ngành, có thể trình bày được nguyên tắc, quy trình truy xuất và xử lý các dạng hình ảnh tĩnh và động bằng các ứng dụng đồ họa 2d và 3d; xác định được tính năng một số các bộ công cụ cơ bản của các ứng dụng đó; <p>2. Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hiểu và sử dụng hiệu quả các yếu tố tạo hình trong sáng tác tác phẩm hội họa đáp ứng các chuẩn mực thẩm mỹ; - Thông qua năng lực cảm thụ, sáng tạo và tưởng tượng, khái quát hóa được các nội dung, ý đồ, ý tưởng để chuyển hóa thành hình tượng nghệ thuật cụ thể và thể hiện thông qua tác phẩm hội họa; - Vận dụng kỹ thuật các chất liệu hội họa và một số phương tiện tạo hình đương đại khác trong tác phẩm nghệ thuật để diễn tả được hình tượng nghệ thuật và ý tưởng; - Có khả năng sử dụng các phương tiện kỹ thuật số và ứng dụng tin học phục vụ sáng tác

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
		<p>nghệ thuật tạo hình.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Có thể thực hành và sáng tác nghệ thuật ở các cấp độ cá nhân và theo nhóm, trong các môi trường nghệ thuật khác nhau. <p>2.1 Về năng lực và trách nhiệm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu các vấn đề nghệ thuật đương đại trong nước và khu vực một cách, cởi mở và năng động; sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới có chọn lọc; - Trong hoạt động sáng tạo của bản thân thể hiện thái độ nhiệt tình, say mê; - Thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong sáng tác nghệ thuật, bảo vệ các giá trị nghệ thuật của dân tộc và nhân loại, tôn trọng thành quả lao động nghệ thuật của người khác; - Hiểu biết về văn hóa xã hội và thể hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua các hoạt động sáng tạo nghệ thuật của mình; - Hiểu biết và tuân thủ đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước
III.	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp thu các vấn đề nghệ thuật đương đại trong nước và khu vực một cách, cởi mở và năng động; sẵn sàng học hỏi và tiếp thu cái mới có chọn lọc; - Trong hoạt động sáng tạo của bản thân thể hiện thái độ nhiệt tình, say mê; - Thể hiện đạo đức nghề nghiệp trong sáng tác nghệ thuật, bảo vệ các giá trị nghệ thuật của dân tộc và nhân loại, tôn trọng thành quả lao động nghệ thuật của người khác; - Hiểu biết về văn hóa xã hội và thể hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua các hoạt động sáng tạo nghệ thuật của mình; - Hiểu biết và tuân thủ đường lối, chính sách pháp luật của Nhà nước
IV.	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<p>Sinh viên tốt nghiệp cử nhân Nghệ thuật ngành Điêu khắc có đủ năng lực để đảm nhiệm các vị trí và cơ hội nghề nghiệp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sáng tác chuyên nghiệp có khả năng hội nhập với trào lưu mỹ thuật truyền thống và đương đại ở trong nước, trong khu vực và quốc tế. - Giáo viên giảng dạy mỹ thuật tạo hình ở các bậc học Đại học, Cao Đẳng, Trung học chuyên nghiệp. - Phụ trách công tác chuyên môn mỹ thuật, mỹ thuật phong trào, văn hóa quần chúng và tuyên

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
49	DKH6494	Khóa luận	4										4
50	DKH6506	Tác phẩm	6										6
		Tổng cộng toàn khóa	127	2 4	2 1	1 9	1 6	1 2	1 3	1 2	1 2	1 0	

Ngành Thiết kế đồ họa (7210403)

TT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp.</p> <p>Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>1. Khối kiến thức chung của nhóm ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải mã, phân loại các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác. - Làm rõ các kiến thức lý luận nghệ thuật. - Khái quát, phân tích và biết vận dụng lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới, lịch sử ngành Thiết kế Đồ họa. - Liên kết và áp dụng các kiến thức về khoa học lao động và thẩm mỹ công nghiệp vào thiết kế sáng tác. - Khai thác các kiến thức về tiếp thị hình ảnh và đánh giá được sự tác động của nó đối với việc hình thành giá trị thẩm mỹ xã hội. <p>2. Khối kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các nguyên lý thiết kế, các phương pháp sáng tạo làm nền tảng lý luận và vận dụng vào thực tiễn sáng tác. - Lập kế hoạch tổ chức thiết kế để chuẩn bị cho công tác xuất bản mềm trong các các mục đích sử dụng khác nhau. - Phân loại được các trường phái thiết kế, phân tích được phong cách thiết kế và có khả năng phát hiện các xu hướng thiết kế cập nhật với thực tiễn cuộc sống. - Vận dụng thành thạo các kiến thức về phương pháp thiết kế vào các thể loại sản phẩm thiết kế đồ họa khác nhau. - Có phương pháp khoa học thu thập tư liệu trong quá trình thực tập và tốt nghiệp. <p>3. Về kỹ năng</p>

TT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
		<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng lập luận tư duy hệ thống và giải quyết vấn đề hiệu quả. - Có khả năng nghiên cứu và tìm hiểu sâu về kiến thức chuyên môn. - Có năng lực nghề nghiệp đáp ứng tốt về yêu cầu chuyên môn. - Có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng phương án. - Có năng lực thực hiện phương án khoa học và hiệu quả. <p>+ Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế.</p>
III	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực thiết kế độc lập. - Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao. - Có trách nhiệm với tập thể, cộng đồng và xã hội.
IV	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng đảm nhận vị trí công việc: + Nhà thiết kế đồ họa chuyên nghiệp, làm việc độc lập hay làm việc trong một tổ chức, cơ quan, công ty, đơn vị trong và ngoài nước liên quan đến Thiết kế Đồ họa. + Nhà tư vấn thiết kế, giáo viên, giảng viên giảng dạy trong các lĩnh vực thiết kế có liên quan đến Thiết kế Đồ họa. + Nhà quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến Thiết kế đồ họa. - Có khả năng làm việc ở các lĩnh vực khác thuộc mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật, truyền thông và một số ngành nghề khác có liên quan đến đồ họa phục vụ cho nhu cầu xã hội.

Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 127 tín chỉ, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ), giáo dục quốc phòng – an ninh.

- Thời gian đào tạo: 04 năm

Ngành Thiết kế Đồ họa – Chuyên ngành: Thiết kế Đồ họa

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ								
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	
	I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG		26									
1	CTR1013	Triết học Mac Lênin	3	3								
2	CTR1022	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2							

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chí	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
3	CTR1032	Kinh tế chính trị Mac Lênin	2		2								
4	CTR1042	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2							
5	CTR1052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2						
6	DCU1082	Tin học đại cương	2	2									
7	DCU1092	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			2							
8	DCU2102	Mỹ học đại cương	2			2							
9	DCU1112	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2				2						
		1.1. Ngoại ngữ											
		Anh văn (Chứng chỉ)	7	2	2	3							
		1.2. Giáo dục thể chất											
		Giáo dục thể chất (Chứng chỉ)											
		1.3. Giáo dục quốc phòng											
		Giáo dục QP (Chứng chỉ)											
		II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	14										
10	CSN2122	Giải phẫu tạo hình	2	2									
11	CSN2132	Định luật xa gần	2	2									
12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2									
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2									
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2								
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2							
16	CSN2162	Mỹ thuật học	2		2								
		III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	31										
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3									
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3								
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3							
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3						
21	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	3	3									
22	CNG3223	Cơ sở tạo hình 2	3		3								
23	CNG3243	Nguyên lý thị giác	3			3							
24	TKD3242	Lịch sử Thiết kế Đồ họa	2					2					
25	MUD2252	Thẩm mỹ Công nghiệp	2					2					
26	MDU2262	Khoa học lao động	2		2								
27	TKD3272	Thực tế 1	2				2						
28	HHO5432	Kỹ thuật Nhiếp ảnh số	2					2					
		IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU	41										
29	TKD4292	Tin học chuyên ngành 1	2				2						
30	TKD4302	Tin học chuyên ngành 2	2				2						
31	TKD4312	Thực tế 2	2						2				
32	TKD4322	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	2					2					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chí	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
33	TKD4332	Phương pháp sáng tác thiết kế đồ họa	2					2					
34	TKD4342	Nghệ thuật chữ	2					2					
35	TKD4353	Thiết kế Logo	3					3					
36	TKD4363	Thiết kế Truyện Tranh	3					3					
37	TKD4373	Thiết kế bao bì	3						3				
38	TKD4383	Thiết kế Poster Công Thương Nghiệp	3						3				
39	TKD4393	Thiết kế Sách báo- tạp chí	3						3				
40	TKD4403	Thiết kế Poster Chính trị - Xã hội	3						3				
41	TKD4413	Thiết kế Lịch	3								3		
42	TKD4423	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3								3		
43	TKD4433	Đồ án tổng hợp	3								3		
44	TKD4442	Thực tế 3	2										2
V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (5 tín chỉ)			5										
45	TKN4342	Kỹ thuật Mô hình	2								2		
46	TKT4373	Kỹ thuật rập 3D	3								3		
47	TPT4392	Kỹ thuật quay phim	2								2		
48	TKT4323	Kỹ thuật cắt may	3								3		
49	TKD5453	Thiết kế Poster Sự kiện	3								3		
50	TTT4333	Thiết kế tạo dáng sản phẩm sơn mài Lưu niệm	3								3		
51	TPT4352	Đồ họa diễn hoạt	2								2		
52	TKD5522	Đồ họa Thông tin	2								2		
VI. THI TỐT NGHIỆP			10										
53	TKD6494	Khóa luận	4										4
54	TKD6506	Đồ án Tốt nghiệp	6										6
Tổng cộng toàn khóa			127	2 1	1 8	1 7	1 5	1 6	1 4	1 4	1 4	1 2	

Ngành Thiết kế Đồ họa – Chuyên ngành: Thiết kế Đa phương tiện

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chí	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG			26										
1	CTR1013	Triết học Mac Lênin	3	3									
2	CTR1022	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2								
3	CTR1032	Kinh tế chính trị Mac Lênin	2		2								
4	CTR1042	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2							
5	CTR1052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2						

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ								
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	
6	DCU1082	Tin học đại cương	2	2								
7	DCU1092	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			2						
8	DCU2102	Mỹ học đại cương	2			2						
9	DCU1112	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2				2					
		1.1. Ngoại ngữ										
		Anh văn (Chứng chỉ)	7	2	2	3						
		1.2. Giáo dục thể chất										
		Giáo dục thể chất (Chứng chỉ)										
		1.3. Giáo dục quốc phòng										
		Giáo dục QP (Chứng chỉ)										
	II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		14									
10	CSN2122	Giải phẫu tạo hình	2	2								
11	CSN2132	Định luật xa gần	2	2								
12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2								
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2								
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2							
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2						
16	CSN2162	Mỹ thuật học	2		2							
	III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		31									
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3								
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3							
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3						
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3					
21	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	3	3								
22	CNG3223	Cơ sở tạo hình 2	3		3							
23	CNG3243	Nguyên lý thị giác	3			3						
24	TKD3242	Lịch sử Thiết kế Đồ họa	2					2				
25	MUD2252	Thẩm mỹ Công nghiệp	2					2				
26	MDU2262	Khoa học lao động	2		2							
27	TKD3272	Thực tế 1	2				2					
28	HHO5432	Kỹ thuật Nhiếp ảnh số	2					2				
	IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU		41									
29	TKD4292	Tin học chuyên ngành 1	2				2					
30	TPT4302	Tin học chuyên ngành 2	2				2					
31	TKD4312	Thực tế 2	2						2			
32	TKD4322	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	2				2					
33	TPT4332	Phát triển ý tưởng	2				2					
34	TPT4342	Thiết kế nhân vật	2					2				
35	TPT4352	Đồ họa diễn hoạt	2						3			
36	TPT4363	Diễn hoạt quảng cáo	3						3			
37	TPT4373	Dự án thiết kế Website	3						3			
38	TPT4383	Thiết kế hình - nhạc hiệu	3							3		

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ								
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	
39	TPT4392	Kỹ thuật quay phim	2						3			
40	TPT4402	Biên tập phim - âm thanh	2						3			
41	TPT4413	Dự án phim hoạt hình	3						3			
42	TPT4422	Kịch bản phim	2							2		
43	TPT4434	Dự án phim ngắn	4							4		
44	TPT4443	Đồ án tổng hợp	3							3		
45	TKD4442	Thực tế 3	2									2
V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (5 tín chỉ)			5									
46	TKD4332	Phương pháp sáng tác thiết kế đồ họa	2							2		
47	TKD4342	Nghệ thuật chữ	2							2		
48	TKD4423	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3							3		
49	TKD4353	Thiết kế Logo	3							3		
50	TKD4403	Thiết kế Poster Chính trị - Xã hội	3							3		
51	TTT4333	Thiết kế tạo dáng sản phẩm sơn mài Lưu niệm	3							3		
52	TPT5522	Kỹ xảo hình ảnh	2							2		
53	TPT5532	Nền tảng và ngôn ngữ Web	2							2		
VI. THI TỐT NGHIỆP			10									
54	TPT6544	Khóa luận	4									4
55	TPT6556	Đồ án Tốt nghiệp	6									6
Tổng cộng toàn khóa			127	1 8	1 8	1 7	1 7	1 7	1 4	1 4	1 4	1 2

Ngành Thiết kế thời trang (7210404)

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp. Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	* Khối kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế: + Giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin vào cuộc sống và nghề nghiệp. + Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
		<p>tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế.</p> <p>+ Kỹ năng mềm: Biết và vận dụng được các kỹ năng: tự chủ, làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình, giao tiếp và đàm phán, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.</p> <p>* Khỏi kiến thức chung theo lĩnh vực, đơn vị đào tạo:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Vận dụng được các kiến thức kiến thức cơ bản trong lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn như: Cơ sở văn hóa Việt Nam, Lịch sử triết học phương đông, Đường lối văn hóa văn nghệ của Đảng, Phương pháp nghiên cứu khoa học... các kiến thức cơ bản trong lĩnh vực nghệ thuật như: Nghệ thuật học, Mỹ học đại cương, Lịch sử mỹ thuật, Mỹ thuật học, Nghiên cứu mỹ thuật cổ, Giải phẫu tạo hình, Định luật xa gần,... làm nền tảng lý luận và thực tiễn cho ngành Thiết kế Thời trang. <p>*Khỏi kiến thức chung của nhóm ngành:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giải mã, phân loại các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác. - Làm rõ các kiến thức lý luận nghệ thuật. - Khái quát, phân tích và biết vận dụng lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới, lịch sử ngành Thiết kế Đồ họa. - Liên kết và áp dụng các kiến thức về khoa học lao động và thẩm mỹ công nghiệp vào thiết kế sáng tác. - Khai thác các kiến thức về tiếp thị hình ảnh và đánh giá được sự tác động của nó đối với việc hình thành giá trị thẩm mỹ xã hội. <p>* Khỏi kiến thức liên quan trực tiếp và mang tính đặc thù của ngành học, kiến thức chuyên ngành, kiến thức bổ trợ, thực tập và tốt nghiệp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhận biết các nguyên lý thiết kế, các phương pháp sáng tạo làm nền tảng lý luận và vận dụng vào thực tiễn sáng tác. - Lập kế hoạch tổ chức thiết kế để chuẩn bị cho công tác xuất bản mềm trong các các mục đích sử dụng khác nhau. - Phân loại được các trường phái thiết kế, phân tích được phong cách thiết kế và có khả năng phát hiện các xu hướng thiết kế cập nhật với thực tiễn cuộc sống. - Vận dụng thành thạo các kiến thức về phương pháp thiết kế vào các thể loại sản phẩm thiết kế đồ họa khác nhau. - Có phương pháp khoa học thu thập tư liệu trong quá trình thực tập và tốt nghiệp. <p>Về kỹ năng</p>

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
		<ul style="list-style-type: none"> - Có kỹ năng lập luận tư duy hệ thống và giải quyết vấn đề hiệu quả. - Có khả năng nghiên cứu và tìm hiểu sâu về kiến thức chuyên môn. - Có năng lực nghề nghiệp đáp ứng tốt về yêu cầu chuyên môn. - Có năng lực hình thành ý tưởng, xây dựng phương án. - Có năng lực thực hiện phương án khoa học và hiệu quả.
III	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	<ul style="list-style-type: none"> - Có năng lực thiết kế độc lập. - Có tinh thần trách nhiệm với công việc được giao. - Có trách nhiệm với tập thể, cộng đồng và xã hội.
IV	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng đảm nhận vị trí công việc: <ul style="list-style-type: none"> + Nhà thiết kế thời trang chuyên nghiệp, làm việc độc lập hay làm việc trong một tổ chức, cơ quan, công ty, đơn vị trong và ngoài nước liên quan đến Thiết kế thời trang. + Nhà tư vấn thiết kế, giáo viên, giảng viên giảng dạy trong các lĩnh vực thiết kế có liên quan đến Thiết kế thời trang. + Nhà quản lý trong các lĩnh vực liên quan đến Thiết kế đồ họa. - Có khả năng làm việc ở các lĩnh vực khác thuộc mỹ thuật, văn hóa nghệ thuật, truyền thông và một số ngành nghề khác có liên quan đến thời trang phục vụ cho nhu cầu xã hội.

Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 127 tín chỉ, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ), giáo dục quốc phòng – an ninh.

- Thời gian đào tạo: 04 năm

Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ								
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	
	I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG		26									
1	CTR1013	Triết học Mac Lênin	3	3								
2	CTR1022	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2							
3	CTR1032	Kinh tế chính trị Mac Lênin	2		2							
4	CTR1042	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2						
5	CTR1052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2					
6	DCU1082	Tin học đại cương	2	2								
7	DCU1092	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			2						
8	DCU2102	Mỹ học đại cương	2			2						
9	DCU1112	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2				2					

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ								
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	
44	TKT4442	Thực tế 3	2								2	
V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (5 tín chỉ)			5									
45	TKD4322	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	2								2	
46	TKD4353	Thiết kế Logo	3								3	
47	TKN4362	Chiếu sáng nội thất	2									
48	TKD4423	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3									
49	TKT5493	Đồ án Thiết kế đồng phục	3									
50	TKT5503	Thiết kế phụ trang	3									
51	TKN4342	Kỹ thuật Mô hình	2									
52	TKD4342	Nghệ thuật chữ	2									
VI. THI TỐT NGHIỆP			10									
53	TKT6534	Khóa luận	4									4
54	TKT6546	Đồ án tốt nghiệp	6									6
Tổng cộng toàn khóa			127	2 1	1 8	1 7	1 7	1 7	1 4	1 3	1 0	

Ngành Thiết kế Nội thất (7580108)

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp.</p> <p>Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.</p>
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<ul style="list-style-type: none"> • Kiến thức và lập luận ngành (Học để biết) <ul style="list-style-type: none"> – Có kỹ năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo các chất liệu và phương pháp đồ họa như chì, than, bút kim, màu nước... để thực hành nghiên cứu hình họa và vẽ hình. – Có kỹ năng sử dụng thành thạo, linh hoạt, các phần mềm thiết kế đồ họa căn bản và thông dụng như: Corel Draw, Photoshop, Auto CAD, 3dsMax, ... – Có kỹ năng thành thạo, linh hoạt, sáng tạo trong việc lên ý tưởng và thực hiện các đồ án thiết kế. – Có kỹ năng cơ bản để thực hiện nghiên cứu khoa học thuộc ngành Thiết kế Nội thất – Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình về ý tưởng và đồ án thiết kế trước khách hàng, đối tác. – Có kỹ năng làm việc nhóm, tổ chức và thực hiện đồ án, dự án thiết kế có nhiều thành viên tham gia. • Kỹ năng nghề nghiệp và cá nhân, tự chủ và trách nhiệm (Học để trưởng thành) <ul style="list-style-type: none"> - Thiết kế đồ họa chuyên sâu (bố cục, phối hợp màu sắc, hình ảnh, chữ, đường nét, không gian 2D...).

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
		<ul style="list-style-type: none"> - Nghiên cứu, lập kế hoạch, tư vấn và tổ chức quản lý quy trình thiết kế sáng tác và tạo ra sản phẩm thiết kế phù hợp với các đối tượng tiếp nhận khác nhau. - Phân tích, đánh giá, biện luận và thuyết minh về tác phẩm thiết kế trong lĩnh vực Thiết kế Nội thất - Có năng lực định hướng phát triển, phát huy tối đa năng lực lao động, sáng tạo của bản thân và đồng nghiệp. - Có năng lực phát triển chuyên môn, tự học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ; - Có ý thức tổ chức kỷ luật, có trách nhiệm đối với bản thân và tập thể. - Có tinh thần hợp tác, đóng góp ý kiến, xây dựng, phát triển đơn vị. • Kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp (Học để chung sống) - Có khả năng thực nghiệm tổ chức nhóm cho các hoạt động khoa học và thực tiễn, phương pháp lấy thông tin và truyền tải chính xác các kiến thức chuyên môn đến những đối tượng khác nhau. - Có khả năng lập kế hoạch và triển khai hoạt động nghiên cứu trong khoa học về lĩnh vực Thiết kế Nội thất - Khai thác kiến thức về các phần mềm máy tính chuyên sâu phục vụ công tác Thiết kế Nội thất trên máy tính. • Năng lực thực hành nghề nghiệp (Học để làm) - Có kỹ năng hoàn thành công việc phức tạp đòi hỏi vận dụng kiến thức lý thuyết và thực tiễn của ngành Thiết kế Nội thất trong các điều kiện và hoàn cảnh khác nhau. - Có kỹ năng phân tích, tổng hợp, đánh giá dữ liệu và thông tin, tổng hợp ý kiến tập thể và sử dụng những thành tựu mới về khoa học và công nghệ để giải quyết các vấn đề thực tế trong lĩnh vực Thiết kế Nội thất - Có thể sử dụng ngoại ngữ để diễn đạt, xử lý một số tình huống chuyên môn thông thường. - Có thể viết được báo cáo có nội dung đơn giản, trình bày ý kiến liên quan đến công việc chuyên môn của ngành Thiết kế Nội thất và lĩnh vực mỹ thuật. - Có kỹ năng sử dụng, khai thác lợi thế của công nghệ thông tin để trao đổi, học tập và nghiên cứu về lĩnh vực Thiết kế Nội thất <p>+ Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế.</p>
III	Khả năng học tập, nâng cao trình độ	<ul style="list-style-type: none"> - Đủ trình độ tham gia các khóa học, bồi dưỡng nâng cao về Mỹ thuật ứng dụng trong và ngoài nước.

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
	sau khi ra trường	
IV	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	Có khả năng đảm nhận vị trí công việc: - Nhà thiết kế nội thất chuyên nghiệp, làm việc độc lập - Nhân viên tư vấn, thiết kế nội thất tại các công ty thiết kế Kiến trúc, Nội thất, Xưởng thi công nội thất. - Hoạ viên kiến trúc nội thất - Hoạ viên trong lĩnh vực film, game, ...và các lĩnh vực liên quan

Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 127 tín chỉ, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ), giáo dục quốc phòng – an ninh.

- Thời gian đào tạo: 04 năm

Ngành Thiết kế Nội thất – Chuyên ngành: Thiết kế Nội thất

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
	I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG		26										
1	CTR1013	Triết học Mac Lenin	3	3									
2	CTR1022	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2								
3	CTR1032	Kinh tế chính trị Mac Lenin	2		2								
4	CTR1042	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2							
5	CTR1052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2						
6	DCU1082	Tin học đại cương	2	2									
7	DCU1092	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			2							
8	DCU2102	Mỹ học đại cương	2			2							
9	DCU1112	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2				2						
		1.1. Ngoại ngữ											
		Anh văn (Chứng chỉ)	7	2	2	3							
		1.2. Giáo dục thể chất											
		Giáo dục thể chất (Chứng chỉ)											
		1.3. Giáo dục quốc phòng											
		Giáo dục QP (Chứng chỉ)											
	II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH		14										
10	CSN2122	Giải phẫu tạo hình	2	2									
11	CSN2132	Định luật xa gần	2	2									
12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2									
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2									
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2								
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2							
16	CSN2162	Mỹ thuật học	2		2								
	III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH		31										
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3									
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3								
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3							

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chí	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3						
21	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	3	3									
22	CNG3223	Cơ sở tạo hình 2	3		3								
23	CNG3243	Nguyên lý thị giác	3			3							
24	TKN3242	Lịch sử Thiết kế nội thất	2					2					
25	MUD2252	Thẩm mỹ công nghiệp	2					2					
26	MDU2262	Khoa học lao động	2		2								
27	TKN3272	Thực tế 1	2				2						
28	HHO5432	Kỹ thuật Nhiếp ảnh số	2					2					
	IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU		41										
29	TKN4292	Tin học chuyên ngành 1	2				2						
30	TKN4302	Tin học chuyên ngành 2	2				2						
31	TKN4312	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất	2						2				
32	TKN4322	Cơ sở tạo hình kiến trúc nội thất	2				2						
33	TKN4332	Cấu tạo kiến trúc nội thất	2				2						
34	TKN4342	Kỹ thuật Mô hình	2					2					
35	TKN4352	Vẽ kỹ thuật xây dựng	2					2					
36	TKN4362	Chiếu sáng nội thất	2					2					
37	TKN4372	Vật liệu xây dựng	2					2					
38	TKN4382	Đồ án Thiết kế Vật dụng Nội thất	2					2					
39	TKN4392	Đồ án Nội thất Nhà ở	2						2				
40	TKN4402	Thực tế 2	2						2				
41	TKN4413	Đồ án Nội thất Thương mại 1	3						3				
42	TKN4423	Đồ án Nội thất Thương mại 2	3						3				
43	TKN4433	Đồ án Nội thất Văn phòng Công sở	3						3				
44	TKN4443	Đồ án Nội thất Nghỉ dưỡng	3							3			
45	TKN4453	Đồ án Nội thất Bảo tàng	3							3			
46	TKN4462	Thực tế 3	2							2			
	V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (5 tín chỉ)		5										
47	TKD4353	Thiết kế Logo	3							3			
48	TPT4392	Kỹ thuật quay phim	2							2			
49	TKD4423	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3							3			
50	TKD4322	Các nguyên lý Thiết kế Đồ họa	2							2			
51	TKN5512	Hình thành ý tưởng thiết kế	2							2			
52	TKN5523	Đồ án Nội thất Trường học, Thư viện	3							3			
53	TKN5533	Đồ án Nội thất Nhà hát, Hội trường	3							3			
	VI. THI TỐT NGHIỆP		10										
54	TKN6544	Khóa luận	4										4
55	TKN6556	Đồ án tốt nghiệp	6										6
		Tổng cộng toàn khóa	127	2 1	1 8	1 7	1 7	1 6	1 5	1 3	1 3	1 0	

Ngành Thiết kế Nội thất – Chuyên ngành: Thiết kế Truyền thông

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG			26										
1	CTR1013	Triết học Mac Lenin	3	3									
2	CTR1022	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2								
3	CTR1032	Kinh tế chính trị Mac Lenin	2		2								
4	CTR1042	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2							
5	CTR1052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2						
6	DCU1082	Tin học đại cương	2	2									
7	DCU1092	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			2							
8	DCU2102	Mỹ học đại cương	2			2							
9	DCU1112	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2				2						
		1.1. Ngoại ngữ											
		Anh văn (Chứng chỉ)	7	2	2	3							
		1.2. Giáo dục thể chất											
		Giáo dục thể chất (Chứng chỉ)											
		1.3. Giáo dục quốc phòng											
		Giáo dục QP (Chứng chỉ)											
II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH			14										
10	CSN2122	Giải phẫu tạo hình	2	2									
11	CSN2132	Định luật xa gần	2	2									
12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2									
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2									
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2								
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2							
16	CSN2162	Mỹ thuật học	2		2								
III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH			31										
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3									
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3								
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3							
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3						
21	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	3	3									
22	CNG3223	Cơ sở tạo hình 2	3		3								
23	CNG3243	Nguyên lý thị giác	3			3							
24	TKN3242	Lịch sử Thiết kế nội thất	2					2					
25	MUD2252	Thẩm mỹ công nghiệp	2					2					
26	MDU2262	Khoa học lao động	2		2								
27	TKN3272	Thực tế 1	2				2						
28	HHO5432	Kỹ thuật Nhiếp ảnh số	2					2					
IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU			41										
29	TKN4292	Tin học chuyên ngành 1	2				2						
30	TKN4302	Tin học chuyên ngành 2	2				2						
31	TTT4312	Quy trình kỹ thuật sơn mài Việt Nam	2						2				
32	TTT4324	Kỹ thuật làm cốt vóc mặt phẳng và	4				3						

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
		bảng màu sơn mài											
33	TTT4333	Thiết kế tạo dáng sản phẩm sơn mài lưu niệm	3					3					
34	TTT4343	Thiết kế tạo dáng sản phẩm thủ công	3					3					
35	TTT4353	Thiết kế tạo dáng sản phẩm sơn mài trang trí nội thất	3						3				
36	TTT4362	Thiết kế tạo dáng sản phẩm gia dụng	2							2			
37	TTT4374	Thiết kế tạo dáng sản phẩm kết hợp các chất liệu	4						4				
38	TTT4383	Thiết kế trang sức và phụ kiện bằng chất liệu sơn mài	3						3				
39	TTT4392	Sáng tác tranh trang trí	2						2				
40	TTT4402	Thực tế 2	2						2				
41	TTT4414	Đồ án sáng tác thiết kế cụm sản phẩm đồng bộ	4							4			
42	TTT4423	Kỹ thuật cốt vóc mặt cong	3					3					
43	TTT4432	Thực tế 3	2							2			
	V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (5 tín chỉ)		5										
44	TKN4362	Chiếu sáng nội thất	2							2			
45	TKD4373	Thiết kế bao bì	3							3			
46	TKN4382	Đồ án thiết kế vật dụng nội thất	2							2			
47	HHO5492	Kỹ thuật Đồ họa in xuyên	2							2			
48	TKN4342	Kỹ thuật mô hình	2							2			
49	TKD4353	Thiết kế Logo	3							3			
50	TKD4423	Thiết kế nhận diện thương hiệu	3							3			
51	TKT5503	Thiết kế phụ trang	3							3			
	VI. THI TỐT NGHIỆP		10										
52	TTT6524	Khóa luận	4									4	
53	TTT6536	Đồ án tốt nghiệp	6									6	
		Tổng cộng toàn khóa	127	2	1	1	1	1	1	1	1	1	1
				1	8	7	6	5	6	3	0		

9. Ngành Sư phạm Mỹ thuật(7140222)

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
I	Điều kiện đăng ký tuyển sinh	<p>Thực hiện Quy chế Tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.</p> <p>Thí sinh đăng ký dự thi vào ngành Hội họa có năng khiếu mỹ thuật, đã tốt nghiệp THPT hoặc trung học chuyên nghiệp.</p> <p>Các môn thi tuyển: Hình họa, Trang trí và xét tuyển môn Ngữ văn.</p>

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
II	Mục tiêu kiến thức, kỹ năng, thái độ và trình độ trình độ ngoại ngữ đạt được	<p>Khối kiến thức, kỹ năng chung trong toàn Đại học Huế:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Giáo dục chính trị: Hiểu và vận dụng được kiến thức về thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác – Lênin vào cuộc sống và nghề nghiệp. + Ngoại ngữ: Đạt trình độ ngoại ngữ theo Quyết định số 333/QĐ-ĐHH ngày 21 tháng 3 năm 2019 của Giám đốc Đại học Huế về việc ban hành Quy định công nhận điểm tương đương giữa các chứng chỉ ngoại ngữ quốc tế và các cấp độ ngoại ngữ không chuyên trong các chương trình đào tạo đại học chính quy tại các đơn vị đào tạo thuộc Đại học Huế. + Kỹ năng mềm: Biết và vận dụng được các kỹ năng: tự chủ, làm việc nhóm, quản lý và lãnh đạo, thuyết trình, giao tiếp và đàm phán, đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp. <p>Hiểu và vận dụng các kiến thức cơ bản về nghệ thuật thị giác, về lý luận nghệ thuật vào việc tiếp thu các kiến thức giáo dục chuyên nghiệp và khả năng học tập ở trình độ cao hơn.</p> <p>Nắm vững khối kiến thức chuyên ngành và kỹ năng chuyên ngành sư phạm mỹ thuật.</p> <p>Trình bày được các kiến thức cơ bản về các thành tựu nghệ thuật nổi bật trong lịch sử mỹ thuật Việt Nam và thế giới, bao gồm các tác giả và tác phẩm tiêu biểu, nêu được các xu hướng sáng tác mỹ thuật đương đại chủ yếu ở trong nước và khu vực.</p> <p>Về kỹ năng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nắm vững các kiến thức về phương pháp sư phạm, thực hành chức năng hoạt động dạy học bộ môn, tâm lý học và giáo dục học; - Có trình độ sáng tạo và khả năng truyền thụ kiến thức nghệ thuật tốt; - Nắm vững kỹ năng nghề nghiệp, vận dụng linh hoạt kỹ năng sư phạm, phương pháp giảng dạy Mỹ thuật, tổ chức thực hiện các bài giảng, thuyết trình thông qua hình thức tổ chức hoạt động dạy học. - Có kỹ năng ứng dụng thực hành chuyên môn, kỹ năng phân tích sáng tạo, phát triển ý tưởng và khả năng nghiên cứu xử lý các kỹ thuật, chất liệu... - Nắm vững kỹ năng sư phạm, khả năng giáo dục nghệ thuật, thực hiện các bài giảng, thuyết trình thông qua hình thức tổ chức hoạt động dạy học, nâng cao phương pháp giảng dạy sư phạm, thâm nhập thực tế bằng các hình thức thực địa, tham quan. - Có khả năng nghiên cứu khoa học, đánh giá và phân tích tác phẩm Mỹ thuật. - Có khả năng vận dụng linh hoạt kiến thức vào thực tiễn dạy học và sáng tạo tác phẩm.

STT	Nội dung	Hệ đào tạo Đại học chính quy
		<ul style="list-style-type: none"> - Có khả năng trình bày và diễn giải các vấn đề, ý tưởng nghệ thuật, giải pháp tạo hình của bản thân bằng ngôn ngữ nói và viết; - Có kỹ năng thực hành chuyên môn, sáng tạo ý tưởng, phát triển hệ thống lý luận và nghiên cứu sâu tính năng của các chất liệu sử dụng để thể hiện tác phẩm có hiệu quả cao về kỹ thuật xử lý chất liệu. - Có khả năng nghiên cứu, tiếp cận thực tế, hòa nhập cộng đồng, cập nhật kiến thức mới. - Có khả năng giao tiếp và ứng xử linh hoạt, hiệu quả; có kỹ năng làm việc độc lập và theo nhóm. - Có khả năng sử dụng máy tính và các phần mềm đồ họa.
III	Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi ra trường	- Chuẩn bị cho sinh viên các khả năng cần thiết để có thể tiếp tục theo học chương trình cao học mỹ thuật.
IV	Vị trí làm việc sau khi tốt nghiệp ở các trình độ	<ul style="list-style-type: none"> - Giáo viên giảng dạy Mỹ thuật tại các trường THCS, Trung cấp Mỹ thuật hoặc các giảng viên giảng dạy Mỹ thuật tại các trường Cao đẳng, Đại học cùng chuyên ngành. - Sinh viên tốt nghiệp ngành Sư phạm Mỹ thuật có thể tham gia công tác tại các cơ quan nhà nước hoặc tư nhân hoặc thực hiện các công việc liên quan đến Mỹ thuật. - Cử nhân tốt nghiệp ngành sư phạm mỹ thuật có thể nâng cao kiến thức dưới các hình thức như: Có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở các trình độ trên đại học cùng chuyên ngành. Tham gia các chương trình hoạt động mỹ thuật trong và ngoài nước.

Khối lượng kiến thức tối thiểu và thời gian đào tạo theo thiết kế

- Khối lượng kiến thức tối thiểu: 127 tín chỉ, chưa kể phần nội dung Giáo dục thể chất (3 tín chỉ), Giáo dục quốc phòng – an ninh.

- Thời gian đào tạo: 04 năm

Nội dung chương trình đào tạo

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
	I. KIẾN THỨC GD ĐẠI CƯƠNG		26										
1	CTR1013	Triết học Mac Lênin	3	3									
2	CTR1022	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2		2								
3	CTR1032	Kinh tế chính trị Mac Lênin	2		2								
4	CTR1042	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2			2							
5	CTR1052	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2				2						
6	DCU1082	Tin học đại cương	2	2									
7	DCU1092	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			2							
8	DCU2102	Mỹ học đại cương	2			2							
9	DCU1112	Phương pháp Nghiên cứu khoa học	2				2						

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chỉ	Học kỳ									
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8		
		1.1. Ngoại ngữ											
		Anh văn (Chứng chỉ)	7	2	2	3							
		1.2. Giáo dục thể chất											
		Giáo dục thể chất (Chứng chỉ)											
		1.3. Giáo dục quốc phòng											
		Giáo dục QP (Chứng chỉ)											
		II. KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH	14										
10	CSN2122	Giải phẫu tạo hình	2	2									
11	CSN2132	Định luật xa gần	2	2									
12	CSN2142	Nghiên cứu Mỹ thuật cổ	2	2									
13	CSN2062	Lịch sử Mỹ thuật Việt Nam	2	2									
14	CSN2072	Lịch sử Mỹ thuật Thế giới	2		2								
15	CSN2152	Anh văn chuyên ngành	2			2							
16	CNG2172	Mỹ học tạo hình	2		2								
		III. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH	40										
17	CNG3173	Hình họa 1	3	3									
18	CNG3183	Hình họa 2	3		3								
19	CNG3193	Hình họa 3	3			3							
20	CNG3203	Hình họa 4	3				3						
21	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	3	3									
22	CNG3223	Cơ sở tạo hình 2	3		3								
23	CNG3233	Cơ sở tạo hình 3	3			3							
24	SPM3182	Tâm lý học 1	2	2									
25	SPM3192	Tâm lý học 2	2		2								
26	SPM3202	Giáo dục học 1	2		2								
27	SPM3212	Giáo dục học 2	2			2							
28	SPM3223	Phân tích tác phẩm Mỹ thuật	3					3					
29	SPM3232	Công tác Đội thiếu niên tiên phong Hồ Chí Minh	2				2						
30	SPM3302	Quản lý hành chính nhà nước và quản lý ngành giáo dục đào tạo	2				2						
31	SPM3312	Thực tế 1	2			2							
32	SPM3322	Thực tế 2	2					2					
		IV. KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH SÂU	33										
33	SPM4332	Phương pháp và Quy tắc Bố cục	2				2						
34	SPM4343	Bố cục chất liệu 1 (Sơn mài)	3				3						
35	SPM4353	Bố cục chất liệu 2 (Lụa)	3					3					
36	SPM4363	Bố cục chất liệu 3 (Đồ họa)	3					3					
37	SPM4373	Bố cục chất liệu 4 (Sơn dầu)	3					3					
38	SPM4384	Bố cục chất liệu 5 (Composition)	4						4				
39	SPM4394	Bố cục tiên tốt nghiệp	4						4				
40	SPM4405	Phương pháp & thực hành giảng dạy Mỹ thuật	5						5				

STT	Mã học phần	Tên học phần	Số Tín chí	Học kỳ								
				K 1	K 2	K 3	K 4	K 5	K 6	K 7	K 8	
41	SPM4412	Kiến tập Sư phạm	2								2	
42	SPM4424	Thực tập Sư phạm	4								4	
	V. HỌC PHẦN TỰ CHỌN (4 tín chỉ)		4									
43	TKT4303	Các nguyên lý thiết kế thời trang	2								2	
44	TKN4312	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất	2								2	
45	TKD4322	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	2								2	
46	TKT4342	Thiết kế trang phục Truyền thống	2								2	
47	HHO543 2	Kỹ thuật Nhiếp ảnh số	2								2	
48	SPM5482	Tin học chuyên ngành	2								2	
49	SPM5492	Điêu khắc phổ thông	2								2	
	VI. THI TỐT NGHIỆP		10									
50	SPM6504	Khóa luận	4									4
51	SPM6516	Tác phẩm	6									6
		Tổng cộng toàn khóa	127	2 3	2 0	2 1	1 6	1 4	1 3	1 0	1 0	

**Công khai thông tin chất lượng đào tạo thực tế
của trường Đại học Nghệ thuật năm học 2025 -2026**

Khoa SƯ PHẠM MỸ THUẬT

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC/ ĐV HT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	HÌNH HỌA 1	Nhận biết được các biểu hiện về hình, khối, ánh sáng và các độ bóng cơ bản, hai mảng sáng tối lớn và 3 sắc độ đậm nhạt chính, các đường nét và tính thẩm mỹ, sự hoàn thiện của một bài vẽ nghiên cứu hình họa, từng bước chủ động với kỹ thuật sử dụng chất liệu chì và than trong nghiên cứu, diễn tả, thể hiện đối tượng.	03	Học kỳ 1	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.
2	HÌNH HỌA 2	Giúp SV nắm bắt được các biểu hiện khác nhau về màu sắc của thiên nhiên trong các hoàn cảnh, không gian, thời gian khác nhau. Hiểu được sự hòa hợp của màu sắc, nóng lạnh của màu sắc, đậm nhạt sắc độ của màu sắc và các tính chất biểu cảm của màu sắc trong việc thể hiện, miêu tả đối tượng.	03	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.
3	CƠ SỞ TẠO HÌNH 1	Học phần cơ sở tạo hình 1 cung cấp cho sinh viên các khái niệm về bố cục, kiến thức về các loại hình bố cục, các khái niệm tạo hình trong bố cục, các quan hệ tạo hình phổ biến trong bố cục.	03	Học kỳ 1	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.
4	CƠ SỞ TẠO HÌNH 2	<ul style="list-style-type: none"> - Ghi nhớ được các thuật ngữ, khái niệm về trang trí ứng dụng. - Hiểu được các hình thức trang trí ứng dụng và phương pháp thể hiện các đồ án trang trí ứng dụng. - Vận dụng các họa tiết có tính trang trí trong tự nhiên, đời sống xã hội vào các hình thức trang trí ứng dụng. <p>Có khả năng làm việc độc lập, khả năng giải quyết vấn đề.</p>	03	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC/ĐV HT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
5	TÂM LÝ HỌC 1	Trang bị hệ thống những tri thức khoa học cơ bản, hiện đại về tâm lý học đại cương, xây dựng quan điểm duy vật biện chứng và duy vật lịch sử về tâm lý con người và các quy luật tâm lý. Học phần đi sâu phân tích các hiện tượng tâm lý cụ thể và những ứng dụng của chúng trong hoạt động thực tiễn. Trình bày và phân tích khái niệm, bản chất, cấu trúc, sự hình thành và phát triển nhân cách.	02	Học kỳ 1	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.
6	TÂM LÝ HỌC 2	-Học phần giới thiệu khái quát lý luận về sự phát triển tâm lý trẻ em, các giai đoạn phát triển tâm lý trẻ, phân tích những đặc điểm tâm lý cơ bản của lứa tuổi; Trình bày và phân tích cơ sở tâm lý các yếu tố cấu trúc quá trình dạy học; Bên cạnh đó sinh viên xác định được các cơ sở tâm lý học của dạy học, các yêu cầu về năng lực, phẩm chất nhân cách của người giáo viên hiện nay và từ đó đề ra hướng rèn luyện của bản thân.	02	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.
7	GIÁO DỤC HỌC 1	Trang bị hệ thống những tri thức khoa học về khái quát về hiện tượng giáo dục, tính chất và chức năng của hiện tượng giáo dục; Đối tượng nghiên cứu, nhiệm vụ và phương pháp nghiên cứu của Giáo dục học; Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách; Mục đích, nhiệm vụ giáo dục; Quá trình, nguyên tắc, nội dung và phương pháp dạy học và giáo dục	02	Học kỳ 2	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.
8	GIÁO DỤC HỌC 2	Trang bị hệ thống những tri thức khoa học về nhà trường PTTH, người giáo viên PTTH; công tác chủ nhiệm lớp cũng như việc đánh giá ở trường PTTH. Từ đó, hình thành, phát triển những kỹ năng	02	Học kỳ 3	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC/ĐV HT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>ơ bản trong học tập Giáo dục học, kỹ năng định hướng, tổ chức công tác giáo dục và đánh giá giáo dục. Hình thành và phát triển tư duy sư phạm, phương pháp học tập và nghiên cứu khoa học giáo dục.</p>			<p>phần: Điểm tối đa là: 70%</p> <p>- Tổng số: 100 %.</p>
9	CƠ SỞ TẠO HÌNH 3	<p>Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nâng cao để thực hiện những bố cục trang trí có không gian phức tạp hơn. Bao gồm những hiểu biết về các quy tắc bố cục trong hội họa, vận dụng vào bố cục trang trí để thực hiện các bài bố cục trang trí có tính chất tổng hợp về kiến thức và kỹ năng, nhằm mục đích giúp Sinh viên rèn luyện, học tập xây dựng bố cục, góp phần chuẩn bị cho học tập chuyên khoa. Bao gồm các bài học bố cục không gian, bố cục Trang trí đề tài thực tế (cảnh chính người phụ và người chính cảnh phụ)</p>	03	Học kỳ 3	<p>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</p> <p>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</p> <p>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</p> <p>- Tổng số: 100 %.</p>
10	PHƯƠNG PHÁP VÀ QUY TẮC BỐ CỤC	<p>- Phân lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kiến thức về các nguyên lý tạo hình trong hội họa. Sinh viên thực hiện thao tác tổng hợp, phân tích các phong cách hội họa, phương pháp bố cục, cách xây dựng hình tượng nghệ thuật, các quy trình thực hiện.</p> <p>- Phần thực hành sinh viên hoàn thành 2 bức tranh từ dữ liệu thực tế, lựa chọn hình thức bố cục phù hợp với nội dung đề tài.</p>	02	Học kỳ 4	<p>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</p> <p>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</p> <p>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</p> <p>- Tổng số: 100 %.</p>
11	HÌNH HOẠ 3	<p>Nghiên cứu màu sắc trên cơ thể người. Nắm bắt được đặc điểm cơ thể người mẫu. Biết phân tích một cách tinh tế các diễn biến màu sắc trên cơ thể người và thể hiện màu sắc hài hòa, có gam. Rèn luyện các kỹ năng vẽ hình họa bằng chất liệu sơn dầu; Nắm</p>	03	Học kỳ 3	<p>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</p> <p>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</p> <p>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</p>

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC/ĐV HT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		vững kỹ thuật vẽ sơn dầu căn bản.			- Tổng số: 100 %.
12	HÌNH HỌA 4	Nghiên cứu hình họa <i>mẫu</i> kết hợp đồ vật và mẫu trang phục. Phân tích mối quan hệ giữa mẫu người, chất liệu trang phục và đồ vật, làm chủ chất liệu và kỹ thuật sử dụng sơn dầu, màu sắc hài hòa, diễn tả đối tượng có chiều sâu biểu đạt tinh thần của mẫu.	03	Học kỳ 4	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.
13	THỰC TẾ 1	Thông qua thâm nhập thực tế, sinh viên có điều kiện tiếp cận thực tiễn cuộc sống, bổ sung kiến thức từ thực tiễn sinh động, rèn luyện kỹ năng vẽ, khả năng thu nhận các tín hiệu, thông tin, ghi chép tư liệu để có cơ sở tư duy, sáng tạo nghệ thuật, hình thành năng lực nghiên cứu phục vụ chuyên môn đang học tập. Sinh viên được trang bị các kiến thức cơ bản, phương pháp vẽ ký họa các thể loại (Ký họa phong cảnh, đồ vật, động vật, con người...) cách sử dụng các chất liệu khác nhau (Bút chì, bút sắt, mực nho, thuốc nước, bột màu...) để ghi chép tư liệu trực quan.	02	Học kỳ 3	- Thực hiện từ 45- 50 ký họa đủ các thể loại như: Phong cảnh, chân dung, nhóm sinh hoạt, đồ vật... và đủ các chất liệu: bút chì, bút sắt, màu nước, mực nho, bột màu... - Tham gia tự quản trong thời gian thâm nhập thực tế. - Đạt yêu cầu về chất lượng và số lượng ký họa để HĐ chấm học phần. - Các ký họa bám sát thực tế cuộc sống, có cảm xúc và kỹ năng tốt. - Có hướng phát triển và khả năng vận dụng vào bài học cao. - Ký họa được đóng thành tập theo quy định để GV và HĐ chấm học phần.
14	PHÂN TÍCH TÁC PHẨM MỸ THUẬT	- Môn học giúp rèn luyện kỹ năng nghiên cứu, phân tích, tổng hợp các kiến thức cơ bản và chuyên ngành một cách hệ thống và logic, hình thành phương pháp luận trong nghiên cứu KH.	03	Học kỳ 5	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC/ ĐV HT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống hóa khối kiến thức chung về Mỹ học, Lịch sử mỹ thuật, Mỹ thuật học và các mối quan hệ giữa các môn học này với nhau... làm nền tảng trong việc phân tích nội dung chủ đề, tư tưởng tác phẩm mỹ thuật - Hệ thống hóa khối kiến thức chung về ngôn ngữ tạo hình, các nguyên tắc thị giác và nguyên tắc cơ cấu bố cục... làm nền tảng trong việc phân tích hình thức tác phẩm mỹ thuật. 			phân: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.
15	THỰC TẾ 2	Tiếp tục nâng cao khả năng nhận thức về thực tế cuộc sống. Ngoài việc vận dụng tư liệu cho các bài học, còn nâng cao thêm kỹ năng chuyên môn, kỹ năng ký họa, tạo điều kiện cho công việc sáng tạo đồ án, xây dựng bố cục tranh ngày càng hoàn thiện.	2	Học kỳ 5	Thực hiện từ 50- 60 ký họa đủ các thể loại như: Phong cảnh, chân dung, nhóm sinh hoạt, đồ vật... và đủ các chất liệu: bút chì, bút sắt, màu nước, mực nho, bột màu... Hoàn thành số lượng bài theo quy định của GV. Tham gia tự quản trong thời gian thâm nhập thực tế. - Ký họa được đóng thành tập theo quy định để GV và HĐ chấm học phần.
16	BỐ CỤC CHẤT LIỆU 2 (LỰA)	Đây là học phần giúp sinh viên làm quen với kỹ thuật chất liệu, là môn quan trọng làm nền tảng cho những kiến thức lâu dài trong học tập và nghiên cứu sáng tạo những năm tiếp theo. Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản của các chất liệu lựa. Hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của chất liệu, nắm vững đặc thù ngôn ngữ của chất liệu, hiểu về các kỹ thuật thể nghiệm mới trong các xu	03	Học kỳ 5	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là: 10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC/ ĐV HT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>hướng đương đại của chất liệu. Thể hiện tính sáng tạo trong quá trình xây dựng ý tưởng và cấu trúc bố cục.</p> <p>Phần thực hành của mỗi chất liệu, sinh viên hoàn thành các bài tập gồm: một bố cục tự chọn thể hiện theo phương pháp cơ bản, một bài tập thể nghiệm các kỹ thuật tạo chất của chất liệu, và một bài tập thể hiện tìm tòi sáng tạo ở các thể loại bố cục.</p>			
17	BỐ CỤC CHẤT LIỆU 3 (ĐỒ HOA)	<p>- Đây là học phần giúp sinh viên làm quen với kỹ thuật chất liệu, là môn học quan trọng làm nền tảng cho những kiến thức lâu dài trong học tập và nghiên cứu sáng tạo những năm tiếp theo. Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản của các chất liệu đồ họa. Hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của chất liệu, nắm vững đặc thù ngôn ngữ của chất liệu, hiểu về các kỹ thuật thể nghiệm mới trong các xu hướng đương đại của chất liệu. Thể hiện tính sáng tạo trong quá trình xây dựng ý tưởng và cấu trúc bố cục.</p> <p>- Phần thực hành của mỗi chất liệu, sinh viên hoàn thành các bài tập gồm: một bố cục tự chọn thể hiện theo phương pháp cơ bản, một bài tập thể nghiệm các kỹ thuật tạo chất của chất liệu, và một bài tập thể hiện tìm tòi sáng tạo.</p>	03	Học kỳ 5	<p>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</p> <p>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</p> <p>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</p> <p>- Tổng số: 100 %.</p>
18	BỐ CỤC CHẤT LIỆU 4 (Sơn dầu)	<p>- Đây là học phần giúp sinh viên làm quen với kỹ thuật chất liệu, là môn học quan trọng làm nền tảng cho những kiến thức lâu dài trong học tập và nghiên cứu sáng tạo những năm tiếp theo. Phần lý thuyết của học phần sẽ</p>	03	Học kỳ 5	<p>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</p> <p>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</p> <p>- Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là:</p>

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC/ĐV HT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		<p>cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản của các chất liệu sơn dầu. Hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của chất liệu, nắm vững đặc thù ngôn ngữ của chất liệu, hiểu về các kỹ thuật thể nghiệm mới trong các xu hướng đương đại của chất liệu. Thể hiện tính sáng tạo trong quá trình xây dựng ý tưởng và cấu trúc bố cục.</p> <p>- Phần thực hành của mỗi chất liệu, sinh viên hoàn thành các bài tập gồm: một bố cục tự chọn thể hiện theo phương pháp cơ bản, một bài tập thể nghiệm các kỹ thuật tạo chất của chất liệu và một bài tập thể hiện tìm tòi sáng tạo.</p>			<p>70%</p> <p>- Tổng số: 100 %.</p>
19	BỐ CỤC CHẤT LIỆU 1 (SƠN MÀI)	<p>Đây là học phần giúp sinh viên làm quen với kỹ thuật chất liệu, là môn quan trọng làm nền tảng cho những kiến thức lâu dài trong học tập và nghiên cứu sáng tạo những năm tiếp theo. Phần lý thuyết của học phần sẽ cung cấp cho sinh viên các kỹ thuật cơ bản của các chất liệu sơn mài. Hiểu rõ quá trình hình thành và phát triển của chất liệu, nắm vững đặc thù ngôn ngữ của chất liệu, hiểu về các kỹ thuật thể nghiệm mới trong các xu hướng đương đại của chất liệu. Thể hiện tính sáng tạo trong quá trình xây dựng ý tưởng và cấu trúc bố cục.</p> <p>Phần thực hành của mỗi chất liệu, sinh viên hoàn thành các bài tập gồm: một bố cục tự chọn thể hiện theo phương pháp cơ bản, một bài tập thể nghiệm các kỹ thuật tạo chất của chất liệu, và một bài tập thể hiện tìm tòi sáng tạo ở các thể loại tranh tĩnh vật và phong cảnh.</p>	03	Học kỳ 6	<p>- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%.</p> <p>- Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20%</p> <p>-Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70%</p> <p>- Tổng số: 100 %.</p>
20	BỐ CỤC CHẤT	- Xử lý chất liệu thành thạo, mang tính chuyên nghiệp cao.	04	Học kỳ 6	- Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp,

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC/ĐV HT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	LIỆU 5 (COMPOSITION)	<ul style="list-style-type: none"> - Nâng cao kỹ năng diễn đạt ý tưởng cá nhân và khả năng phân tích tác phẩm. - Giúp sinh viên bước đầu hiểu và nắm bắt được ngôn ngữ chất liệu của nghệ thuật thị giác, áp dụng vào các cấu trúc tạo hình phù hợp với chủ đề. Tạo nền tảng để hội nhập với các loại hình nghệ thuật đương đại. 			<ul style="list-style-type: none"> điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.
21	BỔ CỤC TIỀN TỐT NGHIỆP	<p>Phần lý thuyết của học phần sẽ giúp cho sinh viên biết cách xây dựng một tác phẩm nghệ thuật có giá trị biểu đạt cao từ cách phát triển ý niệm và cách tiếp cận nghệ thuật đương đại. Sinh viên thực hiện thao tác so sánh, phân tích và tổng hợp về phương pháp sáng tác, đúc kết kinh nghiệm cho bản thân.</p> <p>Phần thực hành sinh viên hoàn thành hai tác phẩm về các thể loại trên bằng cách lựa chọn một trong 4 chất liệu phù hợp với mình, nội dung tác phẩm phải theo quy trình và có sự nhất quán về những vấn đề đã nêu ra.</p>	04	Học kỳ 6	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.
22	PHƯƠNG PHÁP VÀ THỰC HÀNH GIẢNG DẠY MỸ THUẬT	<p>Hiểu biết có căn cứ lý luận và thực tiễn về phương pháp dạy học và những kỹ năng dạy học các phân môn thuộc bộ môn Mỹ thuật.</p> <p>Hình thành bước đầu những kỹ năng cơ sở cần thiết cho việc dạy học bộ môn ở THCS, THPT (như thiết kế nội dung hoạt động dạy học, lập kế hoạch giảng dạy, chuẩn bị và tiến hành giờ dạy, tổ chức hoạt động học tập của học sinh).</p> <p>Sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tự học, có thói quen làm việc có kế hoạch.</p>	05	Học kỳ 6	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.

TT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC/ĐV HT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
23	BỔ CỤC TIỀN TỐT NGHIỆP	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục nghiên cứu và thể nghiệm các phương pháp, kỹ thuật xử lý chất liệu, tạo chất... nhằm tìm kiếm phương pháp và hiệu quả tối ưu. - Nghiên cứu hướng giải quyết những vấn đề mang tính ý niệm. - Nghiên cứu về một đề tài mang tính sáng tạo trong xu hướng xã hội đương thời, thể hiện trong đồ án thông qua quá trình thâm nhập thực tế. 	07	Học kỳ 7	<ul style="list-style-type: none"> - Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 30% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 60% - Tổng số: 100 %.
24	THỰC TẾ 3	<ul style="list-style-type: none"> - Tiếp tục nâng cao khả năng nhận thức về thực tế cuộc sống, nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quan sát và ký họa, kỹ năng sống tích cực... - Làm cơ sở tư liệu cho các tác phẩm đồ án tốt nghiệp. 	04	Học kỳ 7	<ul style="list-style-type: none"> - Thực hiện đầy đủ số lượng bài quy định (Từ 45→50 ký họa). - Ký họa được đóng thành tập theo quy định để GV và HĐ chấm học phần.
25	PHƯƠNG PHÁP VÀ THỰC HÀNH GIẢNG DẠY MỸ THUẬT	<p>Hiểu biết có căn cứ lý luận và thực tiễn về phương pháp dạy học và những kỹ năng dạy học các phân môn thuộc bộ môn Mỹ thuật.</p> <p>Hình thành bước đầu những kỹ năng cơ sở cần thiết cho việc dạy học bộ môn ở THCS, THPT (như thiết kế nội dung hoạt động dạy học, lập kế hoạch giảng dạy, chuẩn bị và tiến hành giờ dạy, tổ chức hoạt động học tập của học sinh).</p> <p>Sinh viên có khả năng làm việc độc lập, tự học, có thói quen làm việc có kế hoạch.</p>	8	Học kỳ 7	<ul style="list-style-type: none"> Dự lớp: Tham dự đầy đủ số giờ lên lớp, điểm tối đa là:10%. - Kiểm tra định kỳ: Điểm tối đa là: 20% - Thi kết thúc học phần: Điểm tối đa là: 70% - Tổng số: 100 %.

*** Công khai các môn học của từng khóa học, chuyên ngành**

Khóa	Các môn học chuyên ngành			
K30	Học kỳ 1		Học Kỳ 2	
	CNG3213	Cơ sở tạo hình 1	CNG3183	Hình họa 2

	CNG3173	Hình họa 1	CNG3223	CS tạo hình 2
	SPM3182	Tâm lý học 1	SPM3192	Tâm lý học 2
			SPM3202	Giáo dục học 1
K29	CNG3193	Hình họa 3	CNG3203	Hình họa 4
	CNG3233	Cơ sở tạo hình 3	SPM4332	PP và QT bố cục
	SPM3322	Thực tế 1		
	SPM3212	Giáo dục học 2		
K28	SPM3223	Phân tích tác phẩm Mỹ thuật	SPM4343	Bố cục chất liệu 1 (Sơn mài)
	SPM3322	Thực tế 2	SPM4384	Bố cục chất liệu 5 (Composition)
	SPM4353	Bố cục chất liệu 2 (Lụa)	SPM4394	Bố cục chất liệu tiền tốt nghiệp
	SPM4363	Bố cục chất liệu 3 (Đồ họa)	SPM4405	PP và thực hành giảng dạy Mỹ thuật
	SPM4373	Bố cục chất liệu 4 (Sơn dầu)		
K27	D140222.2607BCCL	Bố cục tiền tốt nghiệp	52140222.2388 TTSP	Thực tập sư phạm
	D140222.2534TNTT	Thâm nhập thực tế 3	52140222.3478 TPTN	Tác phẩm tốt nghiệp
	D140222.2596BCCL	Bố cục chất liệu 5		
	D140222.2358GDMT	Ph.pháp & thực hành GDMT		

Công khai thông tin về đề án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Tên đề tài tác phẩm TN	Tên đề tài khóa luận TN	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Giờ học nấu ăn của bé	Quá trình hình thành tác phẩm: “Giờ học nấu ăn của bé”	Đàm Thị Như Bình	Lê Đăng Thông	
2	Xuống chợ	Quá trình hình thành tác phẩm: “Xuống chợ”	Hoàng Thị Thanh Châu	Nguyễn Ánh Dương	
3	Dệt Năng Vùng Cao	Quá trình hình thành tác phẩm: “Dệt Năng Vùng Cao”	Nguyễn Việt Đức	Lê Phan Quốc	
4	Nắng Xuân	Quá trình hình thành tác phẩm: “Nắng Xuân”	Đàm Khánh Hà	Nguyễn Văn Sỹ	
5	Mùa Xuân	Quá trình hình thành tác phẩm: “Mùa Xuân”	Nguyễn Ngọc Hân	Lê Nguyễn Đăng Giaoan	
6	Trò chuyện	Quá trình hình thành tác phẩm: “Trò chuyện”	Đinh Thị Như Huyền	Lê Nguyễn Đăng Giaoan	
7	Chờ	Quá trình hình thành tác phẩm: “Chờ”	Lê Thị Cẩm Ly	Đặng Thị Thu An	

STT	Tên đề tài tác phẩm TN	Tên đề tài khóa luận TN	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
8	Du Xuân	Quá trình hình thành tác phẩm: “Du Xuân”	Phạm Thị Yến Nhi	Nguyễn Ánh Dương	
9	Theo dấu chân Người	Quá trình hình thành tác phẩm: “Theo dấu chân Người”	Lê Thị Kiều Oanh	Hoàng Xuân Hiếu	
10	Tiếng Tu Lu trên bàn gỗ	Quá trình hình thành tác phẩm: “Tiếng Tu Lu trên bàn gỗ”	Lê Minh Tâm	Hoàng Xuân Hiếu	
11	Bà và cháu	Quá trình hình thành tác phẩm: “Bà và cháu”	Trần Trương Anh Thư	Nguyễn Văn Sỹ	
12	Xuân	Quá trình hình thành tác phẩm: “Xuân”	Tô Anh Thy	Lê Phan Quốc	
13	Sắc màu thổ cẩm	Quá trình hình thành tác phẩm: “Sắc màu thổ cẩm”	Trần Nguyễn Ngọc Trân	Lê Nguyễn Đăng Giaoan	
14	Nhịp điệu đường phố	Quá trình hình thành tác phẩm: “Nhịp điệu đường phố”	Phan Xuân Cát Tường	Hoàng Phúc Quý	
15	Âm sắc	Quá trình hình thành tác phẩm: “Âm sắc”	Nguyễn Thị Tân Yên	Hoàng Xuân Hiếu	

Khoa MỸ THUẬT TẠO HÌNH

* Công khai các môn học của chuyên ngành Hội họa

Hội họa Khóa 47 (2025-2029)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Nguyên lý thị giác	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về màu sắc, cách sử dụng màu sắc trong trang trí. Nghiên cứu về các yếu tố tạo hình cơ bản của nghệ thuật thị giác, các định luật cơ bản về nghệ thuật thị giác. Giúp SV làm quen và từng bước chủ động với các kỹ thuật sử dụng chất liệu bột màu (gouache). Rèn luyện kỹ năng pha màu, tạo hiệu quả màu và tô màu trên giấy.	03 TC	15/9 – 08/11/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTTP
2	Hình Họa 1	Nhận biết được các biểu hiện về hình, khối, ánh sáng và các độ bóng cơ bản, hai mảng sáng tối lớn và 3 sắc độ đậm nhạt chính, các đường nét và tính thẩm mỹ, sự hoàn thiện	03 TC	15/9 – 08/11/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTTP

		của một bài vẽ nghiên cứu hình họa, từng bước chủ động với kỹ thuật sử dụng chất liệu chì và than trong nghiên cứu, diễn tả, thể hiện đối tượng.			
3	Ký họa	Học phần cung cấp cho sinh viên kỹ thuật ký họa, biết dùng đường nét để nắm bắt nhanh và trực tiếp cấu trúc, đặc điểm hình thể của đối tượng; biết cách sử dụng ký họa để nghiên cứu thực tế, nghiên cứu đối tượng trong môi quan hệ với các loại không gian bằng phương tiện diễn nét thông qua các đối tượng nghiên cứu khác nhau như tĩnh vật, phong cảnh, động thực vật, con người,...	02 TC	10/11/2025 – 03/01/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
4	Hình họa 2	Giúp SV nắm bắt được các biểu hiện khác nhau về màu sắc của thiên nhiên trong các hoàn cảnh, không gian, thời gian khác nhau. Hiểu được sự hòa hợp của màu sắc, nóng lạnh của màu sắc, đậm nhạt sắc độ của màu sắc và các tính chất biểu cảm của màu sắc trong việc thể hiện, miêu tả đối tượng.	03 TC	12/01 – 28/3/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
5	Cơ sở tạo hình 1	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về bố cục, kiến thức về các loại hình bố cục, các khái niệm tạo hình trong bố cục, các quan hệ tạo hình phổ biến trong bố cục.	03 TC	12/01 – 28/3/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
6	Trực họa	Giới thiệu cho sinh viên khái niệm về trực họa, phân biệt trực họa và các hình thức vẽ nét và vẽ nghiên cứu khác; khả năng ứng dụng trực họa trong phát triển ý tưởng và trong sáng tác tạo hình; Cung cấp cho sinh viên các hiểu biết về đặc điểm, tính chất và kỹ thuật sử dụng các chất liệu vẽ khô, vẽ ướt; Giới thiệu cho sinh viên một số hình thức tiếp cận tư duy tạo hình bằng phương tiện trực họa, làm cơ sở cho quá trình tìm ý, phát triển ý tưởng trong hoạt động sáng tác về sau.	02 TC	06/4 – 09/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
7	Tin học CN	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp xử lý, biên tập, truy xuất tư liệu dạng hình ảnh (vector và bitmap) để vận dụng vào nghiên cứu sáng tác hội họa,	02 TC	06/4 – 09/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

	hoặc làm tiền đề cho việc học chuyên ngành Tạo hình Đa phương tiện sau này.			
--	--	--	--	--

Hội họa Khóa 46 (2024-2028)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hình họa 3	Nghiên cứu màu sắc trên cơ thể người. Nắm bắt được đặc điểm cơ thể người mẫu. Biết phân tích một cách tinh tế các diễn biến màu sắc trên cơ thể người và thể hiện màu sắc hài hòa, có gam. Rèn luyện các kỹ năng vẽ hình họa bằng chất liệu sơn dầu; Nắm vững kỹ thuật vẽ sơn dầu căn bản.	03 TC	11/9 – 29/11/202 5	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
2	Sơn dầu 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về lịch sử nghệ thuật sơn dầu (thế giới và Việt Nam) và nghệ thuật sơn dầu đương đại Việt Nam. Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quy trình kỹ thuật chất liệu sơn dầu; tính chất và đặc điểm của ngôn ngữ chất liệu.	03 TC	15/9 – 08/11/ 2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
3	BC tạo hình	Trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để có thể sáng tác tạo hình về các thể loại tranh đề tài (tĩnh vật, chân dung, phong cảnh); Học phần tiếp tục nâng cao các kỹ năng sắp xếp, bố cục tạo hình, kỹ năng xử lý không gian tạo hình; hình thành khả năng sử dụng chất liệu và màu sắc để diễn cảm và mô tả nội dung; Kỹ năng chuyên từ tư liệu thực tế sang hình thức bố cục tạo hình.	03 TC	10/11/202 5 – 03/01/202 6	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
4	Đồ họa vẽ tay	- Nắm bắt kỹ năng vẽ tay để nghiên cứu và xây dựng một tác phẩm tạo hình thông qua việc xây dựng bố cục, hình thể, phân bố mảng, sắc độ, đường nét, không gian... - Thực hành vận dụng kết hợp các	02 TC	05/01 – 07/02/202 6	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chất liệu bút sắt, bút có màu, mực nho, màu nước, phấn sáp, bút chì màu... để sáng tác bố cục tự do. - Có khả năng thực hành độc lập trong nghiên cứu, thể nghiệm và tìm tòi các kỹ thuật mới để phát triển tác phẩm đồ họa vẽ tay.			
5	NT không gian	Cung cấp những hiểu biết về một số loại hình nghệ thuật không gian ba chiều và một số phương pháp tạo hình của nghệ thuật không gian ba chiều. Giúp sinh viên có nhận thức về vật liệu, hình khối, bố cục trong việc tạo hình ở không gian ba chiều	02 TC	05/01 – 07/02/2026 6	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
6	Thực tế 1	cung cấp tư liệu để sinh viên thực hiện đồ án sáng tác trong học phần chuyên ngành. Trong quá trình thâm nhập thực tế, sinh viên tập phát hiện và khai thác ý tưởng sáng tác hoặc chủ đề tư tưởng tiềm ẩn trong các mảng đề tài khác nhau của cuộc sống.		02/3 – 21/3/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
7	Hình họa 4	Nghiên cứu hình họa mẫu kết hợp đồ vật và mẫu trang phục. Phân tích mối quan hệ giữa mẫu người, chất liệu trang phục và đồ vật, làm chủ chất liệu và kỹ thuật sử dụng sơn dầu, màu sắc hài hòa, diễn tả đối tượng có chiều sâu biểu đạt tinh thần của mẫu.	03 TC	23/3 – 02/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
8	CL Lựa 1	Hiểu về lịch sử hình thành của chất liệu lụa và các xu hướng phát triển của chất liệu trong hội họa đương đại; Biết cách chuẩn bị, bảo quản vật liệu, vật tư và họa cụ liên quan đến chất liệu; Nắm vững các bước quy trình kỹ thuật cơ bản để thể hiện tranh bằng chất liệu lụa.	03 TC	04/5 – 27/6/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
9	CL Sơn mài 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức	03 TC	04/5 –	Điểm quá trình

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tổng quát về lịch sử nghệ thuật đồ sơn (thế giới và Việt Nam) và nghệ thuật sơn mài đương đại Việt Nam. Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quy trình kỹ thuật chất liệu sơn mài; tính chất và đặc điểm của ngôn ngữ chất liệu.		27/6/2026	Điểm thi KTHP

Hội họa Khóa 45 (2023-2027) – chuyên ngành Hội họa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Sơn dầu 1	Trang bị cho sinh viên các kiến thức tổng quát về lịch sử nghệ thuật sơn dầu (thế giới và Việt Nam) và nghệ thuật sơn dầu đương đại Việt Nam. Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về quy trình kỹ thuật chất liệu sơn dầu; tính chất và đặc điểm của ngôn ngữ chất liệu.	03 TC	15/9 – 08/11/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
2	Chất liệu Lụa 2	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về nghệ thuật tranh Lụa truyền thống và đương đại Việt Nam, các họa sĩ tranh Lụa tiêu biểu và xu hướng kỹ thuật, tạo hình... Trang bị cho sinh viên các kiến thức về xử lý chất liệu Lụa để thể hiện các yêu cầu tạo hình cụ thể như diễn tả không gian, biểu chất, mô tả sự vật hiện tượng.	03 TC	08/10 – 27/12/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
3	CL Sơn mài 2	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về nghệ thuật sơn mài đương đại Việt Nam, các họa sĩ sơn mài tiêu biểu và xu hướng kỹ thuật, tạo hình... Trang bị cho sinh viên các kiến thức về xử lý chất liệu sơn mài để thể hiện các yêu cầu tạo hình cụ thể như diễn tả không gian, biểu chất, mô tả sự vật	03 TC	10/11/2025 – 03/01/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		hiện tượng.			
4	CL Sơn dầu 2	<p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức về nghệ thuật sơn dầu đương đại, các họa sĩ sơn dầu tiêu biểu và xu hướng kỹ thuật, tạo hình..</p> <p>Trang bị cho sinh viên các kiến thức về xử lý chất liệu sơn dầu để thể hiện các yêu cầu tạo hình cụ thể như diễn tả không gian, biểu chất, mô tả sự vật hiện tượng.</p>	03 TC	17/11/2025 – 10/01/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
5	Thực tế 2	<p>Nghiên cứu, tìm kiếm nội dung, tư liệu và chi tiết thể hiện cho học phần sáng tác và đồ án tốt nghiệp, với đối tượng nghiên cứu do sinh viên tự xác định phù hợp với đề cương ý tưởng sáng tác.</p> <p>- Sinh viên được khuyến khích phát huy tối đa tính độc lập và tự chủ trong việc xác định đề tài, ý tưởng sáng tác, chất liệu và kế hoạch nghiên cứu thực tế</p>		02/3 – 21/3/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
6	Sáng tác CL Lựa	Hiểu và sử dụng chính xác các khái niệm liên quan đến sáng tác tác phẩm hội họa: Tên tranh, đề tài, nội dung, chủ đề tư tưởng, hình tượng nghệ thuật; Nắm được quy trình sáng tác cơ bản, từ hình thành ý tưởng đến tìm kiếm tư liệu, phát triển ý tưởng và thể hiện tác phẩm. Biết cách xây dựng một tác phẩm hội họa thể hiện được chủ đề tư tưởng.	04 TC	30/3 – 06/6/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
7	Nguyên lý sáng tác NT tạo hình	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến các thành phần của một tác phẩm nghệ thuật tạo hình từ góc độ thực hành sáng tác, là cơ sở để sinh viên biết cách phát triển ý tưởng, xây dựng tác phẩm và trình bày, luận giải về tác	02 TC	30/3 – 23/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phẩm của mình trong môi trường chuyên nghiệp.			
8	Sáng tác CL Sơn mài	Hiểu và sử dụng chính xác các khái niệm liên quan đến sáng tác tác phẩm hội họa: Tên tranh, đề tài, nội dung, chủ đề tư tưởng, hình tượng nghệ thuật; Nắm được quy trình sáng tác cơ bản, từ hình thành ý tưởng đến tìm kiếm tư liệu, phát triển ý tưởng và thể hiện tác phẩm. Biết cách xây dựng một tác phẩm hội họa thể hiện được chủ đề tư tưởng.	04 TC	30/3 – 06/6/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

Hội họa Khóa 45 (2023-2027) – chuyên ngành Tạo hình Đa phương tiện

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	NT sắp đặt 1	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát về nghệ thuật sắp đặt. Trang bị sinh viên những nhận thức về tính chất, mối quan hệ, và sự kết hợp của các yếu tố cơ bản của nghệ thuật sắp đặt đó là: không gian, chất liệu, ánh sáng, thời gian, và sự chuyển động như là sự biểu đạt của nghệ thuật sắp đặt.	03 TC	22/9 – 15/11/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
2	Nhiếp ảnh tạo hình 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức về phương pháp kỹ thuật chụp ảnh, xử lý, biên tập và trình bày tác phẩm ảnh. Bên cạnh đó, học phần còn cung cấp cho sinh viên những kiến thức chuyên sâu về lịch sử hình thành và phát triển của nhiếp ảnh và kỹ thuật, đặc thù ngôn ngữ chất liệu ảnh; một số xu hướng đương đại về kỹ thuật chất liệu nhiếp ảnh.	03 TC	15/9 – 08/11/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
3	NT sắp đặt 2	Học phần sẽ cung cấp cho sinh viên cái nhìn tổng quát về nghệ thuật sắp đặt và nâng cao với không gian rộng lớn hơn. Trang bị sinh viên những nhận thức về	03 TC	17/11/2025 – 10/01/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tính chất, mối quan hệ, và sự kết hợp của các yếu tố cơ bản của nghệ thuật sắp đặt đó là: không gian, chất liệu, ánh sáng, thời gian, và sự chuyển động như là sự biểu đạt của nghệ thuật sắp đặt 2.			
4	NT hình ảnh động 2	Cung cấp cho sinh viên kiến thức chuyên sâu về phương pháp kỹ thuật hình ảnh động, xử lý, biên tập và trình bày tác phẩm hình ảnh động. Cung cấp cho sinh viên những kiến thức nền tảng, nâng cao về lịch sử hình thành và phát triển của nghệ thuật hình ảnh động, đặc thù ngôn ngữ chất liệu; các xu hướng đương đại về kỹ thuật chất liệu nghệ thuật hình ảnh động 2.	03 TC	17/11/2025 – 10/01/ 2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
5	Thực tế 2	Nghiên cứu, tìm kiếm nội dung, tư liệu và chi tiết thể hiện cho học phần sáng tác và đồ án tốt nghiệp, với đối tượng nghiên cứu do sinh viên tự xác định phù hợp với đề cương ý tưởng sáng tác. - Sinh viên được khuyến khích phát huy tối đa tính độc lập và tự chủ trong việc xác định đề tài, ý tưởng sáng tác, chất liệu và kế hoạch nghiên cứu thực tế		02/3 – 21/3/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
6	Sáng tác nhiếp ảnh tạo hình	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến sáng tác nhiếp ảnh tạo hình thể hiện được nội dung, chủ đề tư tưởng và phát huy được cá tính sáng tạo. Học phần được thiết kế để hình thành ở sinh viên các kỹ năng: tổ chức và thực hành sáng tác, tìm tòi, phát triển về kỹ thuật thể hiện chất liệu, phân tích và diễn giải về sáng tác của cá nhân.	04 TC	23/3/ - 30/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
7	Nguyên lý sáng tác NT tạo hình	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến các thành phần của một tác phẩm nghệ thuật tạo hình từ góc độ thực hành sáng tác, là cơ sở để sinh viên biết cách phát triển ý tưởng, xây dựng tác	02 TC	30/3 – 23/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		phẩm và trình bày, luận giải về tác phẩm của mình trong môi trường chuyên nghiệp.			
8	Sáng tác NT hình ảnh động	Học phần cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan đến sáng tác hình ảnh động, thể hiện được nội dung, chủ đề tư tưởng và phát huy được cá tính sáng tạo. Học phần được thiết kế để hình thành ở sinh viên các kỹ năng: tổ chức và thực hành sáng tác, tìm tòi, phát triển về kỹ thuật thể hiện chất liệu, phân tích và diễn giải về sáng tác của cá nhân. Thông qua học phần, sinh viên xây dựng được thái độ chuyên nghiệp trong xử lý chất liệu và hình thức tác phẩm; có tinh thần làm việc sáng tạo, độc lập, có kế hoạch và nhất quán.	04 TC	23/3/ - 30/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

Hội họa Khóa 44 (2022-2026)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Sáng tác CL Sơn dầu	Trang bị cho sinh viên các kiến thức về sáng tác nghệ thuật sơn dầu đương đại, các họa sĩ sơn dầu tiêu biểu và xu hướng kỹ thuật, tạo hình.. Trang bị cho sinh viên các kiến thức về xử lý chất liệu sơn dầu để thể hiện các yêu cầu tạo hình cụ thể như diễn tả không gian, biểu chất, mô tả sự vật hiện tượng.	04 TC	15/9 – 08/11/ 2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
2	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật nhiếp ảnh Học phần tạo điều kiện cho sinh viên cận phương pháp sáng tác tác phẩm nghệ thuật bằng các chất liệu của chuyên ngành phụ (Tạo hình Đa phương tiện) một cách chuyên nghiệp, sáng tạo, và độc lập; có thể trình bày và bảo vệ ý tưởng sáng tác,	02 TC	15/9 – 08/11/ 2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		đồng thời phát triển ý tưởng một cách nhất quán và sâu sắc thông qua nhóm tác phẩm.			
3	Sáng tác tạo hình Đa phương tiện	<p>Học phần trang bị cho sinh viên các kiến thức và kỹ năng để sáng tác các tác phẩm tạo hình đa phương tiện dựa trên việc phát triển ý tưởng, nội dung chủ đề. Sinh viên ứng dụng kỹ thuật chất liệu tạo hình đa phương tiện đã được học và có thể tìm kiếm cách thể hiện riêng của cá nhân, đồng thời phát triển năng lực trình bày và diễn giải về ý tưởng sáng tác cũng như hình thức thể hiện phù hợp với chất liệu sử dụng.</p> <p>Hoạt động của chính của học phần tập trung vào việc nghiên cứu, thực hiện tác phẩm tạo hình đa phương tiện nhằm thể hiện rõ ràng và nhất quán nội dung chủ đề đã đăng ký ở chuyên ngành chính; bên cạnh đó là các seminar và tham vấn cá nhân (studio desk crit) được thiết kế để hỗ trợ sinh viên phát triển ý tưởng và điều chỉnh quá trình thực hiện tác phẩm.</p>	02 TC	24/11/2025 – 24/01/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
4	Đồ án tiền TN	<p>Là đồ án tiền tốt nghiệp, nội dung chủ yếu của học phần Sáng tác 4 là hoạt động tự nghiên cứu và sáng tác của sinh viên tại học xưởng dưới sự cố vấn của giảng viên hướng dẫn tốt nghiệp.</p> <p>Sinh viên được khuyến khích phát huy tối đa tính độc lập và tự chủ trong việc xác định đề tài, ý tưởng sáng tác, chất liệu và kế hoạch nghiên cứu sáng tác.</p> <p>Nội dung chủ đề tư tưởng, ý đồ sáng tác, chất liệu thể hiện mà sinh viên nghiên cứu phát triển trong học phần này bắt buộc phải được tiếp tục theo đuổi trong tác phẩm tốt nghiệp.</p>		24/11/2025 – 24/01/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
5	Tác phẩm TN	Sinh viên thực hiện một tác phẩm chuyên môn theo đề tài đã đăng ký và đã được		26/01 – 23/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		Hội đồng thông qua. Tác phẩm phải phản ánh trình độ chuyên môn của sinh viên đã học trong suốt 4 năm và mang cá tính sáng tạo, phản ánh sâu sắc chủ đề tư tưởng.			HĐTN
6	Khóa luận TN	Sinh viên thực hiện một khóa luận nghiên cứu các chuyên đề liên quan đến chuyên môn và bảo vệ tác phẩm chuyên môn. Nội dung luận văn phải phản ánh trình độ nhận thức thẩm mỹ; kiến thức lý luận mỹ thuật, mỹ học, kiến thức chuyên môn thông qua một nội dung nghiên cứu cụ thể thuộc ngành đang học nhằm góp phần làm rõ ý đồ, chủ đề tư tưởng của tác phẩm chuyên môn.		26/01 – 23/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi TN

Hội họa Khóa 43 (2021-2026)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Thực tế 4	Nghiên cứu, tìm kiếm nội dung, tư liệu và chi tiết thể hiện cho học phần sáng tác và đồ án tốt nghiệp. Đối tượng nghiên cứu: Theo đề cương ý tưởng của sinh viên.		15/9 – 11/10/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
2	Sáng tác 4	Học phần tạo điều kiện cho sinh viên cận phương pháp sáng tác hội họa một cách chuyên nghiệp, sáng tạo, và độc lập; có thể trình bày và bảo vệ ý tưởng sáng tác, đồng thời phát triển ý tưởng một cách nhất quán và sâu sắc thông qua nhóm tác phẩm	08	13/10/2025 – 03/01/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
3	Sáng tác 5	Học phần tạo điều kiện cho sinh viên cận phương pháp sáng tác tác phẩm nghệ thuật bằng các chất liệu của chuyên ngành phụ (Tạo hình Đa phương tiện) một cách chuyên nghiệp, sáng tạo, và độc lập; có thể trình bày và bảo vệ ý tưởng sáng tác, đồng thời phát triển ý tưởng một cách nhất quán	08	13/10/2025 – 03/01/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		và sâu sắc thông qua nhóm tác phẩm.			
4	Tác phẩm TN	Sinh viên thực hiện một tác phẩm chuyên môn theo đề tài đã đăng ký và đã được Hội đồng thông qua. Tác phẩm phải phản ánh trình độ chuyên môn của sinh viên đã học trong suốt 5 năm và mang cá tính sáng tạo, phản ánh sâu sắc chủ đề tư tưởng.		26/01 – 23/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi HĐTN
5	Khóa luận TN	Sinh viên thực hiện một khóa luận nghiên cứu các chuyên đề liên quan đến chuyên môn và bảo vệ tác phẩm chuyên môn. Nội dung luận văn phải phản ánh trình độ nhận thức thẩm mỹ; kiến thức lý luận mỹ thuật, mỹ học, kiến thức chuyên môn thông qua một nội dung nghiên cứu cụ thể thuộc ngành đang học nhằm góp phần làm rõ ý đồ, chủ đề tư tưởng của tác phẩm chuyên môn.		26/01 – 23/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi TN

*** Công khai thông tin về đề án, khóa luận tốt nghiệp ngành Hội họa**

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của họa văn mỹ thuật cổ trong tạo hình hiện đại	Đoàn Thùy Dương	Phan Lê Chung	
2	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp	Lê Văn Dũng	Nguyễn Thị Hiền Lê	
3	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp	Nguyễn Đình Hanh	Nguyễn Thị Hòa	
4	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp “Nương náu trong thiên nhiên và Khúc ru của thiên nhiên”	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nguyễn Thị Hiền Lê	
5	Đại học	Nghiên cứu một số các linh vật tiêu biểu trong Phật giáo	Trần Thị Thi Linh	Phan Lê Chung	
6	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp “Bất diệt”	Nguyễn Văn Viễn Phương	Nguyễn Thị Hiền Lê	
7	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp	Huỳnh Đình	Nguyễn Thị Hiền	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		ngiệp “Tình mẹ”	Thạch	Lê	
8	Đại học	Nghiên cứu hình tượng côn trùng trong thiên nhiên vận dụng vào sáng tác tác phẩm tốt nghiệp	Nguyễn Thành An	Nguyễn Thị Hòa	
9	Đại học	Nghiên cứu tạo hình thiên nhiên và người mẹ vận dụng vào trong tác phẩm tốt nghiệp	Phan Thiên Kim	Nguyễn Thị Hòa	
10	Đại học	Nghiên cứu sinh vật biển vận dụng vào sáng tác tác phẩm tốt nghiệp	Phan Thị Hoài Phương	Nguyễn Thị Hòa	
11	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp	Nguyễn Xuân Trọng	Nguyễn Thị Hiền Lê	
12	Đại học	Gia đình	Tôn Thất Hùng	Phan Thanh Quang	
13	Đại học	Sắc thái tình yêu	Lê Đắc Nguyên Xuân	Nguyễn Văn Thọ	
14	Đại học	Nét tương đồng hình tượng cá chép vùng lưu vực sông Mê-Kông và văn hoá tín ngưỡng Lào qua tác phẩm của tôi	Seksan Boutthavong	Nguyễn Thái Quảng	
15	Đại học	Khèn lào bên dòng sông Mê-kông	Xaiynoy Keovieth	Hà Văn Sáu	

*** Công khai các môn học của chuyên ngành Điều khắc
Điều khắc Khóa 46 (2025-2029)**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Phù Điều 1	Sinh viên phải thực hiện đầy đủ các yêu cầu về: Kiến thức, Kỹ năng, Thái độ... Học phần giúp sinh viên Nghiên cứu khối cơ bản và đầu tượng một cách đầy đủ về kiến thức lý thuyết và các thao tác thực hành từ cơ bản đến phức tạp và nâng cao.	03	11/9 – 04/10/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
2	Tượng tròn 1	Cung cấp kiến thức về Nghiên cứu hình họa, đầu tượng một cách chính xác và tạo nền tảng phát triển về học phần tiếp theo	03	06/10 – 01/11/ 2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
3	Hình họa 1	Nghiên cứu hình họa tĩnh vật và bán thân người mẫu	03	03/11/2025 –	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

				10/01/2026	
4	Tin học CN	Làm quen, Nghiên cứu về các phần mềm tin học chuyên ngành Mỹ thuật, tạo hình...	03	12/01 – 07/02/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
5	Phù Điều 2	Nghiên cứu sâu về người mẫu (cơ thể người) dáng, tỷ lệ và giải phẫu.	03 TC	09/3 – 04/4/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
6	Tượng tròn 2	Nghiên cứu sâu về người mẫu ở học phần tượng tròn (cơ thể người) dáng, tỷ lệ và giải phẫu.	03 TC	13/4 – 09/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

Điều khắc Khóa 45 (2023-2027)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Phù Điều 5	Nghiên cứu sâu về người mẫu dáng đứng, ngồi toàn thân	03	Buổi sáng 15/9 – 04/10/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
2	Tượng tròn 5	Nghiên cứu sâu về người mẫu dáng đứng, ngồi toàn thân	03	Buổi chiều 15/9 – 04/10/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
3	Phù Điều 6	Nghiên cứu sâu về người mẫu dáng đứng, ngồi trong bài Phù điều toàn thân	03	Buổi sáng 13/10 – 08/11/ 2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
4	Sáng tác Phù Điều 1	Tích lũy kiến thức về học phần sáng tác phù điều	03	Buổi chiều 13/10 – 08/11/ 2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
5	NT sắp đặt	Thực hành nghệ thuật không gian rộng lớn trên tư duy bố cục, chất liệu, ý tưởng mang yếu tố thẩm mỹ	03	Buổi sáng 09/3/2026 – 04/4/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
6	Sáng tác Phù Điều 2	Tích lũy kiến thức về học phần sáng tác phù điều nâng cao	03	Buổi chiều 09/3/2026 – 04/4/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
7	Phác thảo tượng đài	Nắm vững nguyên tắc và hệ thống vận hành một công trình tượng ngoài trời hoành tráng, chủ đề rõ ràng	04	Buổi sáng 06/4 – 09/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
8	Tượng tròn 6	Nghiên cứu sâu về người mẫu dáng đứng, ngồi toàn thân , dụng cụ kết hợp trong bố cục mang lại giá trị thẩm mỹ và chính xác	03	Buổi chiều 06/4 – 09/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi KTHP

Điều khắc Khóa 43 (2021-2026)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
-----	-------------	------------------	----------	----------------------	--------------------------------

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Thực tế 4	Thông qua thâm nhập thực tế, sinh viên có điều kiện tiếp cận thực tiễn cuộc sống, bổ sung kiến thức từ thực tiễn sinh động, rèn luyện kỹ năng vẽ, khả năng thu nhận các tín hiệu, thông tin, ghi chép tư liệu để có cơ sở tư duy, sáng tạo nghệ thuật, hình thành năng lực nghiên cứu phục vụ chuyên môn đang học tập. Sinh viên được trang bị các kiến thức, phương pháp vẽ ký họa các thể loại (Ký họa phong cảnh, đồ vật, động vật, con người...) cách sử dụng các chất liệu khác nhau (Bút chì, bút sắt, mực nho, thuốc nước,...) để ghi chép tư liệu trực quan. Thâm nhập đời sống, có ý thức về chủ đề, làm nền tảng cho việc vận dụng vào bài tốt nghiệp		11/9 - 11/10/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
2	BCCL 3- Phụ điều	Hiểu sâu về ngôn ngữ chất liệu và vai trò chất liệu trong bố cục thẩm mỹ của học phần	06	Buổi sáng 15/9 – 11/10/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
3	BCCL 4 – Tượng tròn	Hiểu sâu về ngôn ngữ chất liệu và vai trò chất liệu trong bố cục thẩm mỹ của học phần tượng tròn	06	Buổi chiều 15/9 – 11/10/2025	Điểm quá trình Điểm thi KTHP
4	Duyệt PT TN và ĐCKL TN, làm bài Tốt nghiệp	Chuẩn bị cho tác phẩm và Khóa luận tốt nghiệp		24/11/2025 – 16/5/2026	Điểm quá trình Điểm thi TN

*** Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp Điều khắc**

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của hoa văn mỹ thuật cổ trong tạo hình hiện đại	Đoàn Thùy Dương	Phan Lê Chung	
2	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp	Lê Văn Dũng	Nguyễn Thị Hiền Lê	
3	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp	Nguyễn Đình Hanh	Nguyễn Thị Hòa	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
4	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp “Nương náu trong thiên nhiên và Khúc ru của thiên nhiên”	Nguyễn Thị Thu Huyền	Nguyễn Thị Hiền Lê	
5	Đại học	Nghiên cứu một số các linh vật tiêu biểu trong Phật giáo	Trần Thị Thi Linh	Phan Lê Chung	
6	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp “Bất diệt”	Nguyễn Văn Viễn Phương	Nguyễn Thị Hiền Lê	
7	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp “Tình mẹ”	Huỳnh Đình Thạch	Nguyễn Thị Hiền Lê	
8	Đại học	Nghiên cứu hình tượng côn trùng trong thiên nhiên vận dụng vào sáng tác tác phẩm tốt nghiệp	Nguyễn Thành An	Nguyễn Thị Hòa	
9	Đại học	Nghiên cứu tạo hình thiên nhiên và người mẹ vận dụng vào trong tác phẩm tốt nghiệp	Phan Thiên Kim	Nguyễn Thị Hòa	
10	Đại học	Nghiên cứu sinh vật biển vận dụng vào sáng tác tác phẩm tốt nghiệp	Phan Thị Hoài Phương	Nguyễn Thị Hòa	
11	Đại học	Quá trình hình thành tác phẩm tốt nghiệp	Nguyễn Xuân Trọng	Nguyễn Thị Hiền Lê	
12	Đại học	Gia đình	Tôn Thất Hùng	Phan Thanh Quang	
13	Đại học	Sắc thái tình yêu	Lê Đắc Nguyên Xuân	Nguyễn Văn Thọ	
14	Đại học	Nét tương đồng hình tượng cá chép vùng lưu vực sông Mê-Kông và văn hoá tín ngưỡng Lào qua tác phẩm của tôi	Seksan Boutthavong	Nguyễn Thái Quảng	
15	Đại học	Khèn lào bên dòng sông Mê-kông	Xaiynoy Keovitch	Hà Văn Sáu	

Khoa MỸ THUẬT ỨNG DỤNG

*Công khai các môn học của chuyên ngành Thiết kế Đồ họa

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hình họa 1	Trang bị các khái niệm cơ bản về môn Hình họa. Giúp người học hiểu được cấu trúc các vật thể trong không gian ba chiều và thể hiện chúng lên	3	HKI	30% QT, 70% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		mặt phẳng hai chiều thông qua các bài nghiên cứu hình họa khối cơ bản, khối phức, tượng thạch cao bằng chất liệu đen trắng (bút chì)			
2	Hình họa 2	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
3	Hình họa 3	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (than, bút sắt, mực nho)	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
4	Hình họa 4	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, ký họa, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu bột màu.	3	HKIV	30% QT, 70% KTHP
5	Cơ sở tạo hình 1	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng thực vật thông qua các bài bố cục trang trí cơ bản với chất liệu bột màu.	3	HKI	30% QT, 70% KTHP
6	Cơ sở tạo hình 2	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng động vật, chân dung người thông qua chất liệu bột màu	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
7	Nguyên lý thị giác	Trang bị kiến thức cơ bản về màu sắc, các yếu tố tạo hình cơ bản. Giúp người học có kỹ năng chuyển tải các đối tượng thị giác bằng các yếu tố tạo hình cơ bản thông qua các bài thực hành trang trí bằng chất liệu bột màu.	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
8	Lịch sử Thiết kế Đồ họa	Trang bị các kiến thức cơ bản như: khái niệm, các thuật ngữ, lịch sử Chữ viết và Đồ họa chữ, lịch sử thiết kế Đồ họa của các trường phái, khuynh hướng, các phong cách thiết kế đồ họa tiêu biểu từ lúc khởi đầu đến ngày nay....để sinh viên hiểu biết, học tập, nghiên cứu và vận dụng vào chuyên ngành của mình	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
9	Thẩm mỹ công nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về thẩm mỹ công nghiệp, các xu hướng, trào lưu thẩm mỹ công nghiệp, các quy luật phát triển của thẩm mỹ công nghiệp.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
10	Khoa học lao động	Trang bị kiến thức đại cương về Écgônômi; đặc điểm sinh lý người trong lao động; Nhân trắc học, cơ sinh học Écgônômi, Các nguyên tắc Écgônômi trong thiết kế để vận dụng trong học tập và thực tiễn.	2	HKII	30% QT, 70% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
11	Thâm nhập thực tế 1	Rèn luyện kỹ năng ký họa đa chất liệu với các nội dung chủ đề từ phong cảnh, tĩnh vật ... đến cuộc sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn nhằm làm tư liệu cho quá trình học chuyên môn.	2	HKIV	100% KTHP
12	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh, phim, giấy ảnh; cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật số, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele góc rộng). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật bóng tối và kỹ xảo, phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
13	Tin học chuyên ngành 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để định dạng trang, định dạng khối chữ, xử lý văn bản, tập hợp nhiều văn bản thành một quyển sách, tạp chí, báo..., các kỹ thuật dàn trang theo chuẩn chuyên nghiệp với hệ thống mang tính quy chuẩn trong chế bản ấn phẩm, sách, báo, tạp chí.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
14	Tin học chuyên ngành 2	Môn học này cung cấp cho người học các kiến thức cơ bản cũng như chuyên sâu về công cụ, các lớp, bộ lọc – hòa trộn... và các kỹ xảo thủ thuật trong phần mềm Adobe Photoshop, nhằm hỗ trợ cho người học trong quá trình thực hành các đồ án chuyên ngành sâu về thiết kế cũng như hoạt động nghề nghiệp sau này.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
15	Thâm nhập thực tế 2 (Sinh viên năm thứ 3)	Sinh viên thực tế tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề..... để tham quan, ghi chép phục vụ cho quá trình học chuyên ngành.	2	HKVI	100% KTHP
16	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	- Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Thiết kế Đồ họa những kiến thức cơ bản về những nguyên lý và các khái niệm liên quan trong quá trình thực hành thiết kế, là kiến thức nền quan trọng trong nghiên cứu và học tập chuyên ngành lâu dài.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
17	Ph. pháp sáng tác thiết kế đồ họa	-Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Thiết kế Đồ họa những kiến thức cơ bản về phương pháp làm việc với các mặt phẳng thiết kế, trên cơ sở phân tích các loại định dạng thông qua các yếu tố thiết kế cơ bản như: Chữ tiêu đề, các dòng văn bản, hình minh họa.... để đưa ra các loại cấu	2	HKV	30% QT, 70% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trúc thiết kế thẩm mỹ và phù hợp công năng sử dụng.			
18	Nghệ thuật chữ	Trang bị kiến thức để sinh viên hiểu rõ vai trò của mẫu chữ La tinh đối với đời sống con người, đặc biệt đối với chữ trong lĩnh vực đồ họa quảng cáo. Trên cơ sở đó, sinh viên nắm được các nguyên tắc cấu trúc của chữ, các phương pháp xử lý chữ tạo hiệu quả thị giác.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
19	Thiết kế Logo	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về các khái niệm biểu trưng (logo), lịch sử hình thành, các khái niệm liên quan đến: ký hiệu, phù hiệu, huy hiệu độc đáo, tính trang trọng, biểu cảm, tính thời đại..của biểu trưng; và phương pháp nghiên cứu, xây dựng một biểu trưng thông qua các thủ pháp tạo hình khác nhau.	3	HKV	30% QT, 70% KTHP
20	Thiết kế Truyện tranh	Cung cấp kiến thức về truyện tranh, các thể loại truyện tranh và phương pháp thực hành thiết kế truyện tranh.	3	HKV	30% QT, 70% KTHP
21	Thiết kế bao bì	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm, nguồn gốc, thuộc tính của bao bì.... Từ đó phân tích các chức năng, tính thẩm mỹ cần thiết và các yếu tố tạo hình quyết định của bao bì, cũng như phương pháp thiết kế các dạng bao bì khác nhau.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
22	Thiết kế Poster Công Thương Nghiệp	Cung cấp những kiến thức cơ bản Poster và phương pháp thiết kế Poster. Từ đó giúp người học có cơ sở lý luận và tư duy thiết kế thông qua thực hành sáng tạo ra sản phẩm thật mang tính ứng dụng thực tiễn.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
23	Thiết kế Sách báo – Tạp chí	Giúp cho sinh viên nắm vững phương pháp xây dựng những ý tưởng sáng tạo mang tính thẩm mỹ và phù hợp với các loại ấn phẩm có chủ đề khác nhau, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của thị trường sách, tạp chí hiện nay.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
24	Thiết kế Poster Chính trị - Xã hội	<ul style="list-style-type: none"> - Cung cấp cho sinh viên kiến thức chung nhất về nghệ thuật vẽ Poster Chính trị - Xã hội. Phân biệt được Poster cổ động chính trị - xã hội với Poster Quảng cáo thương mại. - Nâng cao năng lực tư duy hình tượng để thể hiện một nội dung, chủ đề hay đề tài bằng ngôn ngữ cổ động. - Hình thành nhận thức thẩm mỹ và ý thức công dân trong xã hội nhằm phát huy chuyên môn đã học đóng góp vào đời sống xã hội. 	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
25	Thâm nhập thực tế 3 (sinh viên năm thứ 4)	Sinh viên thực tập tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham gia nghiên cứu thực hành theo từng chủ đề do sinh viên tự chọn.	5	HKVII	100% KTHP
26	Hình họa 7	Nâng cao phương pháp và hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP
27	Nguyên lý in Offset	Cung cấp cho sinh viên các nguyên lý và kỹ thuật, quy trình in Ofchet. Giới thiệu các kiểu máy in 1 màu, 2 màu, 4 màu. Quy trình bình phim, bình bản, chế bản kẽm và in ấn. Giới thiệu tên gọi, tiêu chuẩn và định lượng các loại giấy in Ofchet. Các công đoạn xử lý sản phẩm in ấn. Giới thiệu các loại giấy in, chủng loại, tiêu chuẩn, định lượng, quy cách của từng loại giấy in.	3	HKVII	40% QT, 60% KTHP
28	Sáng tác thiết kế 5 (TK Ấn Phẩm VP)	Trang bị cho sinh viên kiến thức về nghiên cứu và sáng tác đồ họa văn phòng gồm: giấy viết thư, phong bì, giấy mời, danh thiếp.	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP
29	Sáng tác thiết kế 6 (TK Sách - Báo - Tạp chí)	Cung cấp cho Sinh viên những kiến thức về phương pháp thiết kế các ấn phẩm sách, tạp chí và các hình thức minh họa khác nhau	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP
30	Sáng tác thiết kế 7 (Tranh cổ động)	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức chung nhất về nghệ thuật Tranh cổ động. Phân biệt được Tranh cổ động Chính trị – Xã hội với Tranh Quảng cáo Thương mại. Nâng cao năng lực tư duy hình tượng để thể hiện một nội dung, chủ đề hay đề tài bằng ngôn ngữ Tranh cổ động. Hình thành nhận thức thẩm mỹ và ý thức công dân trong xã hội nhằm phát huy chuyên môn đã học đóng góp vào đời sống xã hội.	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP
31	Sáng tác thiết kế 8 (TK Tem)	Cung cấp cho sinh viên một số kiến thức chung nhất về Tem bưu chính, qua đó giúp sinh viên thấy được vai trò quan trọng của tem bưu chính trong đời sống kinh tế, chính trị và văn hóa xã hội, hiểu được các giá trị của thể loại Tem bưu chính, đặc biệt là những giá trị về văn hóa,	5	HKVIII	40% QT, 60% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nghệ thuật. Đồng thời nhận thức rõ vai trò quan trọng của nhà thiết kế đồ họa trong việc tham gia sáng tác thiết kế các loại Tem bưu chính phục vụ đời sống xã hội.			
32	Sáng tác thiết kế 9 (TK Lịch)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp để thiết kế các dạng lịch treo tường thông dụng.	5	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
33	Sáng tác thiết kế 10 (TK Poster Quảng bá sự kiện)	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp để thiết kế các dạng bộ poster tuyên truyền, quảng bá cho các sự kiện mang tính chính trị, văn hoá, xã hội rộng rãi của cộng đồng, của đất nước.	5	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
34	Sáng tác thiết kế sản phẩm đồng bộ	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và phương pháp để thiết kế một cụm sản phẩm thiết kế đồ họa mang tính đồng bộ bao gồm quy mô nhiều thành phần, nhiều hình thức định dạng khác nhau.	4	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
35	Đồ án tiền tốt nghiệp	Nhằm luyện tập với khả năng làm việc độc lập, làm việc có phương pháp, dưới sự hướng dẫn của một Giảng viên, đề xuất được các hướng giải quyết đồ án theo đúng chuyên môn được đào tạo để chuẩn bị cho đồ án tốt nghiệp.	5	HKIX	40% QT, 60% KTHP
36	Thâm nhập thực tế 4 (sinh viên năm thứ 5)	Sinh viên tự chọn địa điểm thực tế, thực tập để phục vụ cho đồ án tốt nghiệp của mình.	6	HKIX	100% KTHP
37	Nhập môn Marketing	Cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh	2	HKX	40% QT, 60% KTHP
38	Khóa luận tốt nghiệp	Nhằm đánh giá khả năng lý luận của sinh viên khi thực hiện đồ án.	5	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)
39	Đồ án tốt nghiệp	Sinh viên thực hiện một cụm đồ án mang tính mang tính ứng dụng và có quy mô, phù hợp với chuyên ngành đào tạo.	10	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
-----	-------------	------------------	-------------	----------------------	--------------------------------

***Công khai các môn học của chuyên ngành Thiết kế Mỹ thuật Đa phương tiện**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hình họa 1	Trang bị các khái niệm cơ bản về môn Hình họa. Giúp người học hiểu được cấu trúc các vật thể trong không gian ba chiều và thể hiện chúng lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài nghiên cứu hình họa khối cơ bản, khối phức, tượng thạch cao bằng chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKI	30% QT, 70% KTHP
2	Hình họa 2	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
3	Hình họa 3	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (than, bút sắt, mực nho)	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
4	Hình họa 4	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, ký họa, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu bột màu.	3	HKIV	30% QT, 70% KTHP
5	Cơ sở tạo hình 1	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng thực vật thông qua các bài bố cục trang trí cơ bản với chất liệu bột màu.	3	HKI	30% QT, 70% KTHP
6	Cơ sở tạo hình 2	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng động vật, chân dung người thông qua chất liệu bột màu	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
7	Nguyên lý thị giác	Trang bị kiến thức cơ bản về màu sắc, các yếu tố tạo hình cơ bản. Giúp người học có kỹ năng chuyển tải các đối tượng thị giác bằng các yếu tố tạo hình cơ bản thông qua các bài thực hành trang trí bằng chất liệu bột màu.	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
8	Lịch sử Thiết kế Đồ họa	Trang bị các kiến thức cơ bản như: khái niệm, các thuật ngữ, lịch sử Chữ viết và Đồ họa chữ, lịch sử thiết kế Đồ họa của các trường phái, khuynh hướng, các phong cách thiết kế đồ họa tiêu biểu từ lúc khởi đầu đến ngày nay....để sinh viên hiểu biết, học tập, nghiên cứu và vận dụng vào chuyên ngành của mình	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
9	Thẩm mỹ	Trang bị kiến thức cơ bản về thẩm mỹ công	2	HKV	30% QT, 70%

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	công nghiệp	ngành, các xu hướng, trào lưu thẩm mỹ công nghiệp, các quy luật phát triển của thẩm mỹ công nghiệp.			KTHP
10	Khoa học lao động	Trang bị kiến thức đại cương về Écgônômi; đặc điểm sinh lý người trong lao động; Nhân trắc học, cơ sinh học Écgônômi, Các nguyên tắc Écgônômi trong thiết kế để vận dụng trong học tập và thực tiễn.	2	HKII	30% QT, 70% KTHP
11	Thâm nhập thực tế 1	Rèn luyện kỹ năng ký họa đa chất liệu với các nội dung chủ đề từ phong cảnh, tĩnh vật ... đến cuộc sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn nhằm làm tư liệu cho quá trình học chuyên môn.	2	HKIV	100% KTHP
12	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh, phim, giấy ảnh; cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật số, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele góc rộng). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật bóng tối và kỹ xảo, phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
13	Tin học chuyên ngành 1	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để định dạng trang, định dạng khối chữ, xử lý văn bản, tập hợp nhiều văn bản thành một quyển sách, tạp chí, báo..., các kỹ thuật dàn trang theo chuẩn chuyên nghiệp với hệ thống mang tính quy chuẩn trong chế bản ấn phẩm, sách, báo, tạp chí.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
14	Tin học chuyên ngành 2	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để dựng phim, tạo chuyển động, tạo chuyển cảnh, làm các kỹ xảo, âm thanh cho phim	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
15	Thâm nhập thực tế 2 (Sinh viên năm thứ 3)	Sinh viên thực tế tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham quan, ghi chép phục vụ cho quá trình học chuyên ngành.	2	HKVI	100% KTHP
16	Các nguyên lý thiết kế đồ họa	- Cung cấp cho sinh viên chuyên ngành Thiết kế Đồ họa những kiến thức cơ bản về những nguyên lý và các khái niệm liên quan trong quá trình thực hành thiết kế, là nền tảng quan trọng trong nghiên cứu và học tập chuyên ngành lâu dài.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
17	Phát triển ý tưởng	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để có thể phát triển ý tưởng, ý niệm trong quá trình sáng tạo các sản phẩm mỹ thuật ứng	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		dụng. SV sẽ được học cách phân tích, triển khai các ý tưởng, ý niệm thông qua việc nghe, xem, đọc và viết. Học cách phân biệt sự khác nhau giữa ý tưởng (idea) và cấu trúc khái niệm (concept)			
18	Thiết kế nhân vật	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm và cách xây dựng nhân vật.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
19	Đồ họa diễn hoạt	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng đồ họa căn bản về hoạt hình 2D, thiết kế web, thông qua các công cụ của phần mềm diễn hoạt đối tượng 2D Adobe Animate. Qua các học phần này, SV được tiếp cận các khái niệm đồ họa chuyển động, thiết kế web, được học tập các kỹ năng thao tác để khai thác hỗ trợ cho việc học chuyên ngành	3	HKV	30% QT, 70% KTHP
20	Diễn hoạt quảng cáo	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức cơ bản về phim quảng cáo, các thể loại quảng cáo trên truyền hình, trên website và phương pháp cơ bản để dàn dựng một đoạn clip quảng cáo 2D bằng phần mềm Adobe Animate và các công cụ hỗ trợ khác.	3	HKV	30% QT, 70% KTHP
21	Dự án thiết kế Website	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm cơ bản về Website, kiến thức nền về phương pháp thiết kế đồ họa Web – đồ họa tương tác động.	3	HKV	30% QT, 70% KTHP
22	Thiết kế hình – nhạc hiệu	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về ngôn ngữ chuyển động theo kịch bản và các nguyên lý hình thành kịch tính cho kịch bản chuyển động, đồng thời mang lại những kiến thức cơ bản để thiết kế hình và nhạc hiệu.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
23	Kỹ thuật quay phim	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về bố cục, cách thức sử dụng thiết bị, phương pháp và kỹ thuật quay phim.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
24	Biên tập phim – âm thanh	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết để dựng phim bằng phần mềm Adobe Premiere và xử lý âm thanh từ phần mềm Sound Forge.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
25	Dự án phim hoạt hình	Cung cấp cho người học kiến thức về phim hoạt hình, các thể loại phim hoạt hình và phương pháp thực tiễn dàn dựng phim hoạt hình	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
26	Thâm nhập thực tế 3 (sinh viên năm thứ 4)	Sinh viên thực tập tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gắn với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham gia nghiên cứu thực hành	5	HKVII	100% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		theo từng chủ đề do sinh viên tự chọn.			
27	Thâm nhập thực tế 4 (sinh viên năm thứ 5)	Sinh viên tự chọn địa điểm thực tế, thực tập để phục vụ cho đề án tốt nghiệp của mình.	6	HKIX	100% KTHP
28	Hình hoạ 7	Nâng cao phương pháp và hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu hình hoạ mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP
29	Nhập môn Marketing	Cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh	2	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
30	Thiết kế nhân vật 1(Maya)	Trang bị cho sinh viên kiến thức chủ yếu về công cụ với phần mềm đồ họa Maya.Trong học phần thiết kế này, sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức căn bản về việc tạo ra những đối tượng theo ý muốn trên nền đồ hoạ 3D, hiệu chỉnh, thay đổi thuộc tính và kết hợp từ những đối tượng đơn giản thành đối tượng phức tạp. Sinh viên có thể sử dụng các công cụ, các lệnh hỗ trợ xây dựng đối tượng theo ý tưởng.	3	HKVII	40% QT, 60% KTHP
31	Thiết kế nhân vật 2 (3D Max)	Sinh viên được cung cấp kiến thức căn bản về việc tạo ra những đối tượng theo ý muốn trên nền đồ hoạ 3D, hiệu chỉnh, thay đổi thuộc tính và kết hợp từ những đối tượng đơn giản thành đối tượng phức tạp.	4	HKVII	40% QT, 60% KTHP
32	Ánh Sáng - Camera - diễn hoạt	sinh viên sẽ được cung cấp kiến thức căn bản về việc tạo ra ánh sáng - camera - diễn hoạt cho đối tượng và hoạt cảnh theo ý muốn trên nền đồ hoạ 3D, hiệu chỉnh, thay đổi thuộc tính và kết hợp từ những loại ánh sáng - camera - diễn hoạt để tổ chức lại thành các sản phẩm phù hợp với chuyên ngành.	2	HKVII	40% QT, 60% KTHP
33	Biên tập phim -Âm thanh (Adobe Premier+Sound Forge)	Cung cấp cho sinh viên các kiến thức căn bản về biên tập phim, capturing các đoạn phim, tạo hiệu ứng hình ảnh, hiệu quả âm thanh, xuất phim	3	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
34	Đề án 3 (Thiết kế hình -	Cung cấp các kiến thức về ngôn ngữ chuyển động theo kịch bản và các nguyên lý hình thành kịch tính cho kịch bản chuyển động, kỹ năng	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	nhạc hiệu)	hoàn chỉnh một đoạn chuyển động ngắn mang tính biểu tượng, cô đọng trong thiết kế hình và nhạc hiệu truyền hình.			
35	Kịch bản	Cung cấp cho sinh viên khái niệm về kịch bản và phân loại kịch bản. Kịch bản điện ảnh và phương pháp viết kịch bản phim điện ảnh. Kịch bản truyền hình và phương pháp viết kịch bản truyền hình.	3	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
36	Khái niệm về làm phim kỹ thuật số và kỹ xảo hình ảnh (After Effect)	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản để dựng phim, tạo chuyển động, tạo chuyển cảnh, tạo các kỹ xảo hình ảnh và âm thanh trong công tác dựng phim.	4	HKVII	40% QT, 60% KTHP
37	Kỹ thuật quay phim	Cung cấp kiến thức về máy quay phim, phương pháp, kỹ thuật quay phim, các thủ thuật xử lý ánh sáng, âm thanh trong thực tế khi tiến hành quay một đoạn phim.	4	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
38	Đề án 4 (Dự án phim có chủ đề)	Trang bị cho sinh viên các kiến thức cơ bản về ngôn ngữ phim; kiến thức nền tảng để hình thành câu chuyện phim có chủ đề; những kiến thức tổng quát về quá trình làm phim cho sinh viên chuyên ngành thiết kế Mỹ thuật đa phương tiện. Sau đó sinh viên thực hiện dựng hoàn chỉnh một đoạn phim ngắn có chủ đề.	5	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
39	Đề án tiên tốt nghiệp	Sinh viên thực hiện một cụm đề án mang tính quy mô tương đương một đề án tốt nghiệp. Nhằm luyện tập khả năng làm việc độc lập, làm việc có phương pháp, dưới sự hướng dẫn của Giảng viên, đề xuất được các hướng giải quyết đề án theo đúng chuyên môn được đào tạo để chuẩn bị cho đề án tốt nghiệp.	5	HKIX	40% QT, 60% KTHP
40	Khóa luận tốt nghiệp	Nhằm đánh giá khả năng lý luận của sinh viên khi thực hiện đề án.	5	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)
41	Đề án tốt nghiệp	Sinh viên thực hiện một cụm đề án mang tính mang tính ứng dụng và có quy mô, phù hợp với chuyên ngành đào tạo.	10	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)

***Công khai các môn học của ngành Thiết kế Nội thất**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hình họa 1	Trang bị các khái niệm cơ bản về môn Hình họa. Giúp người học hiểu được cấu trúc các vật thể trong không gian ba chiều và thể hiện chúng lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài nghiên cứu hình họa khối cơ bản, khối phức, tượng thạch cao bằng chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKI	30% QT, 70% KTHP
2	Hình họa 2	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
3	Hình họa 3	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (than, bút sắt, mực nho)	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
4	Hình họa 4	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, ký họa, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu bột màu.	3	HKIV	30% QT, 70% KTHP
5	Cơ sở tạo hình 1	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng thực vật thông qua các bài bố cục trang trí cơ bản với chất liệu bột màu.	3	HKI	30% QT, 70% KTHP
6	Cơ sở tạo hình 2	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng động vật, chân dung người thông qua chất liệu bột màu	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
7	Nguyên lý thị giác	Trang bị kiến thức cơ bản về màu sắc, các yếu tố tạo hình cơ bản. Giúp người học có kỹ năng chuyển tải các đối tượng thị giác bằng các yếu tố tạo hình cơ bản thông qua các bài thực hành trang trí bằng chất liệu bột màu.	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
8	Lịch sử Thiết kế Nội thất	Trang bị các kiến thức cơ bản như: khái niệm, các thuật ngữ chuyên môn cũng như chuyên ngành (Design/ Thiết kế; Thiết kế Nội thất/ Interior Design), lịch sử phát triển của lĩnh vực TKNT qua các thời kỳ lịch sử và văn minh của nhân loại, từ lúc khởi đầu đến ngày nay, hiểu biết, học tập, nghiên cứu và vận dụng vào chuyên ngành của mình.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
9	Thẩm mỹ công nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về thẩm mỹ công nghiệp, các xu hướng, trào lưu thẩm mỹ công nghiệp, các quy luật phát triển của thẩm mỹ công nghiệp.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
10	Khoa học lao động	Trang bị kiến thức đại cương về Ergonomi; đặc điểm sinh lý người trong lao động; Nhân trắc	2	HKII	30% QT, 70% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học, cơ sinh học Écgônômi, Các nguyên tắc Écgônômi trong thiết kế để vận dụng trong học tập và thực tiễn.			
11	Thâm nhập thực tế 1	Rèn luyện kỹ năng ký họa đa chất liệu với các nội dung chủ đề từ phong cảnh, tĩnh vật ... đến cuộc sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn nhằm làm tư liệu cho quá trình học chuyên môn.	2	HKIV	100% KTHP
12	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh, phim, giấy ảnh; cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật số, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele góc rộng). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật bóng tối và kỹ xảo, phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
13	Tin học chuyên ngành 1	Cung cấp cho sinh viên kiến thức và kỹ năng từ cơ bản đến chuyên sâu bằng việc sử dụng các phần mềm đồ họa Autocad cho việc thiết kế và thể hiện các sơ đồ, chi tiết máy liên quan đến lĩnh vực Thiết kế Nội thất. Để thực hiện các bản vẽ bằng máy tính, yêu cầu sinh viên không chỉ thuần túy sử dụng lệnh phần mềm mà phải biết phân tích bản vẽ, nắm vững phương pháp tạo hình, biểu diễn vật thể, kiến thức về tiêu chuẩn kỹ thuật thuộc lĩnh vực chuyên môn.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
14	Tin học chuyên ngành 2	Giúp cho sinh viên nắm được các kỹ năng dựng và hiệu chỉnh các đường, mặt, khối trong không gian ba chiều. Nắm được bản chất và sử dụng các loại ánh sáng, camera, kỹ thuật áp vật liệu, các phương pháp hoạt cảnh, xử lý hậu kỳ để có thể mô phỏng các công trình, thiết bị máy móc liên quan.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
15	Nguyên lý thiết kế kiến trúc nội thất	Nắm vững các nguyên tắc chung về nguyên lý thiết kế nội thất.	2	HKVI	30% QT, 70% KTHP
16	Cơ sở tạo hình kiến trúc nội thất	Trang bị những lý thuyết cơ bản tạo hình định hướng về kiến trúc, là những kiến thức ban đầu làm cơ sở cho sáng tác kiến trúc. Hiểu và cảm nhận được hình thể, không gian và trật tự. Hiểu và cảm nhận được tỷ lệ, bố cục và phối cảnh.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
17	Cấu tạo kiến trúc	Cung cấp các kiến thức cơ bản về cấu tạo chi tiết các bộ phận, thành phần trong kiến trúc – nội	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	nội thất	thất. Giúp sinh viên hiểu và chủ động trong việc thiết kế với các dạng kết cấu tham gia trong kiến trúc – nội thất.			
18	Kỹ thuật mô hình	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, khái niệm về mô hình, thiết kế mô hình, Vận dụng tư duy thẩm mỹ trong việc sử dụng vật liệu có sẵn và vật liệu tự tạo để thiết kế mô hình. Ứng dụng mô hình trong mô phỏng thu nhỏ đối tượng thiết kế hoặc ứng dụng mô hình trong việc tìm ý thiết kế nội thất.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
19	Vẽ kỹ thuật xây dựng	Cung cấp lý thuyết môn Vẽ kỹ thuật theo tiêu chuẩn xây dựng Việt Nam. Giúp sinh viên đạt được khả năng đọc, phân tích, hiểu bản vẽ và thể hiện bản vẽ theo quy định.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
20	Chiếu sáng nội thất	Tìm hiểu ý nghĩa và vai trò của ánh sáng trong cuộc sống, trong kiến trúc và trong trang trí nội thất. Vận dụng kiến thức để tính toán được giải pháp chiếu sáng trong một không gian cụ thể. Vận dụng kiến thức để tính toán được giải pháp chiếu sáng trong một không gian cụ thể.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
21	Vật liệu xây dựng	Cung cấp các kiến thức cơ bản về các loại vật liệu thường được sử dụng trong nội thất và các ứng dụng cơ bản.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
22	Đồ án Thiết kế Vật dụng Nội thất	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức, khái niệm cơ bản để thiết kế vật dụng nội thất, phân định được giá trị công năng và thẩm mỹ trên một sản phẩm vật dụng nội thất đó.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
23	Đồ án Nội thất Nhà ở	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức của học phần, - Bồi dưỡng năng lực sáng tác của sinh viên ở trình độ cao hơn. - Nâng cao khả năng tư duy tổng hợp và phân tích các mối quan hệ giữa các chức năng trong công trình.	2	HKVI	30% QT, 70% KTHP
24	Thâm nhập thực tế 2	thâm nhập thực tế để tìm hiểu ghi chép các hoạt động con người, đời sống, thiên nhiên, phong cảnh ... để làm tư liệu phục vụ học tập	2	HKVI	100% KTHP
25	Đồ án Nội thất Thương mại 1	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức của học phần. - Bồi dưỡng năng lực sáng tác của sinh viên ở trình độ cao hơn. - Nâng cao khả năng tư duy tổng hợp và phân	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVH T/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		tích các mối quan hệ giữa các chức năng trong công trình.			
26	Đồ án Nội thất Thương mại 2	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức của học phần. - Bồi dưỡng năng lực sáng tác của sinh viên ở trình độ cao hơn. - Nâng cao khả năng tư duy tổng hợp và phân tích các mối quan hệ giữa các chức năng trong công trình.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
27	Đồ án Nội thất Văn phòng Công sở	- Cung cấp cho sinh viên những kiến thức của học phần. - Bồi dưỡng năng lực sáng tác của sinh viên ở trình độ cao hơn. - Nâng cao khả năng tư duy tổng hợp và phân tích các mối quan hệ giữa các chức năng trong công trình.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
28	Thâm nhập thực tế 3 (dành cho sinh viên năm 4)	Sinh viên thực tập tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham gia nghiên cứu, thực tế, thực hành theo từng chủ đề do sinh viên tự chọn	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP
29	Nhập môn Marketing	Cung cấp những kiến thức căn bản về các nguyên lý Marketing và việc vận dụng vào thực tiễn kinh doanh	2	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
30	Hình họa 7	Nâng cao phương pháp và hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng chất liệu sơn dầu	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP
31	Thiết kế nội thất công trình giáo dục	Giới thiệu các thể loại không gian trường học Trang bị kiến thức về các quy luật tổ chức không gian nội thất và hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất công trình trường học.	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP
32	Thiết kế nội thất CT thương mại 2 (showroom,...)	Giới thiệu các thể loại không gian thương mại và các quy luật tổ chức không gian nội thất thuộc lĩnh vực trung bày, giới thiệu, bán sản phẩm và thể loại không gian văn phòng công sở. Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất công trình thương mại thuộc lĩnh vực trung bày, giới thiệu, bán sản phẩm và thể loại không gian văn phòng công sở.	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP
33	Thiết kế nội thất	Giới thiệu các thể loại công trình văn hóa và các quy luật tổ chức không gian nội thất công trình	5	HKVIII	40% QT, 60% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
	CT văn hóa 1 (nhà hát, rạp chiếu phim, thư viện...)	văn hóa: Nhà hát, Thư viện, Rạp chiếu phim, câu lạc bộ. Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất các công trình văn hóa nói trên.			
34	Thiết kế nội thất CT văn hóa 2 (bảo tàng)	Giới thiệu các thể loại bảo tàng. Trang bị kiến thức về các quy luật tổ chức không gian nội thất công trình bảo tàng. Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất bảo tàng.	5	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
35	Thâm nhập thực tế 4 (dành cho sinh viên năm 5)	Sinh viên tự chọn địa điểm thực tế, thực tập để phục vụ cho đồ án tốt nghiệp	6	HKIX	100% KTHP
36	Đồ án tiền tốt nghiệp	Giới thiệu các công trình công cộng tổng hợp. Hướng dẫn người học sáng tác và thể hiện đồ án thiết kế nội thất công trình tổng hợp như: Khách sạn, Resort, Bảo tàng, Nhà hát, ...nhằm định hướng cho đồ án tốt nghiệp.	5	HKIX	40% QT, 60% KTHP
37	Khóa luận tốt nghiệp	Hướng dẫn người học nghiên cứu khoa học, tư duy lý luận, sáng tác một đồ án thiết kế nội thất và trình bày khóa luận tốt nghiệp.	5	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)
38	Đồ án tốt nghiệp	Hướng dẫn người học sáng tác một đồ án thiết kế nội thất các công trình tổng hợp, nhằm đánh giá năng lực sáng tác thiết kế nội thất của người học để công nhân trình độ cử nhân.	10	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)

*** Công khai các môn học của ngành Thiết kế Thời trang**

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
1	Hình họa 1	Trang bị các khái niệm cơ bản về môn Hình họa. Giúp người học hiểu được cấu trúc các vật thể trong không gian ba chiều và thể hiện chúng lên mặt phẳng hai chiều thông qua các bài nghiên cứu hình họa khối cơ bản, khối phức, tượng thạch cao bằng chất liệu đen trắng (bút chì)	3	HKI	30% QT, 70% KTHP
2	Hình họa 2	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông	3	HKII	30% QT, 70% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		qua chất liệu đen trắng (bút chì)			
3	Hình họa 3	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người thông qua chất liệu đen trắng (than, bút sắt, mực nho)	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
4	Hình họa 4	Trang bị kiến thức và phương pháp nghiên cứu hình họa mẫu người, ký họa, tĩnh vật, phong cảnh thông qua chất liệu bột màu.	3	HKIV	30% QT, 70% KTHP
5	Cơ sở tạo hình 1	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng thực vật thông qua các bài bố cục trang trí cơ bản với chất liệu bột màu.	3	HKI	30% QT, 70% KTHP
6	Cơ sở tạo hình 2	Trang bị các khái niệm cơ bản và về trang trí, các nguyên tắc và bố cục trang trí trên diện phẳng. Hướng dẫn phương pháp ghi chép và cách điệu các đối tượng động vật, chân dung người thông qua chất liệu bột màu	3	HKII	30% QT, 70% KTHP
7	Nguyên lý thị giác	Trang bị kiến thức cơ bản về màu sắc, các yếu tố tạo hình cơ bản. Giúp người học có kỹ năng chuyển tải các đối tượng thị giác bằng các yếu tố tạo hình cơ bản thông qua các bài thực hành trang trí bằng chất liệu bột màu.	3	HKIII	30% QT, 70% KTHP
8	Lịch sử Thiết kế Nội thất	Trang bị các kiến thức cơ bản như: khái niệm, các thuật ngữ chuyên môn cũng như chuyên ngành (Design/ Thiết kế; Thiết kế Nội thất/ Interior Design), lịch sử phát triển của lĩnh vực TKNT qua các thời kỳ lịch sử và văn minh của nhân loại, từ lúc khởi đầu đến ngày nay, hiểu biết, học tập, nghiên cứu và vận dụng vào chuyên ngành của mình.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
9	Thẩm mỹ công nghiệp	Trang bị kiến thức cơ bản về thẩm mỹ công nghiệp, các xu hướng, trào lưu thẩm mỹ công nghiệp, các quy luật phát triển của thẩm mỹ công nghiệp.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
10	Khoa học lao động	Trang bị kiến thức đại cương về Écgonômi; đặc điểm sinh lý người trong lao động; Nhân trắc học, cơ sinh	2	HKII	30% QT, 70% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		học Écgônômi, Các nguyên tắc Écgônômi trong thiết kế để vận dụng trong học tập và thực tiễn.			
11	Thâm nhập thực tế 1 (dành cho sinh viên năm 2)	Rèn luyện kỹ năng ký họa đa chất liệu với các nội dung chủ đề từ phong cảnh, tĩnh vật ...đến cuộc sống sinh hoạt của người dân trên địa bàn nhằm làm tư liệu cho quá trình học chuyên môn.	2	HKIV	100% KTHP
12	Kỹ thuật nhiếp ảnh số	Trang bị cho sinh viên nguyên lý chung của máy ảnh, phim, giấy ảnh; cấu tạo của máy ảnh cơ, kỹ thuật số, các loại ống kính và tính năng của chúng (ống kính Normal, tele góc rộng). Từ đó sinh viên nắm được kỹ thuật chụp ảnh, kỹ thuật bóng tối và kỹ xảo, phương pháp sử dụng ảnh màu và đen trắng trong đồ họa quảng cáo.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
13	Tin học chuyên ngành 2	Cung cấp cho sinh viên các khái niệm về đồ họa bitmap – rèn luyện cho sinh viên sử dụng phần mềm Adobe Photoshop một cách bài bản, thành thạo các công cụ để xử lý hình ảnh, thiết kế giao diện trang web và các sản phẩm in ấn như Poster, Brochure, Catalogue, tạo các hình ảnh nghệ thuật,...ngoài ra sinh viên sử dụng phần mềm photoshop để hỗ trợ cho việc tạo ra các sản phẩm truyền thông đa phương tiện.	2	HKIV	30% QT, 70% KTHP
14	Các nguyên lý thiết kế thời trang	Cung cấp những nguyên lý thiết kế thời trang giúp cho sinh viên nắm vững những nguyên tắc phát triển ý tưởng thiết kế, phát huy những ý tưởng sáng tạo. Những kiến thức cơ bản về thiết kế thời trang còn hỗ trợ cho sinh viên truyền tải từ những sáng tạo mang tính nghệ thuật trình diễn thời trang sang những thiết kế mang tính ứng dụng trong công nghiệp may mặc.	3	HKIV	30% QT, 70% KTHP
15	Nguyên phụ liệu ngành may	Cung cấp những kiến thức cơ bản về nguyên phụ liệu sử dụng trong may mặc, giúp sinh viên nắm được quy trình và cách thức trong việc xử lý	2	HKVI	30% QT, 70% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		nguyên phụ liệu nhằm hỗ trợ cho việc thực hiện và hoàn thiện mẫu thật một cách tốt nhất.			
16	Kỹ thuật cắt may	Cung cấp kiến thức cắt may cơ bản cho sinh viên, phương pháp lấy số đo và những công thức may các dạng áo sơ mi, quần âu, váy đầm, áo dài,... Dựa vào những công thức may mặc căn bản này, sinh viên có thể điều chỉnh, thiết kế tương ứng với mẫu phác thảo của BST, tự tay hoàn thiện sản phẩm thiết kế của mình phục vụ cho những đồ án tiếp theo ,ứng dụng trong ngành học cũng như công việc sau này.	3	HKIV	30% QT, 70% KTHP
17	Nghệ thuật trang điểm	Nghệ thuật trang điểm là môn học giúp sinh viên hoàn thiện ý tưởng của mình, làm tăng giá trị thẩm mỹ, tính ấn tượng và hoàn chỉnh cho BST thiết kế thời trang, nắm bắt được những xu hướng thẩm mỹ mới và có khả năng tư vấn cho khách hàng khi bước vào môi trường làm việc.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
18	Thiết kế trang phục Truyền thống	Giúp cho sinh viên hiểu về khái niệm trang phục truyền thống và những quy tắc trong việc thiết kế trang phục truyền thống, qua đó nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu liên quan đến thiết kế trang phục truyền thống trong và ngoài nước, phân biệt được nét văn hoá đặc trưng trong trang phục mang đậm bản sắc dân tộc của mỗi quốc gia trên thế giới.	2	HKV	30% QT, 70% KTHP
19	Thâm nhập thực tế 2 (dành cho sinh viên năm 3)	Thâm nhập thực tế để tìm hiểu ghi chép các hoạt động con người, đời sống, thiên nhiên, phong cảnh ...để làm tư liệu phục vụ học tập	2	HKV	100% KTHP
20	Thiết kế trang phục Trẻ em	Giúp sinh viên hiểu về khái niệm trang phục trẻ em và những quy tắc trong việc thiết kế trang phục trẻ em, qua đó hiểu rõ sự khác nhau trong quy cách giữa thiết kế trang phục trẻ em với người lớn, biết được nhu cầu của thị trường để có nhiều sự lựa chọn trong phạm vi thiết kế khi bước vào môi	2	HKV	30% QT, 70% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		trường làm việc.			
21	Kỹ thuật rập 3D	Rập 3D là học phần nâng cao kỹ thuật cắt may (rập 2D) của sinh viên, bổ sung các phương pháp tạo form, coupe, ly, khối,..để sinh viên có thể tự thực hiện được các mẫu thật và tạo form theo đúng ý đồ của BST.	3	HKV	30% QT, 70% KTHP
22	Thiết kế trang phục Đạo phố	Trang bị kiến thức về trang phục đạo phố và những đặc thù thẩm mỹ trong việc thiết kế trang phục đạo phố, nắm bắt và phân loại được phong cách thiết kế đa dạng cho từng nhóm đối tượng khách hàng, tạo thói quen nghiên cứu xu hướng thời trang thế giới để ứng dụng vào công việc thiết kế từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
23	Thiết kế trang phục Công sở	Trang bị kiến thức về trang phục công sở cũng như tầm quan trọng của trang phục công sở, để qua đó nắm được những quy tắc chung trong việc thiết kế và nhận biết được các loại chất liệu chuyên dùng thích hợp nhất cho trang phục công sở từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
24	Thiết kế trang phục người đặc biệt	Trang bị kiến thức về các dáng người đặc biệt và các nguyên tắc trong việc khắc phục các dáng người đặc biệt , giúp cho người sinh viên mỹ thuật làm quen với việc tư vấn thiết kế trang phục cho khách hàng, rèn luyện kỹ năng vẽ tay trên các chất liệu thời trang, kỹ năng cắt may trang phục có tính thẩm mỹ cao	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
25	Thiết kế trang phục Cưới	Giúp sinh viên hiểu về khái niệm trang phục cưới.Học phần giúp sinh viên có thêm kinh nghiệm cọ xát với những phương thức xử lý chất liệu, kỹ thuật tạo khối mới lạ nhằm tạo hiệu ứng cho trang phục cưới, cách make up sao cho phù hợp với trang phục cưới.	3	HKVI	30% QT, 70% KTHP
26	Hình hoạ 7	Nâng cao phương pháp và hoàn thiện kỹ thuật nghiên cứu hình họa mẫu người đôi, kết hợp đồ dùng vật dụng, tranh phong cảnh, tranh tĩnh vật bằng	5	HKVII	40% QT, 60% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		chất liệu sơn dầu			
27	Thâm nhập thực tế 3	Sinh viên thực tập tại các địa điểm liên quan đến những hoạt động ngành nghề gần với chuyên ngành đang theo học như: các Công ty xí nghiệp sản xuất kinh doanh, các công ty thiết kế, các làng nghề.....để tham gia nghiên cứu, thực tế, thực hành theo từng chủ đề do sinh viên tự chọn	5	HKVII	100% KTHP
28	Thiết kế trang phục Đạo phồ	Trang bị kiến thức về trang phục đạo phồ và những đặc thù thẩm mỹ trong việc thiết kế trang phục đạo phồ, nắm bắt và phân loại được phong cách thiết kế đa dạng cho từng nhóm đối tượng khách hàng, tạo thói quen nghiên cứu xu hướng thời trang thế giới để ứng dụng vào công việc thiết kế từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HKVII	40% QT, 60% KTHP
29	Thiết kế trang phục Công sở	Trang bị kiến thức về trang phục công sở cũng như tầm quan trọng của trang phục công sở, để qua đó nắm được những quy tắc chung trong việc thiết kế và nhận biết được các loại chất liệu chuyên dùng thích hợp nhất cho trang phục công sở từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	4	HKVII	40% QT, 60% KTHP
30	Thiết kế trang phục Đồng phục	Trang bị kiến thức về trang phục đồng phục và những quy tắc trong việc thiết kế đồng phục, qua đó nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu liên quan đến thiết kế đồng phục, phân biệt được đồng phục công sở với các loại trang phục công sở khác và hiểu về cát may theo size cho tập thể đồng người từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HKVII	40% QT, 60% KTHP
31	Thiết kế trang phục trong nhà	Trang bị kiến thức về trang phục trong nhà và những quy tắc trong việc thiết kế trang phục trong nhà, qua đó nắm vững kiến thức và kỹ năng chuyên sâu liên quan đến mảng trang phục này từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HKVII	40% QT, 60% KTHP
32	Thiết kế trang phục Lễ Hội	Trang bị kiến thức về trang phục lễ hội và những kiến thức trong việc thiết kế trang phục của các lễ hội trong và	4	HKVIII	40% QT, 60% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
		ngoài nước, nắm rõ được những hiểu biết về yếu tố văn hóa và thẩm mỹ của dân tộc và thế giới, giúp SV thể hiện được sự bay bổng và tính chất biểu diễn từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.			
33	Thiết kế TP cho người đặc biệt	Trang bị kiến thức về các dáng người đặc biệt và các nguyên tắc trong việc khắc phục các dáng người đặc biệt, giúp cho người sinh viên mỹ thuật làm quen với việc tư vấn thiết kế trang phục cho khách hàng, rèn luyện kỹ năng vẽ tay trên các chất liệu thời trang, kỹ năng cắt may trang phục có tính thẩm mỹ cao	3	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
34	Thiết kế trang phục Trình diễn	Trang bị kiến thức về trang phục trình diễn, thoát ra khỏi tính ứng dụng thực tế của các thể loại trang phục khác để thể hiện cái tôi và phong cách thiết kế. Học phần giúp SV có thêm kinh nghiệm cọ xát với những phương thức xử lý chất liệu, kỹ thuật tạo khối mới lạ nhằm tạo hiệu ứng mạnh cho trang phục từ bản vẽ đến thực hiện sản phẩm thật.	3	HKVIII	40% QT, 60% KTHP
35	Thiết kế trang phục tổng hợp	Là học phần làm bước đệm cho đồ án Tiên tốt nghiệp thời trang, giúp SV nắm chắc phần nghiên cứu đề tài, tập hợp các hình ảnh liên quan, các lập luận bảo vệ ý tưởng, triển khai phương án thiết kế và mẫu phác thảo sao cho triệt để và bám sát đề tài nhất, cùng với các giải pháp thực hiện màu sắc, chất liệu, kiểu dáng của mẫu thật để giải quyết vấn đề.	4	HKIX	40% QT, 60% KTHP
36	Đồ án tiên tốt nghiệp	Là học phần quan trọng giúp SV nắm chắc phần nghiên cứu đề tài, tập hợp các hình ảnh liên quan, các lập luận bảo vệ ý tưởng, triển khai phương án thiết kế và mẫu phác thảo sao cho triệt để và bám sát đề tài nhất, cùng với các giải pháp thực hiện màu sắc, chất liệu, kiểu dáng của mẫu thật để giải quyết vấn đề.	5	HKIX	40% QT, 60% KTHP

STT	Tên môn học	Mục đích môn học	Số ĐVHT/TC	Lịch trình giảng dạy	Phương pháp đánh giá sinh viên
37	Khóa luận tốt nghiệp	Nhằm đánh giá khả năng lý luận của sinh viên khi thực hiện đồ án.	5	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)
38	Đồ án tốt nghiệp	Học phần bao quát nhất về nghiên cứu đề tài, tập hợp các hình ảnh liên quan, các lập luận bảo vệ ý tưởng, triển khai phương án thiết kế và mẫu phác thảo trong BST của mình sao cho triệt để và bám sát đề tài nhất, cùng với các giải pháp màu sắc, chất liệu, kiểu dáng để thực hiện BST các mẫu thật.	10	HKX	TBC ĐIỂM HỘI ĐỒNG (100% KTHP)

Công khai thông tin về đồ án, khóa luận, luận văn, luận án tốt nghiệp

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
1	Đại học	Thiết kế, minh họa tiểu thuyết linh dị “quái đàm nam kinh” của tác giả bình sơn quân (trung quốc)	Nguyễn Châu Á	TS. Võ Quang Phát	
2	Đại học	Thiết kế, minh họa tiểu thuyết "cô nàng cửa hàng tiện ích" của tác giả murata sayaka	Nguyễn Thị Ngọc Anh	ThS. GVC Trần Thanh Bình	
3	Đại học	Thiết kế, minh họa tiểu thuyết "Lĩnh Nam Có Đồi Thầy Trò" của tác giả Đồng Miên	Nguyễn Đoàn Bảo Châu	TS. Võ Quang Phát	
4	Đại học	Thiết kế Tạp chí ẩm thực Quảng Nam tên Vị Quảng	Nguyễn Doanh Doanh	TS. Nguyễn Thiện Đức	
5	Đại học	Thiết kế sách ảnh giới thiệu kiến trúc Cung An Định Huế	Nguyễn Văn Trung Hiếu	TS. Võ Quang Phát	
6	Đại học	Thiết kế cụm đồ họa nhận diện thương hiệu thời trang "NOVA"	Nguyễn Khánh Hoài	ThS. Hoàng Minh Tuyên	
7	Đại học	Thiết kế cụm đồ họa nhận diện thương hiệu trầm hương tân quý	Trần Đăng Kỳ	TS. Nguyễn Thiện Đức	
8	Đại học	Thiết kế và minh họa hệ ấn phẩm sách Lĩnh Nam Chích Quái	Lê Duy Quốc Khánh	TS. Võ Quang Phát	
9	Đại học	Thiết kế bộ tem bưu chính họa tiết trên cửa Chương Đức - Đại Nội Huế	Dương Ngọc Lệ	ThS. Võ Quang Trung	
10	Đại học	Thiết kế cụm đồ họa quảng bá cho sự kiện "Concert: Show It All - Tân Bình Toàn Năng"	Hồ Khánh Minh	TS. Nguyễn Thiện Đức	
11	Đại học	Thiết kế bao bì nền thơm thương hiệu giả định 'Lặng'	Nguyễn Thị Trà My	ThS. Võ Quang Trung	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
12	Đại học	Thiết kế, minh họa tiểu thuyết "Dưới cánh đại bàng" của tác giả Hoàng Yến	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	ThS. Võ Quang Trung	
13	Đại học	Thiết kế, minh họa tiểu thuyết " Ngủ Cùng Người Chết " của tác giả Thảo Trang	Nguyễn Đoàn Bảo Ngọc	TS. Võ Quang Phát	
14	Đại học	Thiết kế bộ lịch giới thiệu về nhạc cụ nhã nhạc cung đình Huế	Phạm Thị Hồng Ngọc	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
15	Đại học	Thiết kế truyện tranh "Bức tranh chưa hoàn thiện"	Nguyễn Văn Nguyên	ThS. GVC Trần Thanh Bình	
16	Đại học	Thiết kế bao bì thực phẩm Lương Khô cho thương hiệu "Vạn Lộ"	Trần Ngọc Linh Nha	TS. Võ Quang Phát	
17	Đại học	Thiết kế bộ bao bì sản phẩm đựng màu cho thương hiệu SIAO	Hà Minh Quý	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
18	Đại học	Thiết kế bao bì sản phẩm quà tặng cho thương hiệu Ngự Tích quảng bá Di sản Huế	Trần Hoàng Minh Thư	TS. Nguyễn Thiện Đức	
19	Đại học	Thiết kế bộ bao bì 3 trò chơi Việt Nam "VIỆT HÍ"	Trương Thị Diễm Quỳnh	TS. Võ Quang Phát	
20	Đại học	Thiết kế bộ nhận diện nhà hàng nhật bản "KIZUNA"	Trần Quốc Tuấn	TS. Võ Quang Phát	
21	Đại học	Thiết kế truyện tranh " Án sát kỳ hồ"	Trần Duy Thành	ThS. GVC Trần Thanh Bình	
22	Đại học	Thiết kế cụm đồ họa nhận diện thương hiệu bánh Cung Đình : Ngọc Bính	Tôn Nữ Khánh Thư	TS. Nguyễn Thiện Đức	
23	Đại học	Thiết kế bao bì cho thương hiệu mỹ phẩm "Sweeties"	Trần Thị Thảo Vân	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
24	Đại học	Thiết kế, minh họa tiểu thuyết "Tuổi thơ dữ dội" của tác giả Phùng Quán.	Lương Đăng Tường Vi	ThS. Võ Quang Trung	
25	Đại học	Thiết kế bộ bao bì cho thương hiệu phân nụ "Ngự Sắc"	Đặng Thị Như Ý	ThS. Võ Quang Trung	
26	Đại học	Thiết kế website Bảo tàng cổ vật cung đình Huế	Đoàn Thị Hoài Anh	TS. Nguyễn Thiện Đức	
27	Đại học		Phạm Ngọc Quỳnh Anh	ThS. Lê Bá Cang	
28	Đại học	Thiết kế TVC thương hiệu nước ép đóng lon GUOZHI	Nguyễn Phan Ngọc Hạnh	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
29	Đại học	Thiết kế TVC thương hiệu bánh ngũ sắc	Nguyễn Thị Hồng Hạnh	TS. Nguyễn Thiện Đức	
30	Đại học	Phim quảng bá Du lịch "Bản đồ	Châu Quốc Hưng	ThS. Lê Bá	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		của đá"		Cang	
31	Đại học	Phim hoạt hình: "Bức tranh màu xám"	Hồ Văn Anh Kiệt	ThS. Lê Bá Cang	
32	Đại học	THIẾT KẾ TVC NHANG TRÀM	Nguyễn Thị Minh Huyền	ThS. Lê Bá Cang	
33	Đại học	Phim hoạt hình: "Lòng tham"	Trương Hữu Phúc	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
34	Đại học	Phim hoạt hình: "Bước đi"	Võ Quốc Đạt	TS. Nguyễn Thiên Đức	
35	Đại học	Phim hoạt hình : Trung thu gắn kết	Nguyễn Ngọc Bảo Ngân	TS. Nguyễn Thiên Đức	
36	Đại học	Thiết kế hình hiệu cho chương trình thể giới động vật, chủ đề: "Nhà của tớ ở đâu ?"	Nguyễn Phan Thảo Ngân	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
37	Đại học	THIẾT KẾ PHIM QUẢNG BÁ "DÒNG CHẢY NGHỆ THUẬT"	Lê Văn Nghĩa	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
38	Đại học	Thiết kế truyện tranh chuyên động: "Chuyến đò qua biển lửa"	Nguyễn Hải Phúc	ThS. Lê Bá Cang	
39	Đại học	Thiết kế đồ họa game "Town of Fairy Tales"	Lê Nguyễn Nhật Quỳnh	ThS. Lê Bá Cang	
40	Đại học	Hoạt hình "Cây tre trăm đốt"	Trần Thị Diễm Thúy	ThS. Lê Bá Cang	
41	Đại học	Thiết kế phim hoạt hình "Mùa trung thu kỳ diệu"	Phạm Thị Anh Ngọc	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
42	Đại học	Thiết kế Website Quảng bá văn hóa và sản phẩm của làng hoa giấy Thanh Tiên	Hồ Trần Thị Minh Nguyệt	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
43	Đại học	Thiết kế phim quảng bá "dòng chảy nghệ thuật"	Lê Thiên Thọ	TS. Nguyễn Thiên Đức	
44	Đại học	Thiết kế nội thất khu nghỉ dưỡng aloha tropical resort (phường thuận an)	Nguyễn Hồng Ân	ThS. Đỗ Quang Trung	
45	Đại học	Thiết kế Nội thất không gian Spa "The Veda Retreat" tại Thành phố Huế	Tôn Nữ Thùy Dương	ThS. Đồng Thị Mỹ Hiệp	
46	Đại học	Thiết Kế Nội Thất Biệt Thự "Hương Ngự Lâm" tại Hương Long, TP Huế	Lê Văn Minh Đức	ThS. Đỗ Quang Trung	
47	Đại học	Thiết Kế Nội Thất Biệt Thự "velora villa" tại đường Huyền Trân Công Chúa/Hoài Thanh, TP Huế	Bùi Thị Diệu Hằng	ThS. Đỗ Quang Trung	
48	Đại học	Thiết kế Nội thất " AURA" Resort tại Lăng Cô - Tp. Huế	Phan Thị Quỳnh	ThS. Phan Quang Tân	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
49	Đại học	Thiết Kế Nội Thất Khách Sạn "THE VERDENT" Thành phố Huế.	Trần Hoàng Anh Thư	ThS. Đồng Thị Mỹ Hiệp	
50	Đại học	Thiết Kế Nội Thất Nhà Hàng Huế "IMPERIAL", Thành Phố Huế	Hồ Đắc Thi	ThS. Phan Quang Tân	
51	Đại học	Thiết kế BST "Hồn Việt 21" Lấy cảm hứng từ hoa văn thực vật triều Nguyễn (Hoa lá hóa rồng)	Huỳnh Lê Khải Hoàn	ThS. Vĩnh Khiêm	
52	Đại học	Thiết kế BST "Mai Khảm" lấy cảm hứng từ Hình tượng hoa mai trong nghệ thuật khảm xà cừ ở Huế	Huỳnh Thị Bảo Vy	ThS. Vĩnh Khiêm	
53	Đại học	Thiết kế BST "Họa Ngọc Lam" lấy cảm hứng từ hoa văn thực vật triều Nguyễn	Phạm Hoàng Như Ý	ThS. Vĩnh Khiêm	
54	Đại học	Thiết kế BST "HARMONY" Lấy cảm hứng từ hình tượng Chim Bò Câu Trắng kết hợp màu sắc Ngũ Hành	Nguyễn Thị Diễm	ThS. Phạm Thị Thủy Hằng	
55	Đại học	Thiết kế và minh họa truyện "Phù thủy xứ Oz"	Nguyễn Châu Thanh Bình	TS. Võ Quang Phát	
56	Đại học	Thiết kế cụm nhận diện thương hiệu Rươi Kơ - nia	Ngô Thùy Dung	TS. Võ Quang Phát	
57	Đại học	Thiết kế, minh họa truyện "James và quả đào khổng lồ" của tác giả Roald Dahl	Ngô Ngọc Khánh Hà	TS. Võ Quang Phát	
58	Đại học	Thiết kế, minh họa truyện ' Mị Châu - Trọng Thủy'	Bùi Việt Hoàng	ThS. GVC Trần Thanh Bình	
59	Đại học	Thiết kế, minh họa tiểu thuyết "Alice ở xứ sở trong gương"	Hoàng Bảo Khanh	TS. Võ Quang Phát	
60	Đại học	Thiết kế và minh họa tiểu thuyết " Ông già và biển cả "	Lê Văn Minh	ThS. Võ Quang Trung	
61	Đại học	Thiết kế cụm đồ họa nhận diện thương hiệu thời trang lavie	Lê Thị Thanh Nga	TS. Võ Quang Phát	
62	Đại học	Thiết kế bao bì cho hãng trái cây sấy tropigo	Nguyễn Thị Yến Nhi	ThS. Võ Quang Trung	
63	Đại học	Thiết kế, minh họa truyện "Cho Tôi Xin Một Vé Đi Tuổi Thơ" của tác giả "Nguyễn Nhật Ánh"	Tôn Nữ Nhã Phương	TS. Nguyễn Thiện Đức	
64	Đại học	Thiết kế, minh họa lịch sử Việt Nam “ Hào Khí Đông A - Trận chiến chống quân Mông Nguyên lần 3 “.	Trần Phước Quân	ThS. GVC Trần Thanh Bình	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
65	Đại học	Thiết kế, minh họa truyện " Những người vay mượn tí hon " của tác giả Mary Norton	Nguyễn Khánh Quyên	TS. Nguyễn Thiện Đức	
66	Đại học	Thiết kế, minh họa cho tiểu thuyết "địa mộ" trong bộ tiểu thuyết " thầy tàu ly kì truyện" của tác giả trường lê	Lê Viết Trí Tâm	ThS. GVC Trần Thanh Bình	
67	Đại học	Thiết kế nhận diện thương hiệu cho tổ chức Bemind Care	Nguyễn Thị Hoài Thanh	TS. Võ Quang Phát	
68	Đại học	Thiết kế, minh họa truyện "Bụi sao" của tác giả Neil Gaiman	Nguyễn Thị Ngọc Thảo	TS. Võ Quang Phát	
69	Đại học	Thiết kế truyện tranh "Hoàng tử Hạnh Phúc" của tác giả Oscar Wilde	Trần Hồng Thanh Trúc	ThS. Võ Quang Trung	
70	Đại học	Thiết kế, minh họa tiểu thuyết "Quái Đàm - chuyện yêu quái và dị trùng Nhật Bản" - Lafcadio Hearn	Nguyễn Hoàng Minh Tú	ThS. Võ Quang Trung	
71	Đại học	Thiết kế, minh họa tiểu thuyết "Tiếng gọi nơi hoang dã"-Jack London	Nguyễn Văn Vũ	TS. Võ Quang Phát	
72	Đại học	Thiết kế, minh họa tiểu thuyết "Cánh đồng bất tận" - Nguyễn Ngọc Tư	Hồ Lê Ngọc Vy	TS. Võ Quang Phát	
73	Đại học	Thiết kế, minh họa picture book "The Red Tree" của tác giả Shaun Tan	Trương Thị Thanh Xuân	TS. Võ Quang Phát	
74	Đại học	Thiết kế, minh họa tiểu thuyết " Bóng chiều An Định" (Dựa trên tiểu thuyết " Tình sử Nam Phương Hoàng hậu" của tác giả Trần Thị Hảo)	Võ Thị Như Ý	TS. Nguyễn Thiện Đức	
75	Đại học	Thiết kế website cho tổ chức GreenCircle	Đoàn Đỗ Bảo An	ThS. Lê Bá Cang	
76	Đại học	Phim hoạt hình "Cậu bé chăn cừu"	Hoàng Diệp Anh	TS. Nguyễn Thiện Đức	
77	Đại học	Phim hoạt hình "Tình Mẹ"	Nguyễn Lê Ngọc Anh	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
78	Đại học	Thiết kế đồ họa game "Reclaim"	Trần Ngọc Lan Anh	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
79	Đại học	Phim hoạt hình " Chặng thư cuối cùng"	Phạm Nguyễn Hồng Diễm	TS. Nguyễn Thiện Đức	
80	Đại học	Phim hoạt hình "Tiếng Trống Chầu"	Trần Nguyễn Hy Giang	TS. Nguyễn Thiện Đức	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
81	Đại học	Phim ngắn " Trước đèn xanh "	Lê Văn Hiền	TS. Nguyễn Thiện Đức	
82	Đại học	Thiết kế webstie nội thất Anhaus	Phan Văn Hoài	ThS. Hoàng Minh Tuyến	
83	Đại học	Phim ngắn "Giữ Lửa"	Phan Sông Hương	ThS. Hoàng Minh Tuyến	
84	Đại học	Thiết kế phim quảng cáo "Tương ốt De Mete"	Nguyễn Phước Vĩnh Khang	TS. Nguyễn Thiện Đức	
85	Đại học	Thiết kế TVC phụ kiện thể thao 'STARACING'	Nguyễn Duy Bách Khoa	TS. Nguyễn Thiện Đức	
86	Đại học	Phim hoạt hình "phi vụ cuộn len"	Nguyễn Phước Nhã Khuê	TS. Nguyễn Thiện Đức	
87	Đại học	Phim hoạt hình 2D "Hơi thở của rừng"	Hoàng Hương Ngọc Lan	ThS. Hoàng Minh Tuyến	
88	Đại học	Thiết kế website thương hiệu cafe Ân Diệp	Lê Thùy Linh	ThS. Lê Bá Cang	
89	Đại học	Phim hoạt hình "Phép thử"	Trần Diệu Linh	ThS. Hoàng Minh Tuyến	
90	Đại học	Phim quảng bá di sản "Văn thức Phú Xuân"	Trần Bình Minh	ThS. Lê Bá Cang	
91	Đại học	Thiết kế đồ họa game " Người trông trẻ"	Nguyễn Thị Hồng Ngọc	ThS. Lê Bá Cang	
92	Đại học	Thiết kế website du lịch Huế Charm	Nguyễn Thanh Nguyên	TS. Nguyễn Thiện Đức	
93	Đại học	Thiết kế đồ họa game "Mâm Cỗ Du Ký"	Phạm Trần Thảo Nguyên	TS. Nguyễn Thiện Đức	
94	Đại học	Thiết kế website quảng bá văn hoá du lịch và di sản văn hoá thành phố Huế cho công ty lữ hành hoàng thành	Triệu Quang Nhân	ThS. Lê Bá Cang	
95	Đại học	Thiết kế đồ họa game "Mã tốc"	Bùi Thị Ý Nhi	ThS. Lê Bá Cang	
96	Đại học	Phim ngắn "Hương Tới Mặt Trời"	Lê Bá Đông Phương	ThS. Lê Bá Cang	
97	Đại học	Phim ngắn "Phía Sau Giai Điệu"	Võ Anh Quân	ThS. Lê Bá Cang	
98	Đại học	Thiết kế phim hoạt hình 2D "Tiếng còi đất"	Doãn Đức Quý	ThS. Lê Bá Cang	
99	Đại học	Phim hoạt hình "Hơi Ấm Truyền Tay"	Nguyễn Trần Nhân Quý	TS. Nguyễn Thiện Đức	
100	Đại học	Thiết kế đồ họa game "Linh Ấn"	Phạm Ngọc Anh Thư	TS. Nguyễn Thiện Đức	
101	Đại học	Phim hoạt hình 2D "Nàng Tiên Ống Trè"	Nguyễn Xuân Dạ Thy	ThS. Hoàng Minh Tuyến	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
102	Đại học	Phim hoạt hình 2d " Cậu và Cháu "	Võ Minh Trí	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
103	Đại học	Thiết kế phim hoạt hình 2D "My Châu Trọng Thủy"	Nguyễn Thị Ánh Tuyết	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
104	Đại học	Phim hoạt hình 2D "Túi gạo của mẹ"	Lê Khánh Uyên	TS. Nguyễn Thiên Đức	
105	Đại học	Phim quảng bá di sản "Làng nghề Hoa Giấy Thanh Tiên"	Nguyễn Thị Thanh Vân	ThS. Hoàng Minh Tuyền	
106	Đại học	Thiết kế phim hoạt hình 2D "Jacky"	Nguyễn Đức Dũng Vũ	ThS. Lê Bá Cang	
107	Đại học	Thiết kế nội thất nhà hàng Thái "Thaiya" tại Quảng Trị	Nguyễn Khánh Huyền	ThS. Phan Quang Tân	
108	Đại học	Thiết kế nội thất nhà hàng Trung hoa " Phúc Lâm Quán" tại thành phố Huế	Nguyễn Thị Bảo Ngọc	ThS. Phan Quang Tân	
109	Đại học	Thiết kế nội thất Spa "Hue Royal Spa" tại thành phố Huế	Trần Thị Tuyết Nhi	ThS. Đỗ Quang Trung	
110	Đại học	Thiết kế nội thất showroom 'Lumiere Bridal' tại thành phố Huế	Hồ Thị Phương Như	ThS. Đồng Thị Mỹ Hiệp	
111	Đại học	Thiết kế nội thất nhà hàng chay " Phước Tích" tại Phong Điền, TP Huế	Nguyễn Thị Thu Quyên	ThS. Đồng Thị Mỹ Hiệp	
112	Đại học	Thiết kế BST "Hồn Chằm Toi" lấy ý tưởng từ nghề chằm toi truyền thống của Việt Nam	Nguyễn Minh Đức	TS. Vũ Huyền Trang	
113	Đại học	Thiết kế BST "Long Tinh Khởi" Lấy ý tưởng từ hình tượng Rồng thời Nguyễn	Phạm Thị Kiều My	ThS. Phạm Thị Thủy Hằng	
114	Đại học	Thiết kế BST "Vũ Hoá" Lấy ý tưởng từ quá trình phá kén hoá bướm CoThiết mmon Crow (Euploea Core)	Đồng Ngọc Minh Phương	ThS. Phạm Thị Thủy Hằng	
115	Đại học	Thiết kế BST "Nemophilist" Lấy ý tưởng từ vẻ đẹp hoang sơ của thảm thực vật rừng nhiệt đới	Nguyễn Thanh Thúy Quyên	TS. Vũ Huyền Trang	
116	Đại học	Thiết kế BST "Vườn Xuân" lấy ý tưởng từ tranh sơn mài "Vườn Xuân Trung Nam Bắc"	Lê Thị Diễm Quỳnh	ThS. Phạm Thị Thủy Hằng	
117	Đại học	Thiết kế BST "Venus Flytrap" Lấy ý tưởng từ vẻ đẹp của cây bẫy ruồi	Lê Thị Thảo Tâm	ThS. Vĩnh Khiêm	
118	Đại học	Thiết kế BST "Dệt Mộng Tứ Thời" Lấy ý tưởng từ hoa văn	Nguyễn Văn Tâm	ThS. Vĩnh Khiêm	

STT	Trình độ đào tạo	Tên đề tài	Họ và tên người thực hiện	Họ và tên người hướng dẫn	Nội dung tóm tắt
		thực vật triều Nguyễn (bộ tứ thời Mai, Lan, Cúc, Trúc)			
119	Đại học	Thiết kế BST " Tơ lụa phù sa" lấy ý tưởng từ cánh đồng lúa ở quê hương nơi sinh ra và lớn lên	Nguyễn Hoàng Khánh Vân	TS. Vũ Huyền Trang	

V. KẾT QUẢ TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO

1. Các chỉ số đánh giá về tuyển sinh và đào tạo

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025-2026	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024-2025
1	Tỉ lệ nhập học trung bình 3 năm	71,52%	35,9%
2	Tỉ số tăng giảm quy mô đào tạo 3 năm	59,84%	35,2%
3	Tỉ lệ thôi học	5,89%	4,74%
4	Tỉ lệ thôi học đầu năm	0%	0%
5	Tỉ lệ tốt nghiệp	81,63%	90,8%
6	Tỉ lệ tốt nghiệp đúng hạn	71,42%	90,8%
7	Tỉ lệ người học hài lòng với giảng viên	92%	95,4%
8	Tỉ lệ người tốt nghiệp hài lòng tổng thể	97,06%	92,4%
9	Tỉ lệ người tốt nghiệp có việc làm đúng chuyên môn	87%	100%

2. Quy mô đào tạo, tuyển mới và tốt nghiệp trong năm

TT	Số lượng người học	Đang học	Tuyển mới	Tốt nghiệp	Tỷ lệ việc làm
I	Đại học				
1	Lĩnh vực 1 (Sư phạm mỹ thuật)				
	Chính quy	205	124	06	100%
	Vừa làm vừa học	87	33	21	100%
2	Lĩnh vực 2 (Hội họa, Điêu khắc, Thiết kế đồ họa, Thiết kế thời trang)	444	115	34	97%
3	Lĩnh vực 5 (Nội thất)	29	06	4	100%

VI. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

1. Các chỉ số đánh giá về hoạt động khoa học và công nghệ

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo 2025-2026	Năm trước liền kề năm báo cáo 2024-2025
1	Tỉ trọng thu khoa học-công nghệ	0	0
2	Số công bố khoa học/giảng viên	0.52	0,1
3	Số công bố WoS, Scopus/giảng viên	0	0,02

2. Các đề tài nghiên cứu khoa học trong năm

TT	Đề tài nghiên cứu khoa học	Số lượng	Kinh phí thực hiện trong năm
----	----------------------------	----------	------------------------------

1	Đề tài cấp Nhà nước	0	0
2	Đề tài cấp Bộ, tỉnh	0	0
3	Đề tài cấp cơ sở	06	80.000.000
4	Đề tài hợp tác doanh nghiệp (trong nước)	0	0
5	Đề tài hợp tác quốc tế	0	0
	Tổng số:	06	80.000.000

3. Kết quả công bố khoa học, công nghệ

TT	Công trình công bố	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Tổng số bài báo khoa học được HĐGSNN công nhận không nằm trong danh mục WoS, Scopus và bằng độc quyền giải pháp hữu ích	11	4
2	Tổng số công bố WoS, Scopus tất cả các lĩnh vực	0	1
3	Tổng số sách chuyên khảo, số tác phẩm nghệ thuật và thành tích thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế	03	1
4	Tổng số bằng độc quyền sáng chế	0	0
5	Tổng số bằng độc quyền giải pháp hữu ích	0	0

VII. KẾT QUẢ TÀI CHÍNH

1. Các chỉ số đánh giá về tài chính

TT	Chỉ số đánh giá	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
1	Biên độ hoạt động trung bình 3 năm	4%	4%
2	Chỉ số tăng trưởng bền vững	26%	26%

2. Kết quả thu chi hoạt động

DVT: đồng

TT	Chỉ số thống kê	Năm báo cáo	Năm trước liền kề năm báo cáo
A	TỔNG THU HOẠT ĐỘNG	30.375.625.541	20.475.358.267
I	Hỗ trợ chi thường xuyên từ Nhà nước/ nhà đầu tư	11.496.000.000	9.167.000.000
II	Thu giáo dục và đào tạo	18.879.625.541	11.308.358.267
1	Học phí, lệ phí từ người học	10.211.256.800	6.903.972.630
2	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN	8.010.078.800	2.680.000.000
3	Hợp đồng tài trợ từ bên ngoài	-	935.500.000
4	Thu khác	658.289.941	788.885.637
III	Thu khoa học và công nghệ		
1	Hợp đồng, tài trợ từ NSNN		
2	Hợp đồng tài trợ từ bên ngoài		
3	Thu khác		
IV	Thu khác (thu nhập ròng)		
B	TỔNG CHI HOẠT ĐỘNG	29.569.538.826	20.435.672.486
I	Chi lương, thu nhập	13.791.000.000	11.464.135.000
1	Chi lương, thu nhập của giảng viên	10.945.000.000	9.043.000.000
2	Chi lương, thu nhập cho cán bộ khác	2.846.000.000	2.421.135.000

II	Chi cơ sở vật chất và dịch vụ	5.963.547.637	6.096.739.770
1	Chi cho đào tạo	5.544.547.637	5.091.739.770
2	Chi cho nghiên cứu	387.000.000	989.000.000
3	Chi cho phát triển đội ngũ	32.000.000	16.000.000
4	Chi phí chung và chi khác		
III	Chi hỗ trợ người học	3.753.235.044	2.173.431.620
1	Chi học bổng và hỗ trợ học tập	3.707.235.044	2.123.431.620
2	Chi hoạt động nghiên cứu	12.000.000	18.000.000
3	Chi hoạt động khác	34.000.000	32.000.000
IV	Chi khác	6.061.756.145	701.366.096
C	CHÈNH LỆCH THU CHI	806.086.715	39.685.781

VIII. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM KHÁC

I. CÔNG TÁC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG

I.1. Tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật Nhà nước

Trường ĐHNT thường xuyên thông tin, tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách và pháp luật của Nhà nước đến toàn thể viên chức, người lao động và người học; tổ chức các đợt Hội nghị học tập và triển khai Nghị quyết của Ban chấp hành Trung ương Đảng, đồng thời thực hiện tốt Chỉ thị 05-CT/TW của Bộ Chính trị về “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” với Chuyên đề năm 2025 là "Phát huy ý chí tự lực, tự cường nhằm tiếp tục tăng cường công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh".

I.2. Thực hiện dân chủ cơ sở - công khai minh bạch

Trường ĐHNT tổ chức họp giao ban định kỳ mỗi 02 tuần với sự tham gia Ban Giám hiệu, Hội đồng trường, Thường vụ Đảng ủy và lãnh đạo các đơn vị. Cuộc họp giúp tăng cường sự phối hợp giữa các đơn vị, giải quyết kịp thời ý kiến của VC-NLĐ và người học, qua đó nâng cao tính dân chủ và sự minh bạch trong quản lý. Tất cả thông tin cuộc họp giao ban được ghi chép thành biên bản và phổ biến công khai, rộng rãi giúp VC-NLĐ và người học tiếp cận thông tin một cách dễ dàng, đầy đủ và kịp thời. Các đoàn thể trong Trường phối hợp với Nhà trường giám sát việc thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở trong Nhà trường, thực hiện văn hóa nơi công sở và tổ chức các hoạt động phong trào, văn hóa, giáo dục nhằm xây dựng môi trường học tập và làm việc tích cực, lành mạnh. Các nội dung công khai như cam kết chất lượng giáo dục và chất lượng giáo dục thực tế; điều kiện đảm bảo chất lượng cơ sở giáo dục; thu chi tài chính, chỉ tiêu tuyển sinh theo trình độ đào tạo, hình thức đào tạo, ngành, chuyên ngành đào tạo được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Trường (ngheathue.edu.vn) vào tháng 6 Đào tạo (GDĐT) vào tháng 9 hằng năm (Thông tư 36/2017/TT-BGDĐT). Hiện tại, Nhà trường đang triển khai thực hiện công khai theo Thông tư số 09/2024/TT BGDĐT ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Bộ GDĐT Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (thay thế Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT).

I.3. Hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao và các sự kiện quan trọng

Các chương trình văn nghệ trong trường: Nhà trường thường xuyên tổ chức các chương trình văn nghệ phục vụ cho nhiều sự kiện quan trọng, như Lễ Khai giảng năm học, Ngày hội Chào đón Tân sinh viên, các hội nghị, hội thảo và nhiều sự kiện khác.

Những hoạt động này không chỉ tạo sân chơi lành mạnh mà còn đóng vai trò là điểm nhấn trong các sự kiện lớn, đồng thời góp phần xây dựng tinh thần đoàn kết và ý thức trách nhiệm của mỗi thành viên trong Nhà trường.

Bên cạnh đó, Nhà trường cũng tích cực phối hợp với các đơn vị tổ chức nhiều hoạt động xã hội ý nghĩa như giao lưu, giới thiệu việc làm cho sinh viên, tạo điều kiện để sinh viên kết nối với các doanh nghiệp. Những hoạt động này không chỉ góp phần định hướng nghề nghiệp cho sinh viên mà còn quảng bá hình ảnh của Nhà trường.

II. CÔNG TÁC ĐÀO TẠO - BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG

II.1. Công tác tuyển sinh

II.1.1. Công tác tổ chức Kỳ thi Đánh giá năng lực

Thực hiện phân công của Giám đốc Đại học Huế, Trường đã tổ chức Kỳ thi Đánh giá năng lực năm 2025 theo đúng kế hoạch, chức năng, nhiệm vụ và quy chế.

II.1.2. Tuyển sinh Đại học chính quy

Tuyển sinh năm 2025, Trường đã xác định chỉ tiêu tuyển sinh và phương thức tuyển sinh; ban hành Kế hoạch tuyển sinh; công bố Quy chế thi, Đề án thi và tổ chức thi môn năng khiếu; công bố Quy chế thi, Đề án thi và tổ chức 03 đợt thi ĐGNL; công bố công khai Đề án tuyển sinh đại học năm 2025; tổ chức các hoạt động tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp năm 2025 tại Trường ĐHNT và các trường THPT trên địa bàn. Trường tổ chức xét tuyển theo đúng quy định và kế hoạch của Bộ GDĐT. Kết quả, Trường thu nhận được 256 SV/340 chỉ tiêu (đạt tỉ lệ 75,3% chỉ tiêu). Để đạt được kết quả trên, Trường đã triển khai và phối hợp các đơn vị thực hiện tốt công tác tư vấn tuyển sinh - hướng nghiệp, tổ chức thi các môn Năng khiếu, nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển, tổ chức xét tuyển, công bố kết quả và thu nhận tân SV đúng kế hoạch, nghiêm túc, an toàn và đúng quy chế của Bộ GDĐT, đặc biệt là tổ chức đăng ký xét tuyển theo hình thức trực tuyến.

II.1.3. Tuyển sinh Liên thông đào tạo trình độ đại học hình thức chính quy đối với người đã có bằng cao đẳng trở lên

Năm 2025, Trường đã thông báo tuyển sinh Liên thông 01 ngành đào tạo với tổng số là 40 chỉ tiêu thi tuyển. Kết quả có 33/40 thí sinh trúng tuyển nhập học, đạt tỉ lệ 82,5% chỉ tiêu.

II.2. Về chương trình đào tạo

Cập nhật đề cương chi tiết học phần đối với các học phần có thể giảng dạy trực tuyến; đồng thời rà soát, đánh giá, cập nhật Bản mô tả CTĐT và chương trình dạy học; đổi mới và áp dụng phương pháp dạy và học tiên tiến, đẩy mạnh ứng dụng CNTT vào việc tổ chức giảng dạy, xây dựng phương thức kiểm tra đánh giá phù hợp.

II.3. Công tác đảm bảo chất lượng

Nhà trường đã triển khai thực hiện có hiệu quả công tác tuyển sinh và đào tạo đối với các hệ đào tạo nhằm đáp ứng đầy đủ và đảm bảo chất lượng theo quy chế đào tạo.

Triển khai chương trình đào tạo đại học chính quy theo hình thức đào tạo tín chỉ và đào tạo niên chế.

Tiến hành khảo sát, ghi nhận góp ý từ các Khoa chuyên môn trong quá trình thực hiện chương trình đào tạo tín chỉ để có định hướng điều chỉnh phù hợp.

Triển khai công tác quảng bá, áp dụng các hình thức thu hút và tư vấn tuyển sinh đạt hiệu quả tốt. Số lượng thí sinh đăng ký đánh giá năng lực và trúng tuyển vào trường năm 2026 đã tăng so với năm trước.

Hoàn thành công tác báo cáo bảo đảm chất lượng trên các mặt hoạt động của Nhà trường. Triển khai công tác phân công nhiệm vụ đối với từng bộ phận, từng bước hoàn chỉnh đề án đánh giá cơ sở đào tạo trong thời gian sắp đến.

II.4. Công tác Tổ chức cán bộ, chế độ chính sách

Năm học 2025-2026, Nhà trường tiếp tục có nhiều biến động về nhân sự các cấp, từ lãnh đạo đơn vị đến viên chức, người lao động trong Nhà trường. Cụ thể:

Tiếp nhận 01 Giảng viên có trình độ Tiến sĩ về công tác tại khoa Mỹ thuật ứng dụng. Đồng thời cũng thực hiện chế độ đối với viên chức hết tuổi lao động theo quy định.

Dựa trên Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt và Nghị quyết của Đại học Huế về phê duyệt số lượng người làm việc năm 2025, Nhà trường đang thực hiện tuyển dụng HDLD, ra quyết định bổ nhiệm viên chức quản lý các đơn vị để kịp thời bổ sung nhân sự cho Nhà trường.

Công tác chế độ chính sách của Nhà trường luôn được quan tâm thực hiện, tháng 12 năm 2025 và tháng 6 năm 2026, Hội đồng xét nâng lương đã họp và ra quyết định nâng lương với các viên chức đủ điều kiện.

Giải quyết kịp thời các chế độ cho viên chức sau khi nghỉ thai sản và chế độ với các ngày lễ lớn như ngày Tết Dương lịch, Tết Nguyên Đán, ngày giải phóng 30/4, Quốc tế lao động 1/5,...

II.5. Công tác thanh tra, pháp chế, thi đua khen thưởng

*** Thanh tra, pháp chế**

Ban hành Kế hoạch Thanh tra, kiểm tra năm học 2025-2026 và triển khai thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra theo kế hoạch, tập trung vào công tác đào tạo như thanh tra công tác coi thi học kỳ; kiểm tra công tác coi thi kỳ thi tuyển sinh Đại học liên thông Ngành Sư phạm Mỹ thuật, năm 2025 đào tạo tại Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế (Tuyển sinh lưu động tại tỉnh Khánh Hòa); thanh tra việc thực hiện các quy chế, quy định, kế hoạch về công tác tổ chức đào tạo của các Khoa; Thanh tra việc phân bổ giờ lao động giảng viên và giờ làm việc của giảng viên năm học 2025-2026 của các khoa.

Hợp kiểm điểm tập thể và cá nhân trong việc chấp hành các quy định của pháp luật về bảo vệ Bí mật Nhà Nước và An ninh mạng đối với Bộ GD-ĐT và báo cáo Bộ Công an việc thực hiện kết luận thanh tra của Bộ Công an.

Thành lập Ban chỉ đạo công tác phòng chống tham nhũng tiêu cực (PCTN TC) năm 2025 của Trường và ban hành Kế hoạch triển khai công tác PCTN TC năm 2025. Công tác PCTN TC thực hiện theo quy định.

Nhà trường tiếp tục duy trì và nâng cao chất lượng công tác pháp chế. Trong năm học qua công tác pháp chế đã hoàn thành tốt các nhiệm vụ sau:

Tham gia xây dựng, góp ý dự thảo các quy định của nhà trường và văn bản Quy phạm pháp luật; kiến nghị sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp; góp ý các văn bản do Đại học Huế và các cơ quan, đơn vị gửi lấy ý kiến.

Công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật trong nhà trường được quan tâm hơn so với năm học trước và được triển khai dưới nhiều hình thức: Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn chính trị đầu năm học dành cho toàn thể VC, NLD, và Tuần Sinh hoạt công dân HSSV; Cập nhật thông tin phổ biến, giáo dục pháp luật trên trang fanpage và Trang Công đoàn Trường; Phổ biến Luật mới đến toàn thể VC, NLD và người học bằng đường công văn; Tổ chức hưởng ứng Ngày Pháp luật Việt Nam 09/11 bằng Khẩu hiệu trong tháng 11

*** Thi đua khen thưởng**

Công tác TĐKT thực hiện theo kế hoạch hàng năm của Đại học Huế, Bộ GD-ĐT và thành phố Huế và của Nhà trường. Thực hiện đúng thời gian và chỉ tiêu theo quy định. Năm 2024 và năm 2025 một số tập thể và cá nhân đạt được các thành tích tiêu biểu như sau: 01 Giải khuyến khích Cuộc thi và Triển lãm Tranh đồ họa các nước Asean 2024 do Bộ VH,TT&DL tổ chức, 01 Giải Đồng- Hạng mục Nghệ sĩ thành danh, Cuộc thi Hội họa thường niên do ngân hàng UOB tổ chức lần thứ 2 năm 2024, 01 Giải Khuyến khích Giải thưởng sáng tác, quảng bá tác phẩm văn học, nghệ thuật, báo chí về chủ đề “Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh” đợt II, giai đoạn 2021-2025 do Ban Tuyên giáo và Dân vận tổ chức, 02 Giải C Giải thưởng Văn học Nghệ thuật Cổ đô lần thứ VII (UBND tỉnh TTH), 07 giải thưởng cấp tỉnh/ thành phố khác. Về khen thưởng năm học 2024-2025, 01 tập thể được công nhận danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc và được tặng Cờ thi đua cấp Bộ; 02 cá nhân đang trình đề nghị khen thưởng cấp Bộ; 15 cá nhân được tặng Giấy khen của Giám đốc Đại học Huế; 1 tập thể và 02 cá nhân được tặng Bằng khen của Chủ tịch Thành phố, 15 cá nhân được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cơ sở, 02 cá nhân được tặng giấy khen của Hiệu trưởng; Về khen thưởng chuyên đề, 01 cá nhân được tặng Giấy khen của Giám đốc Đại học Huế cho viên chức, người lao động có nhiều đóng góp trong công tác đào tạo năm học 2025 – 2026; 03 cá nhân được thưởng có thành tích công tác xuất sắc đợt xuất trong năm học 2024-2025.

II.6. Công tác cơ sở vật chất

Nhà trường luôn chú trọng triển khai điều kiện CSVC cơ bản phục vụ công tác giảng dạy, thi kết thúc học phần, bảo vệ tốt nghiệp, đánh giá chất lượng đầu vào phù hợp công tác đổi mới tổ chức dạy học trong tình hình mới.

Thực hiện chỉnh trang phòng học, cảnh quan sân vườn đáp ứng điều kiện giảng dạy - học tập và các hoạt động chuyên môn của trường thiết thực, tiết kiệm.

Xử lý kịp thời các hư hỏng, trang cấp cơ bản điều kiện phục vụ hoạt động dạy học và phối hợp chặt chẽ, kịp thời hoạt động chuyên môn, quảng bá sâu rộng vị thế nhà trường ra xã hội góp phần trong thu hút đầu vào sinh viên hàng năm.

Hoàn thiện chỉnh sửa Hồ sơ tiêu chuẩn, định mức thiết bị chuyên dùng thuộc lĩnh vực giáo dục và đào tạo; Hồ sơ tiêu chuẩn, định mức sử dụng diện tích chuyên dùng nhà làm việc, công trình sự nghiệp của Trường Đại học Nghệ thuật, Đại học Huế trình Đại học Huế phê duyệt.

II.7. Công tác khoa học công nghệ, hợp tác quốc tế

*** Khoa học công nghệ**

Thực hiện công tác quản lý đề tài khoa học công nghệ các cấp cho viên chức, người lao động và sinh viên đúng quy định.

*** Hợp tác quốc tế**

Nhà trường đã cử tổng cộng 05 đoàn gồm giảng viên tham gia các chương trình trao đổi học thuật, workshop chuyên môn và triển lãm nghệ thuật tại nước ngoài. Các đoàn công tác tập trung vào các nội dung như: tham gia hội thảo khoa học, tăng cường kết nối với các cơ sở giáo dục và tổ chức nghệ thuật quốc tế, tham gia triển lãm và workshop chuyên môn. Đối với công tác đoàn vào, Nhà trường đã tiếp nhận 05 đoàn quốc tế đến thăm, làm việc, trao đổi chuyên môn và tham gia các hoạt động học thuật, nghệ thuật tại Trường. Các đoàn vào đã góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa, trao đổi kinh nghiệm giảng dạy – sáng tác, đồng thời tạo môi trường quốc tế hóa trong hoạt động đào tạo và nghiên cứu của Nhà trường.

Nhà trường đã ký kết Biên bản ghi nhớ (Memorandum of Understanding – MOU) với Đại học Udon Thani Rajabhat, Thái Lan vào tháng 9 năm 2025. Nội dung hợp tác tập trung vào các lĩnh vực: Trao đổi giảng viên, chuyên gia; Trao đổi sinh viên; Hợp tác đào tạo và nghiên cứu, workshop và triển lãm.

Các hoạt động hợp tác quốc tế khác như:

- Tiếp nhận 02 sinh viên thuộc Học viện Mỹ thuật Praha, CH Séc đến tham gia học tập “Kỹ thuật Sơn mài truyền thống Việt Nam” tại trường trong chương trình trao đổi sinh viên Erasmus+ năm 2025 giữa Đại học Huế, Việt Nam và Học viện Mỹ thuật Praha, CH Séc.

- Phối hợp với Trung tâm Bảo tồn di tích Cố đô Huế đã triển khai kế hoạch tổ chức Trại sáng tác điêu khắc quốc tế năm 2025 với chủ đề Ấn tượng Huế 2025 dự kiến tổ chức vào năm 2026.

- Tổ chức Workshop và Triển lãm quốc tế với chủ đề “Di sản văn hóa trong thực hành nghệ thuật đương đại” diễn ra từ ngày 21/9/2025 đến ngày 24/9/2025. Chương trình có sự tham gia của các nghệ sĩ, giảng viên đến từ Hàn Quốc, Nhật Bản, Lào và Thái Lan.

- Tổ chức buổi giao lưu trao đổi học thuật cho GV và SV với chủ đề “Trực họa, một số vấn đề về các sáng tác của họa sĩ Pháp hiện nay.” do họa sĩ Yves Dimier (Pháp) trình bày.

- Phối hợp với Trường Đại học Vermont (Mỹ) tổ chức Triển lãm và Workshop với chủ đề “Nghệ thuật giấy thủ công” từ ngày 21/12/2025 đến ngày 04/01/2026.

Nhìn chung, các hoạt động hợp tác quốc tế năm 2025 đã được triển khai đúng định hướng, góp phần mở rộng quan hệ đối ngoại và nâng cao môi trường học thuật, sáng tác của Nhà trường.

***Thư viện**

Tổ chức trưng bày sách nhân ngày sách Việt Nam.

Bổ sung nguồn tư liệu, sách biếu tặng, tiếp nhận khóa luận của sinh viên tốt nghiệp, giới thiệu sách mới phục vụ bạn đọc.

Xây dựng đề án phát triển thư viện.

***Sở hữu trí tuệ**

Quản lý tài sản trí tuệ như đề tài khoa học và công nghệ, sách xuất bản, tập san thông tin kỹ thuật...Thực hiện đăng ký bản quyền tác giả cho viên chức, người lao động.

II.8 Kế hoạch - Tài chính

Thực hiện nghiêm túc theo dự toán tài chính năm 2025;

Trong năm học vừa qua, Nhà trường tiếp tục rà soát, hệ thống cơ sở vật chất các khoa, tham mưu Ban giám hiệu sử dụng hiệu quả chống lãng phí tài sản công, sửa chữa, mua sắm cơ sở vật chất phục vụ cho nhu cầu học tập của sinh viên, cải thiện, bổ sung thiết bị dạy học, bàn ghế cho các lớp học đại cương.

Bên cạnh đó, Nhà trường chú trọng việc vận động các nguồn hỗ trợ từ bên ngoài đặc biệt là từ doanh nghiệp và Đại học Huế. Từng bước tăng nguồn thu của nhà trường qua các kênh mới như hoạt động dạy học, đào tạo ngắn hạn cấp chứng nhận....

II.9. Các hoạt động đoàn thể

I.9.1. Công đoàn

Trong sự khó khăn chung của Nhà trường, Công đoàn trường và các Công đoàn bộ phận cố gắng tìm hướng khắc phục và động viên VC, NLĐ đổi mới nội dung các hoạt động phù hợp với điều kiện tại mỗi đơn vị.

Vận động VC, LD tham gia vào các phong trào, các cuộc vận động do công đoàn cấp trên phát động, chăm lo đời sống cho VC, NLĐ theo chế độ chính sách quy chế của Nhà trường.

II.9.2. Đoàn Thanh niên, Hội sinh viên

Công tác giáo dục chính trị tư tưởng tiếp tục được đẩy mạnh gắn với đặc thù chuyên môn, đặc biệt hưởng ứng cuộc vận động theo chỉ thị 05 của Ban chấp hành Trung ương Đảng, về việc “Học tập và làm theo tấm gương, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh”. Các nội dung phổ biến về giáo dục tư tưởng, đạo đức, lối sống, pháp luật được lồng ghép vào các chủ đề, chuyên đề quan trọng thuộc nhiều lĩnh vực an ninh, văn hóa, xã hội...

Một số hoạt động đã tham gia và triển khai thực hiện như: Phong trào “Thanh niên tình nguyện”; Phong trào “Tuổi trẻ sáng tạo”; Phong trào “Tuổi trẻ xung kích bảo vệ Tổ quốc”; Chương trình đồng hành với thanh niên học tập; Chương trình đồng hành với thanh niên khởi nghiệp, lập nghiệp ; Chương trình “Đồng hành với thanh niên rèn luyện và phát triển kỹ năng trong cuộc sống, nâng cao thể chất, đời sống văn hóa tinh thần”; Các chương trình hoạt động được tổ chức quy mô, đa dạng phù hợp với năng lực chuyên

môn và kỹ năng của sinh viên như: Chương trình "Ký họa di sản", Giải bóng bàn - bóng đá, Hội trại tháng thanh niên, Chương trình Tiếp sức mùa thi, Chủ nhật xanh, Tình nguyện hè, Hiến máu tình nguyện, giao lưu quốc tế, Triển lãm tranh tượng-bài học sinh viên...

II.10. Hoạt động giảng dạy tại các Khoa

Trong thời gian qua, các Khoa luôn chú trọng hoàn thành kế hoạch giảng dạy và học tập tại trường năm học 2025 - 2026, công tác giảng dạy hệ đại học Chính quy, liên thông đại học được thực hiện nghiêm túc và đúng theo quy định.

Trong công tác NCKH và triển lãm: Nhiều cán bộ, giảng viên Nhà trường đã đạt được các kết quả đáng khích lệ, đạt được nhiều giải thưởng lớn. Nhiều GV được mời tham gia giám khảo, phản biện các cuộc thi, triển lãm mỹ thuật, thành viên các Hội đồng phản biện đề tài NCKH sinh viên, giảng viên cấp ĐHH và cấp trường./.